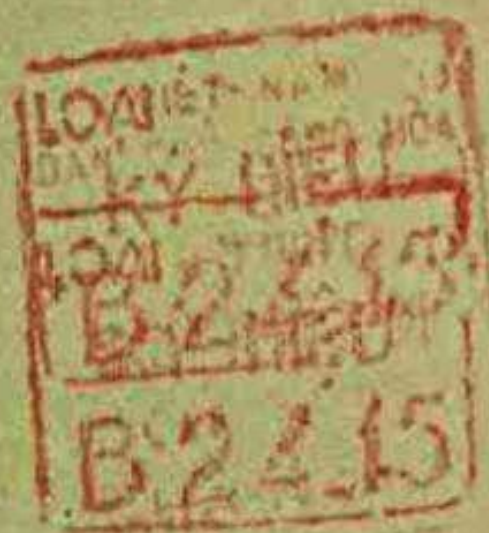


HẦU NGOẠI LƯ
TRIỆU KỶ BÀN – ĐỒ QUỐC TƯỜNG

HỌC THUYẾT
TỦ' TU' MẠNH TỦ'

TIMSACH.COM.VN



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT
HÀ-NỘI

HÀU NGOẠI LƯ
TRIỆU KỶ BÂN — ĐỒ QUỐC TƯỜNG



HỌC THUYẾT
TỦ, TỦ, MẠNH TỦ

TIMSACH.COM.VN



NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT
HÀ-NỘI — 1960

CHÚ DẪN CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Quyển Học thuyết Tử Tư. Mạnh tử này là bản dịch Chương XI trong bộ Trung-quốc tư tưởng thông sử của các tác giả Hàn Ngoại-lư, Triệu Kỳ-bán, Đỗ Quốc-tường do Nhà xuất bản Nhân dân Bắc-kinh xuất bản năm 1957.

Đây là bản dịch tiếp tục những chương trước, đã được in thành từng quyển và đã xuất bản năm 1959.

Tháng 6 năm 1960

SỰ THẬT

B2415

HỌC PHÁI TƯ, MẠNH VÀ TƯ TƯỚNG NHÔ HỌC DUY TÂM

Tiết một

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRƯỜNG KHÔNG TỬ CHI PHÁI TĂNG TỬ ĐẾN HỌC PHÁI TƯ, MẠNH

LOẠI
KỲ MỤC
B2415

Trong khi bàn về vấn đề phân hóa giữa các nhà nho thời kỳ đầu, trong phần *Hiển học Không*, Mặc chúng tôi đã xếp Tư, Mạnh Kha vào một phái, và đã nhắc đến tư tưởng ngũ hành «uẩn mà không nói ra được, bề tặc mà không giải nghĩa được» của họ. Học phái đó đã tìm ra được chỗ bầu vùi của họ từ những tư tưởng duy tâm tự xét mình theo cách «chăm chú lo lắng», «mỗi ngày lấy ba việc tự kiểm điểm mình» của Tăng tử. Chúng tôi cho rằng, đầu mỗi tư tưởng đó rất quan trọng đối với việc nghiên cứu tính chất của học phái Tư, Mạnh. Nhưng về tư tưởng và sự hoạt động của Tăng tử, thì do thiếu tài liệu sách vở và phần nhiều người xưa cũng chưa chú ý đầy đủ, nay xin đặc biệt nêu rõ để nghiên cứu như sau:

Học trò trường Không, đại khái có chia ra lớp trước, lớp sau. Như Tử Lộ, Nhiễm Hữu, Tề Ngã, Tử Công, Nhan Uyên, Mãn Tử-khiên, Nhiễm Bá-ngưu, Trọng Cung, Nguyên Hiên, Tử Cao, Công Tây-hoa, là những người đã học trước khi Không tử rời nước Lỗ; còn Tử Du, Tử Hạ, Tử Trương, Tăng tử, Hữu Nhược, Phàn Trì, Tật Điều-khai, Đàm Đài-Diệt-minh

là những người đi theo Không tử sau khi trở về nước Lỗ. Nay theo câu nói «nho chia làm tám» trong thiên *Hiển học*, sách *Hàn Phi tử* thì có thể xét ra được là phái nho Tử Trưong, phái nho Tắt Điều-khai đều thuộc lớp sau; các phái tiền nho Tử Trưong, Tử Hạ, Tử Du, mà thiên *Phi thập nhị tử* sách *Tuân tử* đã chỉ trích cũng thuộc về lớp sau.

Về việc Không tử đối với các học trò lớp trước lớp sau và sự phân biệt giữa những học trò với nhau, thì sách *Luận ngữ* có nhiều chỗ đã ghi rõ; nhưng tài liệu có liên quan đến Tăng tử lại chỉ có hai chỗ như sau:

«Cao Sài thì ngu xuẩn, Tăng Sâm thì *đần độn*, Công Tôn-sur thì thiên lệch, Trọng Do thì lỗ mãng.»
(*Tiên tiên*)

«Tăng tử nói: «Tư cách làm người của Tử Trưong cao không thể với tới được, khó diu dắt những người khác cùng tiền tôi chỗ nhân đức.»» (*Tử Trưong*)

Điều đáng chú ý ở đây: Một là, sách *Luận ngữ* đã ghi tương đối nhiều lời phê bình hay của Không tử đối với học trò, nhưng toàn bộ quyển sách ấy chỉ có hai chữ «đần độn» dùng để phê bình Tăng tử; hai là, đối với Tử Trưong là người lập tông phái riêng, Tăng tử nói «khó diu dắt những người khác cùng tiền tôi chỗ nhân đức». Hai tài liệu đó, tuy chỉ có mấy chữ, nhưng đối với việc nghiên cứu tư tưởng Tăng tử, lại là những tài liệu soi sáng cho chúng ta.

Tăng tử không những cho Tử Trưong «khó diu dắt những người khác cùng tiền tôi chỗ nhân đức», mà giữa Tăng tử và Tử Hạ, cũng hình như có nhiều ý kiến khác nhau. Thiên *Đàn cung*, sách *Lễ ký* nói:

«Tử Hạ mất đứa con trai, thương khóc đến hồng cả mắt. Tăng tử đến thăm và nói: «Tôi nghe bạn bè hồng mắt nên thương mà khóc.» Tăng tử khóc, Tử Hạ cũng khóc và nói: «Trời ôi! Tôi có tội gì?» Tăng tử giận nói:

«Thương! ¹ Anh nói anh không có tội à? Khi trước tôi cùng với anh thờ thầy ở sông Thù, sông Tứ, rồi lui về yên nghỉ tuổi già ở bên sông Tây-hà, anh đã làm cho nhân dân Tây-hà sánh anh với thầy, đó là một tội; cha mẹ anh mất, không ai nghe nói là anh có thương xót, đó là hai tội; nay con anh mất, anh đã thương khóc đến hỏng cả mắt, đó là ba tội; như thế anh dám nói rằng anh vô tội ư?» Tử Hạ ném bỏ gậy, vái và nói: «Tôi có lỗi rồi! Tôi có lỗi rồi! Tôi đã lia đàn mà ở lẻ loi khá lâu rồi.»

Chuyện này cũng đã thấy có trong thiên *Họa hư*, sách *Luận hoành* của Vương Sung, toàn thể các học giả đời Hán đều tin là có thật, dường như họ không vì sách *Luận ngữ* không có ghi chép, mà cho chuyện đó là bịa đặt. Còn như việc nhân dân Tây-hà sánh Tử Hạ với Không tử, và Tăng tử đã cho là một trong ba tội, thì đó là chỗ đáng được nghiên cứu kỹ.

Sau khi Không tử chết, Hữu Nhược và Tử Du cũng hình như đều có xu hướng lập tông phái riêng, giữa Tăng tử và những người ấy cũng có những ý kiến khác nhau. Xin nêu lên những bằng chứng đã được ghi lại trong sách *Mạnh tử* và *Lễ ký* như sau:

«Ngày xưa, Không tử mất,... Tử Hạ, Tử Trương và Tử Du cho rằng Hữu Nhược là giống thánh nhân, muốn đem nghi lễ phục vụ Không tử để phục vụ Hữu Nhược; rồi những người ấy ép Tăng tử theo việc đó. Tăng tử nói: «Không nên làm như thế! Đạo đức của thầy ví như nước sông Giang, sông Hán sạch sẽ, tha hồ cho người rửa giặt; như mặt trời mùa thu chói sáng, tha hồ cho người phơi phóng, sự trong sáng đó chẳng ai hơn thầy được.» (Đặng Văn công, *thượng*)

«Hữu tử hỏi Tăng tử rằng: «Có hỏi thầy về việc tang không?» Tăng tử nói: «Đã được nghe thầy nói

1. Tử Hạ họ Bộc, tên *Thương*. (N.D.)

rồi, là có tang muốn cho chóng nghèo, đã chết muốn cho chóng nát.» Hữu tử nói: «Lời ấy không phải của người quân tử nói.» Tăng tử nói: «Chính Sâm này đã nghe thấy nói.» Hữu Nhược lại nói: «Lời ấy không phải của người quân tử nói.» Tăng tử nói: «Sâm này cùng với Tử Du đều nghe.» Hữu Nhược nói: «Phải, thế thì thấy có nhân điều gì đó mà nói câu ấy.» Tăng tử đem chuyện đó nói với Tử Du. Tử Du nói: «Đúng lắm! Lời của Hữu tử nói thật là giống lời của thầy.» (Đàn cung)

Điều đặc biệt đáng chú ý ở chỗ này là: Tăng tử đã biểu lộ việc không đồng ý với cái kế hoạch «dùng nghi lễ phục vụ Khổng tử để phục vụ Hữu Nhược».

Đồng thời, giữa Tử Hạ và Tử Trương, giữa Tử Du và Tử Hạ, giữa Tử Trương và Tử Du, ý kiến cũng đều không thống nhất (*Luận ngữ, Tử Trương*). Riêng Tăng tử đối với các bạn cùng lớp đã có tên tuổi như đã kể trên, thì lại càng tự đặt mình lên cao, không chịu kém người. Những việc ấy, một mặt có thể chứng minh sau khi Khổng tử đã mất, sự mâu thuẫn trong nội bộ trường Khổng càng gay gắt, và mặt khác lại có thể cho ta thấy chắc chắn rằng Tăng tử có can đảm tự cho mình là chính truyền của Khổng học.

Đối với việc giành lấy chính truyền của Khổng tử, Tăng tử không những có sự tự giác tỉnh táo, mà hình như còn có sự quyết tâm và niềm tin tưởng rất cao. Cho nên Tăng tử nói:

«Kẻ sĩ cần phải kiên cường và có nghị lực; vì họ mang gánh nặng và đi đường xa. Họ lấy việc thực hiện những điều nhân đức cho thiên hạ làm nhiệm vụ của mình. Họ mang lấy cái gánh ấy có thể nói không đủ nặng ư? Nhưng quyết tâm làm đến chết mới thôi, con đường ấy không đủ xa ư?» (*Luận ngữ, Thái Bá*)

Tác phong của Tăng tử, đại khái có khác với phong cách cao không thể với tới được của Tử Trương, mà là một

thái độ thận trọng «chăm chú lo lắng», nghiêm chỉnh giữ theo những quy củ còn để lại của Không tử, nói ra là ca tụng thấy, tuyệt nhiên không nêu lên những ý kiến riêng của mình. Về điểm đó, không cần phải trích dẫn các thiên *Đàn cung*, *Tề nghĩa* trong sách *Lễ ký* để chứng minh, mà ngay trong sách *Luận ngữ* cũng có:

«Tăng tử nói: «Tôi được nghe thấy nói, bình thường người ta chưa có thể phát huy tình cảm một cách tự động và đầy đủ, nếu có, nhất định chỉ là khi nào cha mẹ đã chết rồi!»» (*Tử Trương*)

«Tăng tử nói: «Tôi được nghe thấy nói, sự hiểu thảo của Mạnh Trang tử, về những điều khác đều có thể làm theo được, còn đến việc vẫn dùng những người tùy thuộc cũ của cha, việc không thay đổi đường lối chính trị cũ của cha, thì khó làm theo được.»» (*Tử Trương*)

Vì Tăng tử đã tự cho là được chính truyền của Không tử, mà không nêu lên những ý kiến riêng của mình, cho nên ngoài việc Trang tử nêu Tăng, Sử (Sử Ngự) ra và thêm lời phê bình (trong hai thiên *Biến mẫu* và *Tại hựu*) và việc Tuân tử coi Tăng tử là bậc tiền bối của Tử Tư, Mạnh Kha (thiên *Giải tề*), thì người xưa khi bàn đến các môn phái tư tưởng đời Tiên Tần, như Hàn Phi tử, v.v., đều không nói đến Tăng tử. Mặc dù người xưa không cho Tăng tử là một nhà nho tự lập ra môn phái riêng, nhưng trong thực tế, sau khi Không tử đã chết, thì rõ ràng là dưới danh nghĩa truyền thuật đạo Không, Tăng tử đã thu phục được nhiều học trò, hình thành một phái nho mạnh mẽ. Học trò của Tăng tử có tên trong những sách vở có thể khảo cứu được bao gồm những người như Mạnh Kinh tử, Dương Phu, Tử Trương, Trầm Do-hành, Công Minh-nghị, Công Minh-tuyên (Cao), Nhạc Chính-Tử-xuân, Ngô Khởi, v.v.; điều đáng chú ý hơn nữa là Tăng tử đã được vua nước Lỗ, nước Phí coi trọng, con Tăng tử là Tăng Thân lại được Lỗ Mục công trọng dụng, học trò là Ngô Khởi rất có tiếng tăm ở

nước Sở, nước Ngụy; những địa vị chính trị cao đó có thể nêu lên cái tính chất quan trọng của học thuyết Tăng tử, và xác định được sự tin tưởng của Tăng tử trong việc kế thừa truyền thống chính của Khổng tử. Cho nên ông nói :

« Ta từng nghe thấy ta dạy về kẻ đại dũng rằng : tự xét mình không ngay thẳng, tuy gặp một người mặc áo vải lưng thùng, ta cũng sợ ; tự xét mình là ngay thẳng, tuy đến chỗ hàng ngàn vạn người, ta cũng mạnh dạn đi tới. » (*Mạnh tử, Công Tôn-sưu, thượng*)

« Nước Tần, nước Sở giàu có, thật là không thể bì được. Nhưng, họ dựa vào sự giàu có của họ, ta dựa vào đức nhân của ta ; họ dựa vào chức tước của họ, ta dựa vào đức nghĩa của ta, ta có kém gì họ đâu? » (*Công Tôn-sưu, hạ*)

Hình như Mạnh tử là người đầu tiên đưa ra thuyết Tăng tử được chính truyền của Khổng tử. Mạnh tử tự nói rằng « đức sở nguyện của tôi là được học Khổng tử », nhưng ông biết rằng thời gian và sự việc của ông cách Khổng tử đã xa, nên ông lấy Tăng tử, Tử Tư làm trung gian. Trong bảy thiên sách *Mạnh tử* có chín chỗ dẫn lời Tăng tử, sáu chỗ dẫn lời Tử Tư, đều là những lời ca ngợi suy tôn, có thể chứng minh điểm đó. Sách *Mạnh tử ngoại thư* đã chép :

« Man Khâu-Bất-trạch hỏi Mạnh tử rằng : « Thấy học ở đâu? » Mạnh tử nói : « Nước Lỗ có bậc thánh nhân là Khổng tử, Tăng tử học ở Khổng tử, Tử Tư học ở Tăng tử. Tử Tư là cháu Khổng tử, con của Bá Ngự. Con của Tử Tư là Tử Thượng, Kha này đã học ở ông ấy, cho nên được những điều truyền lại của thánh nhân. » » (*Tĩnh thiện biện*)

« Mạnh tử sang nước Cử, có nhà giảng học của Tăng tử. Mạnh tử đi vào nhà đánh đàn và hát, đôi ba người học trò họa theo. Những cụ già nước Cử nói : « Đã lâu lắm rồi, chúng tôi không được nghe tiếng đàn ca ấy, đây là học trò của thánh nhân. » » (*Tĩnh thiện biện*)

«Nhạc Chính-Tử-xuân đã chín mươi tuổi, cho con là Khắc theo học Mạnh tử, ông nói: «Ngày xưa những học trò của thánh nhân như Nhan tử thì dùng điều nhân, Tăng tử thì dùng điều hiếu, Quý Lộ thì dùng điều dũng, Bá Công thì dùng điều trí, những người ấy đều dùng những chỗ sở đắc của mình mà nổi tiếng trong thiên hạ, truyền lại cho đời sau; con hãy sang đó học, may ra có thể học được một điều gì chăng?»» (Hiếu kinh)

Suốt bốn thiên sách *Mạnh tử ngoại thư* (bản cũ) do «người sau mô phỏng đặt ra», từ Triệu Kỳ trở về sau đã thành lý luận cố định; nhưng ba đoạn dẫn ra trên đây là phù hợp với ý nghĩa của sách *Mạnh tử* theo bản ngày nay.

Từ khi Mạnh tử suy tôn Tăng tử trở về sau, địa vị của Tăng tử trong trường Không càng cao. Đến đời Tống cái gọi là thuyết «Tăng tử được chính truyền của Khổng tử» không những gần như thành lý luận cố định, mà còn có sự hòa lẫn học thuyết của Tăng tử, Tử Tư, Mạnh Kha làm một. Xin dẫn lời của Trình tử, Cha tử đề chứng minh:

«Khổng tử mất, đạo của Tăng tử ngày càng phát triển. Khổng tử mất, người truyền đạo của Khổng tử, chỉ có Tăng tử mà thôi. Tăng tử truyền cho Tử Tư, Tử Tư truyền cho Mạnh tử, Mạnh tử chết rồi, đạo bị thất truyền. Đến Mạnh tử, đạo của thánh nhân càng được tôn trọng.» (Nhị Trình ngữ lục)

«Học trò của trường Không, như Tử Công về sau kiến thức rất cao, nhưng rốt lại không bằng Tăng tử là người đã được chính truyền bằng «một tiếng dạ». Đó là đại thể. Cuối cùng Tăng tử đã đặt được cơ sở, cùng cò được chắc chắn. Tăng tử có những lời nói như «họ dựa vào sự giàu có của họ, ta dựa vào điều nhân của ta», «những người có thể đem đứa bé mồ côi mà gửi cho họ», «kẻ sĩ cần phải kiên cường và có nghị lực», cho nên về sau có Tử Tư, Mạnh tử,

cái học của Tăng tử được truyền lại lâu dài. Càng thấy rõ ở khí tượng của Mạnh tử.» (*Chu tử ngữ loại*)

Chúng tôi cho rằng tư tưởng của Tăng tử với Tử Tư, Mạnh Kha chính là phát triển cùng một đường. Nhưng nói rằng Tăng tử được chính truyền của Khổng tử, thì nhất định không đúng sự thật. Vì xưa nay tư tưởng Tăng tử là nguồn gốc lý luận hay là hình thái mầm mống của học phái Tư, Mạnh, nhưng không phải là chân truyền của tư tưởng Khổng tử. Nghĩa là, mặc dù về hình thức văn tự Tăng tử «nói ra là ca tụng thầy», nhưng về thực chất tư tưởng, ông đã vứt bỏ phần tích cực, mà kế thừa một cách phiên diện và phát triển phần tiêu cực của học thuyết Khổng tử. Trong phần hiến học Khổng, Mặc, sở dĩ chúng tôi liệt Tăng tử là một phái mở đầu cho giai đoạn suy tàn của truyền thống tốt đẹp của học thuyết Khổng tử, chính là chỉ việc đó. Nhưng để hiểu điểm đó một cách cụ thể hơn, thì cần phải có những bằng cứ chắc chắn.

Những tài liệu về tư tưởng Tăng tử, sách *Hàn chí* đã chép lại 18 thiên sách *Tăng tử*, từ đời Tùy trở về sau, toàn bộ đã bị mất mát; cái gọi là «Tăng tử viết sách *Đại học*», v.v., đều chỉ là lời nói vô căn cứ của Tống nho mà thôi. Ngày nay còn bản chú thích 10 thiên sách *Tăng tử* của Nguyễn Nguyên, và 12 thiên *Tăng tử* trong tập san trường «Hiếu nghĩa gia thực» của họ Nghiêm ở Việt-nam, tài liệu thì có nhiều, nhưng chưa phải là những sách có thể tin được. Cho nên, ngày nay nghiên cứu tư tưởng Tăng tử, chúng tôi vẫn phải lấy sách *Luận ngữ* làm chỗ dựa duy nhất. Trong sách *Luận ngữ* có 16 chương có dính dáng đến Tăng tử, ngoài những chỗ mà chúng tôi đã trích dẫn rồi, các chương nêu ra dưới đây có thể cho ta thấy được một cách khái quát về tư tưởng Tăng tử:

«Họ Mạnh cử Dương Phu làm quan sĩ sự¹,
Dương Phu hỏi ý kiến Tăng tử. Tăng tử nói: «Hiện
nay người bậc trên không dựa vào quy tắc để làm

¹ Sĩ sự: là chức quan giữ việc binh án. (N.D.)

việc, dân đã ly tán từ lâu, nếu người có thể xét ra chân tình của người phạm tội, thì phải thương xót họ, chớ nên lấy làm mừng.» (Tứ Trương)

Điều đó nói lên rằng trong thời đại Tăng tử (khoảng 505 đến 436 trước công lịch), xã hội thời cổ đại đầy những nguy cơ. Câu « dân đã ly tán từ lâu » có nghĩa là có hiện tượng dân nô lệ bỏ trốn đã lâu rồi. Trong câu « phải thương xót họ, chớ nên lấy làm mừng », chúng ta có thể thấy rõ lập trường chính trị của Tăng tử. Để cứu vãn những nguy cơ xã hội đó, Tăng tử đã đưa ra phương án phục hồi những tàn tích chế độ thị tộc :

« Tăng tử nói : «Cần thận đối với việc chết của cha mẹ, truy niệm những tổ tiên đời trước, làm được như vậy, tự nhiên phong tục xã hội đều sẽ thực thà, không khinh bạc.» (Học nhi)

« Tăng tử nói (bản Luận ngữ ngày nay làm là lời của Khổng tử, đây theo sự khảo cứu cải chính của các nhà nho đời Thanh) : « Người quân tử ăn ở nhân hậu với người thân, thì dân vui vẻ bắt chước theo điều nhân ; không bỏ rơi người cô cự, thì dân bắt chước mà không ăn ở bạc bẽo.» (Thái Bá)

Trong những năm đầu đời Chiến quốc, giai cấp quốc dân đã giành được địa vị kinh tế của mình và tiến hành thanh toán những tàn tích của chế độ tông pháp thị tộc, Tăng tử đề ra phương án đó, rõ ràng là một thứ bi kịch phục cổ không có lỗi ra. Cho nên :

« Tăng tử có bệnh, Mạnh Kính tử đến thăm. Tăng tử nói : « Con chim sắp chết, tiếng kêu buồn bã ; con người sắp chết, lời nói thật thà. Người quân tử đối xử với mọi người có ba điều cần phải chú ý : sửa thái độ của mình cho nghiêm chỉnh, để tránh được sự thô bạo và khinh nhờn của người khác ; sửa dụng mạo của mình cho đúng đắn, để dễ làm cho người ta tin ; khi nói năng phải suy nghĩ kỹ từng tiếng từng lời, để có thể tránh được sự quē mùa, vụng về và lảm

lần. Còn những đồ dùng cúng tế, thì đã có người coi giữ. » » (Thái Bá)

Ở đây, chúng ta thấy Tăng tử đã coi khinh lao động (« sự què mùa, vụng về và lấm lẩn ») và chống đầu tranh (« sự thô bạo, khinh nhờn »), mà cố ý mở rộng uy quyền của giai cấp thống trị như thế nào. Hơn nữa sự tỉnh ngộ của bọn quý tộc suy tàn đã làm cho cái « tiết lớn » « đền chết mới thôi » của Tăng tử tách khỏi cuộc đầu tranh hiện thực để rẽ sang con đường nội tình luận, tự bồi dưỡng và tự kiểm điểm mình về đạo đức hiền thảo. Ví dụ :

« Tăng tử nói : « Ta mỗi ngày lấy ba việc tự kiểm điểm mình : Làm việc cho người khác có trung thành không ? Giao thiệp với bè bạn có thực thà không ? Thấy dạy, ta có ôn tập không ? » » (Học nhi)

« Tăng tử có bệnh, gọi học trò đến và nói : « Hãy mở xem chân của ta ! Hãy mở xem tay của ta ! Kinh thi có nói rằng : Phải chú ý ! Phải cẩn thận ! Như đứng bên hồ vực sâu, như đi trên băng tuyết mỏng. Từ nay về sau, ta biết là ta đã có thể thoát khỏi những điều tội lỗi ! Các trò ạ ! » » (Thái Bá)

Xuất phát từ quan điểm nội tình luận đó, những phạm trù về tôn tại khách quan đều mất hết ý nghĩa, chỉ cần tìm trong con người của mình « xét lại mình mà thành », thì con người sẽ thông cảm được với trời đất, không có gì vui thích hơn nữa. Cho nên :

« Tăng tử nói : « Tự mình có năng lực, lại có lúc phải đi học hỏi ở những người thường ; tự mình có tri thức phong phú, lại có lúc phải đi học hỏi ở những người kém tri thức ; tự mình có học vấn, lại tỏ ra như người không có học vấn ; là người có tri thức đầy đủ, lại tỏ ra như người không hiểu biết gì ; bị người ta xúc phạm, cũng không tranh hơn thiệt. Trước đây có một người bạn của ta đã từng làm được những điều đó. » » (Thái Bá)

Như trên đã nói, từ « tay chân », « thái độ », « dung mạo », « lời nói » của bản thân ta, cho đến những ý thức đạo đức « trung thành », « thực thà », « ôn tập » trong nội tâm, đã thay thế cho tất cả, thì « nắm lấy một việc » là có thể ứng phó được muôn việc. Cho nên :

« Không tử nói : « Trò Sâm ! Đạo của ta là nhất di quán chi ». Tăng tử nói : « Dạ ! » Không tử đi rồi, anh em mới hỏi Tăng tử : « Ý nghĩa của câu nói đó là thế nào ? » Tăng tử nói : « Đạo của thầy ở hai chữ trung và thứ mà thôi. » » (*Lý nhân*)

Tổng hợp những đoạn trên, chúng ta có thể thấy rằng, thực chất tư tưởng của Tăng tử khác với Không tử, mà gần với tư tưởng siêu hình của Tử Tư, Mạnh Kha. Người trước phần nhiều chưa chú ý đến sự biến hóa của tư tưởng nhà nho và việc Tăng tử đã giữ địa vị mở đầu trong sự biến hóa đó ; chỉ có Diệp Thích là một tay cự phách trong học phái Vĩnh-gia đời Nam Tống có tinh thần dũng cảm, kiên quyết chống các thuyết sai lầm cho rằng « Tăng tử được chính truyền của Không tử », ông cho rằng học phái Tử, Mạnh là sự kế thừa trực tiếp tư tưởng Tăng tử ; Diệp Thích so sánh Tăng tử với Tử Công, và nói rõ việc Tăng tử đã lấy hai chữ « trung thứ » để giải thích chữ « nhất quán » thật đáng hoài nghi :

« Đối với đạo đức và việc học, Không tử bắt đầu đều nói « nhất di quán chi »... Song chúng tôi vẫn ngờ việc Không tử đã dùng chữ « nhất quán » nói với Tăng tử, Tăng tử chỉ « dạ » mà không hỏi lại, như đã biết trước rồi ; lấy những điều Tăng tử nói với Mạnh Kinh tử mà xét, thì có sự khác nhau giữa to và nhỏ, có sự phân biệt giữa sang và hèn, chưa chắc có phù hợp với ý nghĩa chữ « nhất quán » ? Tăng tử lại tự chuyển ra thành « trung thứ » ; trung là làm hết sức mình, thứ là nghĩ đến người khác, tuy nói trong ngoài đều hợp nhất, nhưng từ xưa thánh nhân đã áp dụng những chữ ấy một cách mầu nhiệm bao trùm cả trời

đặt, không phải là dừng lại ở chỗ đó. Hoài nghi câu nói ấy không phải của Không tử là đúng, nhưng e rằng không thể lấy gì làm bằng chứng. Tử Công tuy phân ra văn chương tính mệnh, tự đoạn tuyệt với những việc lớn lao đó mà không dám gần, Không tử lại định ninh nói ra cho Tử Công biết được là cái đạo ấy tuy chưa bao giờ tách rời việc học nhưng không phải do ở việc học, cái mà biết được ấy, là nhờ có quan niệm «nhất dĩ quán chi» mà thôi. Đó là cái dễ thông của Tăng tử, lại không bằng cái khó hiểu của Tử Công. Còn những nhà học giả gần đây, chỉ thôi phỏng thuyết «nhất quán» của Tăng tử; về chỗ mà Tử Công đã nghe thì gác bỏ không nói, điều đó đã làm cho tôi thể hiểu được.» (*Học tập ký ngôn*, quyển 13)

Kể đó, Diệp Thích lại dẫn nhiều chứng cứ về thuyết sai lầm của các nhà nho đời sau cho rằng Tăng tử khi sắp chết, đã tự mình truyền đạo Không tử cho người khác, và ông đã đưa ra lời phê bình, chỉ rõ hạt nhân học thuyết của Tăng tử là ở chỗ «lấy mình để hình dung vạn vật», không phù hợp với đạo «nhất quán» của Không tử, như:

«Tăng tử có bệnh, Mạnh Kinh tử đến thăm. Đời sau cho Tăng tử đã đích thân truyền đạo của Không tử, khi sắp chết còn truyền lại cho người khác là ở trong bài này. Xét ra sau khi Tăng tử chết, lời nói của ông không đúng với Không tử. Nếu cho rằng Tăng tử tự truyền cái đạo của mình thì được, mà cho Tăng tử là người truyền đúng đạo của Không tử thì không nên... nếu cho cái đạo của Nghiêu, Thuần, Võ, Thang, Văn, Vũ, Chu công, Không tử là một, mà chỉ riêng Tăng tử được nhận mà truyền đi, lại càng không nên. Không tử đã từng nói với Tăng tử «đạo của ta là nhất dĩ quán chi», Tăng tử đã dạ mà tự mình cho đó là trung thứ. Căn cứ vào lời Không tử đã bảo Nhan tử «một khi đã khắc phục được lòng tư dục của mình,

trở lại với lễ, thì thiên hạ đều cho là người nhân», bởi vì mình chưa chắc là phải, người chưa chắc là trái, khắc phục lòng tư dục của mình để biết hết được vạn vật là đúng. Còn như sửa thái độ của mình cho nghiêm chỉnh để tránh được sự thô bạo và khinh nhờn của người khác, sửa dung mạo của mình cho đúng đắn, để dễ làm cho người ta tin, khi nói năng phải suy nghĩ kỹ từng tiếng từng lời, để có thể tránh được sự quẽ mùa, vụng về và lảm lẩn, thì chuyên cho mình là phải, cho người là trái; mà khắc phục được lòng tư dục hay chưa khắc phục được, đi tới chỗ thực thà hay chưa đi tới chỗ thực thà, đều không thể biết được, chỉ lấy mình để hình dung vạn vật mà thôi. Vả lại, những lời của Tăng tử nói về người quân tử đối xử với mọi người có ba điều cần phải chú ý, mà những đồ dùng cũng tẻ, thì đã có người coi giữ, thế là chỉ biết tôn trọng chỗ giấu sang, mà khinh thường chỗ nghèo hèn, lại không phù hợp với ý nghĩa chữ «nhật quán». Do đó, mà nói rằng không phải Tăng tử đã truyền đúng đạo của Khổng tử.... Về việc những người có thể đem đứa bé mồ côi mà gửi cho họ, và giao phó vận mệnh nước cho họ, tuy nói rằng nhất định sẽ giữ tròn tiết tháo, mang gánh nặng và đi đường xa, nhưng rất tiếc là chỉ dừng lại nơi bản thân mình. Thế thì khó mà biết được sự thêm bớt về việc kẻ tặc nhà Chu, khó mà biết được giếng mối của sáu nghề.¹ Cho nên nói rằng không phải là Tăng tử đã nhận được cái một mối của Nghiêu, Thuần, Võ, Thang, Văn, Vũ, Chu công, Khổng tử mà truyền lại. Có truyền hay không truyền, đó là việc lớn của đạo đức.

1. Sáu nghề của nhà trường lúc đó đã dạy là: lễ (lễ nghi), nhạc (âm nhạc), xạ (bắn cung), ngự (dẫn xe), thư (chữ viết), số (tính toán). (N.D.)

Người đời cho Tăng tử là có thể truyền, nhưng chúng tôi thì cho là không thể truyền được. Chúng tôi đâu phải tranh biện cùng Tăng tử? Không cần cứ vào nguồn gốc của người xưa, mà lại dùng những ý nghĩ nông cạn của mình để nhận xét, đó là chỗ lo lắng của các học giả». (*Học tập kỷ ngôn*, quyển 13)

Trong chỗ quy kết những điểm trên, Diệp Thích đã chỉ rõ rằng tư tưởng của Tăng tử, Tử Tư và Mạnh tử đều không phù hợp với tư tưởng Khổng tử, ông đã cho những người đó chỉ là một tông phái trong sự phát triển của tư tưởng nhà nho, và ông đã mạnh dạn phê phán những tư tưởng duy tâm của phái này (mà Mạnh tử là đại biểu):

«Đạo nhà Chu đã bị phá hoại, những cái của ngày xưa còn sót lại đã bị vứt bỏ... Khổng tử đã sưu tập bổ sung những sách vở cũ... có thuật lại mà không sáng tác, rồi cái đạo của Đường, Ngu và Tam đại nhờ đó mà được truyền lại sau này... Khổng tử mất rồi, có kẻ bảo là Khổng tử đã truyền lại cho Tăng tử, Tăng tử truyền cho Tử Tư, Tử Tư truyền cho Mạnh tử. Theo Khổng tử, từ khoa «đức hạnh là Nhan Uyên» trở xuống có mười người, không có Tăng tử, và ông nói «Tăng Sâm thì gần đến». Nếu nói Khổng tử lúc trở về già, chỉ tiên dẫn Tăng tử, hoặc sau khi Khổng tử đã chết rồi, đức của Tăng tử càng cao, hạnh của Tăng tử càng được tu dưỡng thêm, một mình ông gánh lấy đạo của Khổng tử, thì không có bằng cứ rõ ràng. Lại xét, *học thuyết của Tăng tử, lấy mình làm gốc, ngoài những việc về thái độ, dung mạo, lời nói, không lúc nào rảnh để học hỏi thêm, đối với đạo lớn thì phần nhiều sơ lược thiếu sót, chưa có thể gọi là đạt được. Lại xét, Khổng tử đã từng nói «đức trung dung rất cao, đã từ lâu dân thiếu cái đức ấy», và việc Tử Tư viết sách *Trung dung*, nếu cho là di ngôn, thì sao không nói với Nhan Uyên, Mẫn*

Tử-khiên, mà chỉ bí mật truyền cho người nhà, như thế là không đúng; nếu là tự viết ra, thì nói về cao cũng rất là cao, về sâu cũng rất là sâu, không phải do đời xưa đã truyền lại. Thế thì nói Không tử truyền cho Tăng tử, Tăng tử truyền cho Tử Tư, nhất định là sai lầm. Mạnh tử đã nhiều lần tán dương Nghiêu, Thuần, Võ, Thang, Y Doãn, Văn vương, Chu công và điều sở nguyện của ông là học theo Không tử..., nhưng ông đã mở đạo đức quá rộng rãi, nói việc chính trị quá sỗ sàng, cách xử lý quá bó buộc, việc trải đời quá thừa thớt, những người học thì chạy theo những cái mới lạ..., không đủ để biết được giềng mối và theo được những dấu vết của ông, thế là họ cho đạo là thuyết mới lạ..., Đời Tống này, nhân lúc tình hình ổn định, học thuyết Phật càng nổi lên..., và học thuyết của họ Chu, họ Trương và hai họ Trình xuất hiện, họ tự cho là họ đã ra vào nhiều ở cửa đạo Phật, đạo Lão..., đến việc mở đường để dạy những kẻ hậu học, đối với những học thuyết mới lạ và những lý luận ly kỳ của Tử Tư, Mạnh tử, họ cũng có những phát minh riêng..., thế là việc thất bại của Tử Tư, Mạnh tử càng rõ rệt.» (Tóm tắt đại ý bài giảng dạy, trích ở *Thầy tâm học án*, trong bộ *Tổng Nguyên học án*)

«Mạnh tử nói... việc không ra mắt vua chư hầu là gốc ở Tử Tư, Tử Tư gốc ở Tăng tử. «Họ dựa vào sự giàu có của họ, ta dựa vào điều nhân của ta, họ dựa vào chức tước của họ, ta dựa vào điều nghĩa của ta». «Kể về đức, thì nhà người phải thờ ta, đâu có thể làm bạn với ta được?» Những việc đó ngờ rằng đều là giữ đức không được đúng.» (*Học tập kỷ ngôn*, quyển 14)

«Người xưa chưa có ai không kết hợp cả trong lẫn ngoài mà đạt đến bậc thánh hiền. Cho nên vua

Nghiêu, vua Thuần đều có đầy đủ mọi đức, và lấy sự sáng suốt làm đầu. Không tử bảo Nhan Uyên rằng: «Không xem những điều trái lẽ, không nghe những điều trái lẽ», học là một việc, song cũng không phải không nói đến sự suy nghĩ. Cho nên nói: «Chỉ học mà không có sự suy nghĩ, thì sẽ bị sai lầm; chỉ suy nghĩ suông mà không chịu học, thì thiếu sự tin tưởng.» Lại nói: «Ta thường cả ngày không ăn, cả đêm không ngủ, để suy nghĩ, nhưng vô ích; không bằng học.» Quý Văn tử khi làm việc gì đều suy nghĩ ba lần rồi mới làm, Không tử nghe việc đó nói rằng: «Suy nghĩ hai lần, cũng có thể được.» Và những sự phải trái, chính tà của mọi vật, cuối cùng chưa có thể định được. Kinh thi nói: «Cỏ vạn vật thì có phép tắc.» Tử Tư nói: «Không thành thì không có vạn vật.» Và chính Mạnh tử cũng nói: «Vạn vật đều có đầy đủ ở trong ta.» Và lại *tai mắt* của người xưa, *sao không làm chủ mà bị vạn vật che lấp?* Và sự suy nghĩ có tà chính phải trái, cái tâm có cái nhân tâm đáng sợ hãi và có cái đạo tâm rất sâu xa, người đời sau làm thế nào có thể luôn luôn làm chủ để nắm được? Bỏ bốn cái¹ mà theo một cái, đó gọi là không biết «cái trời đã phú cho» và không phải trời đã cho cái này mà ngăn cấm cái kia. Về việc lấy cái tâm làm chủ, điều đó xuất hiện sau Không tử; cho cái tính là thiện, chỉ bắt đầu từ Mạnh tử. Rồi sau các học giả bỏ hết những điều mục của người xưa khi bước vào đạo đức, mà *chuyên lấy tâm tính làm điều chủ yếu; ý nghĩ suông thì nhiều, năng lực thực hành thì ít, suy đến thì rộng, kết hợp thì hẹp hòi, mà cái đạo trong ngoài cùng kết hợp nhau từ vua Nghiêu, vua Thuần trở về sau không còn nữa.* (Học tập kỷ niệm, quyển 14)

1. Là theo cái tâm mà bỏ bốn cái: tai, mắt, miệng, mũi, tức là ngũ quan trong con người. (N.D.)

Trích dẫn những lời luận đoán của Diệp Thích trên đây, giá trị của nó như thế nào, đợi khi bàn về tư tưởng đời Tống trong những tập sau chúng tôi sẽ nói rõ hơn. Bây giờ, chúng tôi chỉ nói rằng, điều mà Diệp Thích nói « tư tưởng Mạnh từ gốc ở Tử Tư, Tử Tư gốc ở Tăng tử » đều có sự khác nhau với tư tưởng Không tử, v.v., thực là lời bàn rất đúng. Đã hiểu rõ điểm đó rồi thì có thể biết được việc Tuân tử một mặt cho mình là chính truyền của Không tử, mặt khác đối với Tăng tử và Tử Tư, Mạnh Kha ông đều có thái độ phê phán, việc đó có ý nghĩa rất lớn.

Nhưng nếu chúng tôi nói tư tưởng của Tử Tư, Mạnh Kha là từ Tăng tử mà ra, thì đó là nói về sự kế thừa và nguồn gốc chủ yếu của nó; chứ không có nghĩa là nói ngoài Tăng tử ra thì những tư tưởng đó không chịu ảnh hưởng của một học giả nào khác. Trái lại, như Quách Mạt nhược đã khảo cứu, tư tưởng tôn giáo của Mặc tử có ảnh hưởng đối với Tử Tư; tư tưởng đạo gia của Tống Kiên¹, Doãn Văn có ảnh hưởng đối với Mạnh tử (Xem: *Tiên Tản thiên đạo quan chi tiên triển* và *Tống Kiên, Doãn Văn di trước khảo*), cũng như trong bộ sách này chúng tôi đã nói đến khái niệm « loại » của Mặc tử có ảnh hưởng đến tư tưởng lô-gích của Mạnh tử, v.v., đó là những điều không thể phủ nhận được. Những vấn đề này, đợi khi phân tích nội dung tư tưởng Tử, Mạnh, chúng tôi sẽ nêu rõ; ở đây chỉ nghiên cứu về tính chất học phái của Tử Tư, Mạnh tử, cho nên chỉ nói sơ lược.

1. Tống Kiên thường đọc là Tống Hình; trong những phần trước quyển sách này chúng tôi dịch là Tống Hình, vì chữ này có thể đọc bằng hai cách, theo *Tứ nguyên* giải thích nếu dùng để chỉ cái bình rượu thì đọc là hình, chỉ tên người thì đọc là kiên. Trong thiên *Cáo tử* sách *Mạnh tử* viết là Tống Hình; sách *Trang tử*, *Tuân tử* viết là Tống Kiên. Ở đây chúng tôi chữa lại theo chủ thích của *Tứ nguyên* là Tống Kiên. (N.D.)

Tiết hai

HỌC PHÁI TƯ, MẠNH ĐÃ PHÓNG ĐẠI CHỦ NGHĨA DUY TÂM CỦA NHO HỌC

Trong phần trước chúng tôi đã nói rõ nguồn gốc của học thuyết Tư, Mạnh là ở Tăng tử. Nhưng con đường của Tăng tử đi vào nội tình luận, chỉ mở đầu bằng hình thái thuật lại theo lời người trước, «nói ra là ca tụng thấy». Đến Tư Tử, Mạnh Kha lại tiến thêm một bước nữa, hai ông đã hoàn thành việc phóng đại chủ nghĩa duy tâm của đạo nho. Bây giờ, chúng tôi đưa theo trình tự phê phán của Tuân tử để nói rõ điểm đó.

Tuân tử phê phán các học giả đời Chiến quốc theo một ý nghĩa rất nghiêm khắc. Đứng trên lập trường của truyền thống nhà nho, ông đã vạch ra một cách tương đối rõ những đặc điểm của các học giả, điều đó khác hẳn với thái độ bài xích của Mạnh tử đã áp dụng trong khi phê bình người khác. Ví dụ, khi phê phán các nhà biện luận, Tuân tử đã vạch rõ các nhà biện luận «bị từ ngữ che lấp mà không biết cái thật», «xem xét nhiều mà không sáng tỏ»; còn Mạnh tử đối với chỗ ấy, chỉ dùng hai chữ «dâm từ» (lời nói bừa bãi). Trong khi phê phán Mặc tử, Tuân tử đã nêu rõ là Mặc tử đã «bị cái dụng che lấp mà không biết cái văn vẻ», là «đạo của những người phục dịch», «rất tiết kiệm mà không đẳng cấp», những lời phê phán đó đều kinh qua sự phân tích so sánh rất cẩn thận; còn Mạnh tử đối với những việc đó lại chỉ dùng hai chữ «vô phụ» (không cha) để phê phán. Những chữ «dâm từ», «vô phụ», thực tế không nói rõ được những đặc điểm của họ, trái lại đã làm lẫn lộn tính chất học

phái của họ. Biết rõ thái độ cẩn thận, nghiêm chỉnh của Tuân tử trong khi phê phán các học giả, chúng ta cũng có thể tin tưởng ở tính chất đúng đắn trong việc phân biệt hệ thống các phái nhà nho của ông. Đối với những nhà nho sau Không tử, trong thiên *Phi thập nhị tứ*, Tuân tử đã chia các họ Tử Trương, Tử Du, Tử Hạ thành một hệ thống, và chia riêng Tử Tư, Mạnh Kha và một hệ thống về hệ thống sau, ông nói :

«Bắt chước tiên vương một cách sơ lược, mà không biết rõ hệ thống; tự cho là có tài cao chí lớn, kiền văn bác tập; dựa theo cái cũ để tạo ra học thuyết gọi là ngũ hành; rất trái ngược mà không theo loại, u ẩn mà không nói ra được, bề tắc mà không giải nghĩa được. Dựa vào việc trau dồi lời nói mà gọi tôn lên rằng: «Đây thật là lời nói của người quân tử ngày trước». Tử Tư xưng lên, Mạnh Kha họa theo, những nhà nho ngu muội cồ chấp, ba họa không biết chỗ sai của nó, mới tiếp thu mà truyền lại, cho Trọng Ni, Tử Du là còn có để hậu cho đời sau.» (*Phi thập nhị tứ*)

Đoạn trên đây là Tuân tử đã trình bày tổng quát về tính chất học phái Tử Tư, Mạnh Kha. Trong đó có nhiều vấn đề, bây giờ, xin bàn sơ lược trước như dưới đây:

Điểm thứ nhất, không có vấn đề gì, tức là :

1. «Tài cao chí lớn» đúng là mô tả Tử Tư và Mạnh Kha. Tử Tư lấy Không tử sánh với trời. Mạnh tử lại lấy ngay mình sánh với trời, xem tinh thần thờ trời trong việc tu dưỡng «khí hạo nhiên» của họ, thì có thể rõ.

2. «Kiền văn bác tập» cũng là đặc điểm của Mạnh tử. Kết hợp với điểm «bắt chước tiên vương một cách sơ lược mà không biết rõ hệ thống» để xét, thì đủ biết những thuyết «nhà Chu ban trước lộc» và «tĩnh điển» của ông, thật là «bác tập». Ông chỉ «nghe đại lược», liền dám «tạo ra học thuyết» như thế. Tuân tử đã nói Mạnh tử «không biết rõ hệ thống» là lời nói có bằng cứ.

3. Ba câu «trái ngược mà không theo loại, u ản mà không nói ra được, bề tắc mà không giải nghĩa được», rất quan trọng. Điều đó không những nó đã chỉ vào thuyết ngũ hành theo chủ nghĩa duy tâm, mà nó càng chỉ rõ hơn nữa rằng đó là một phương pháp luận siêu hình. Trái ngược tức là ý nói quanh co, không theo loại tức là nói gán ghép. Về khái niệm loại, trong lô-gích học của Tuân tử rất rõ ràng, nhưng ở Mạnh tử thì có sự biện luận về nhân tính, những vật tự nhiên của ông đã phân loại ra, đều là những khái niệm không theo loại. Sách *Trung dung* nói: «Khí nước sắp hưng thịnh, tất có những điểm lạnh; khí nước sắp mất, tất có những điểm quái gở» (Chương 24), không những hơi giống thuyết ngũ hành về trời với người cảm ứng, mà còn đúng với cái ví dụ điển hình về cái gọi là «trái ngược mà không theo loại». Ngoài ra, nếu chúng ta căn cứ theo thuyết «khí ban đêm, khí sáng sớm» trong sách *Mạnh tử* và thuyết «đạo của người quân tử rộng rãi mà kim đao» trong sách *Trung dung*, thì có thể biết được cái «u ản» của Mạnh tử; căn cứ vào hai chữ «vô phụ» (không cha) của Mạnh tử đã dùng để hình dung Mặc tử, thì có thể biết được sự «bề tắc» của ông. Tóm lại, đối với mọi sự vật, Tử Tư, Mạnh tử đều lấy cái tâm để hình dung, cho nên Tuân tử đã phê bình là «không nói ra được», «không giải nghĩa được».

4. Chủ nghĩa duy tâm của Tử Tư, Mạnh Kha có ảnh hưởng rất lớn đối với những học giả sau này, nó đã ngang nhiên độc chiếm uy quyền của học phái Khổng tử, mà cũng là rất hiển hách trong lúc ấy, đó là lý lẽ vì sao những nhà nho của thế tục đã «nhận mà truyền đi».

Điều thứ hai, những điều cần phải phân tích thêm là:

1. Thuyết «ngũ hành» là một trong năm việc mà sách *Tuân tử* đã phê bình tư tưởng Tử Tư, Mạnh; Tuân tử đã chỉ rõ đó là học thuyết mà Tử Tư, Mạnh tử đã xướng họa lẫn nhau. Trong sách *Trung dung*, *Mạnh tử*, tuy có dấu vết của thuyết ngũ hành và cũng có người (như Chương Bỉnh-lân) đã khẳng định

là có thuyết ngũ hành, nhưng trong các sách đó hoàn toàn không có câu văn nào nói cụ thể về « kim, mộc, thủy, hỏa, thổ ». Dem truyện ngũ hành kim, mộc, thủy, hỏa, thổ hợp thành một học thuyết duy tâm, từ các nhà nho đời Thanh trở đi đã chứng minh thiên *Hồng phạm* là tác phẩm đời Chiến quốc. Do đó, không thể cho Tử Tư nhất định là tác giả của thiên *Hồng phạm*, mà cũng có thể coi là người sau này đã « nhận mà truyền đi ».

2. Tác giả *Dịch truyện*, đến nay vẫn chưa biết là ai, năm truyện trong sách đó nhất định không phải một người viết ra. Tuân tử tuy có trích dẫn *Kinh dịch*, bàn về *Kinh dịch*, nhưng trong tác phẩm của Tuân tử không có một chút phương pháp luận nào theo *Dịch truyện*. Vì những phương pháp « làm rõ cái tinh vi, mở rộng cái u tối » (*Hạ truyện*), và « tìm ra cái sâu sắc, vạch rõ cái thâm kín; móc ra được cái ở chỗ sâu, đem lại được cái ở chỗ xa » (*Thượng truyện*) không phù hợp với tinh thần của Tuân tử, trái lại gần với phương pháp của Tử Tư, Mạnh tử, mà ông đã phê bình. Trong *Hạ truyện* có nói đến Phục Hy, Thần Nông, Hoàng đế, việc « dựa theo cái cũ để tạo ra học thuyết » đó, cũng trái với ý « bất chước hậu vương » của Tuân tử mà gần với cái ông đã phê bình Tử Tư, Mạnh tử. Cho nên chúng tôi cho rằng thời đại của *Dịch truyện*, có thể là giữa đời Tần, đời Hán, và học phái của tác giả đó gần liền với cái mà Tuân tử gọi là kẻ tục nho đã « nhận mà truyền đi ».

3. Về tác phẩm của Tử Tư, Mạnh Kha, trong các học giả đã có sự khảo cứu và biện luận nhiều. Nói quyền sách *Mạnh tử* là vật hỗn hợp của học phái Mạnh tử thì còn có thể đúng, mà nói Mạnh tử đã truyền tất cả học thuyết ở trong ấy, thì có nhiều học giả không đồng ý. Còn tác phẩm của Tử Tư, lại càng có vấn đề. Nói về sách *Đại học*, *Trung dung* trích lục ở tập *Đại đối lễ*, trong các học giả phần nhiều đều tin rằng sách *Trung dung* là do tay của Tử Tư viết ra; còn quyền sách *Đại học*, thì biên soạn rất lộn xộn khó mà đoán định được. Những nhà nho đời Thanh như Trần Cang-sơ, Uông Trung đều nói sách *Đại học* không phải là lời nói của thánh nhân, cũng không

phái của Tăng tử đã viết; theo Quách Mạt-nhược đã khảo cứu đoán định là do Nhạc Chính-khắc học trò của Mạnh tử viết. Quyền sách *Trung dung*, ngoài những phần nhỏ mà các học giả cuối đời Chiến quốc đã thêm vào, về đại thể là gắn với Tử Tư, những tư tưởng trong quyền sách đó cũng có sự quan hệ kế thừa với Mạnh tử.

4. Muốn nghiên cứu tính chất học phái của Tử Tư, Mạnh Kha, trước hết cần phải xác định tác phẩm của họ, do đó, việc nghiên cứu của chúng tôi là lấy thiên *Hồng phạm* và sách *Trung dung*, *Mạnh tử* làm phạm vi để nghiên cứu. Còn như *Dịch truyện* ngoài thuyết ngũ hành có nói về âm dương, thì nên quy kết đó là tư tưởng của học phái Tư, Mạnh đã rút ra giữa đời Tấn, đời Hán. Về việc nghiên cứu thiên *Hồng phạm*, những lời luận đoán của Quách Mạt-nhược trong quyển *Nghiên cứu xã hội cổ đại Trung-quốc*, phần bàn về tư tưởng cổ đại rất đáng được tham khảo, chương này chỉ nói sơ qua.

Ở đây, còn một điều quan trọng là nói rõ thêm về nguồn gốc lịch sử ra đời của tư tưởng Tư, Mạnh. Xã hội đời Chu ở Trung-quốc đã đi vào con đường « duy tân », còn bảo tồn các tổ chức thị tộc; một dấu hiệu đã được phản ánh trên ý thức, tức là quan niệm tiên vương của thời cổ đại Trung-quốc. Đời Tây Chu, những sử liệu nói về tiên vương có thể tin được chỉ đến Văn vương, chúng tôi đã có nói rõ trong Chương hai, quyển *Bàn về tư tưởng cổ đại Trung-quốc*. Lý tưởng tiên vương đời Xuân thu, những Nghiêu, Thuần mà Không tử, Mặc tử ca ngợi, đã thay đổi nội dung của quan niệm tiên vương đời Tây Chu; sự xuất hiện Nghiêu, Thuần và những lý tưởng đó có ảnh hưởng đến những học thuyết sau này. Lão tử đã xóa bỏ tiên vương, nói thác ra bậc thánh nhân có trước đời tiên vương; Trang tử đã kế thừa hệ thống tư tưởng đó, càng phủ định Nghiêu, Thuần một cách rõ rệt, ông đã tìm ra Thần Nông, Hoàng đế, thậm chí tìm ra cội « hôn độn », rồi căn cứ vào đó mà phê phán sự phải trái của nho, Mặc. Sau khi tư tưởng Lão, Trang xuất hiện, quan niệm tiên vương được giải phóng, tất

nhiên là có sự đảo lộn mới trong lịch sử thời Chiến quốc. Các nhà nho đời sau dựng đền văn đế này, tất nhiên là trên khái niệm đó, họ đã đi tìm cách giải đáp riêng thích hợp cho mình. Những nhà nho cổ chấp về những nghi tiết áo mũ đã nghiên cứu « cách đi như vua Võ, bước rảo như vua Thuần », lấy cái gọi là « lắm văn nhiều lễ » nêu lên làm mẫu mực cho nhau theo; mà những người « tài cao chí lớn » thì cho những nghi thức « cách đi như vua Võ, bước rảo như vua Thuần » không đủ để thu phục người, cho nên các thiên *Nghiên điển, Thuần điển, Võ công* đã trở thành tất yếu, coi tiên vương đã được lý tưởng hóa cuối đời Xuân thu là lịch sử chân chính, « dựa vào việc trau dồi lời nói mà gọi tôn lên rằng: « Đây thật là lời nói của người quân tử ngày trước » ». Cho nên, vị tiên vương lý tưởng trong quá khứ là một giả thiết, và đền giữa thời Chiến quốc nếu không tô điểm thành « đây thật là lời nói của người quân tử ngày trước », thì không đủ sức để hàng phục những kẻ chống lại, sự ra đời của thiên *Hồng phạm* là thế, sự xuất hiện của các thiên *Nghiên điển, Thuần điển, Đại võ mô* lại càng như thế. Nghiên cứu lịch sử tư tưởng cổ đại Trung-quốc mà không hiểu rõ đặc tính lịch sử của nó, thì không thể nắm được chỗ quan trọng đó. Các nhà nho đời Thanh trở về sau đã nghiên cứu biết được như thế rồi, chúng ta càng phải tiến thêm một bước nữa nghiên cứu lý do tại sao như thế.

Thời đại của Tuân tử gần giữa thời Chiến quốc, ông đã biết rõ đường lối giả tạo của cái lịch sử tư tưởng đó, cho nên xuất phát từ sự nghiên cứu về nguồn gốc của « lễ », ông mới chú ý đến « hệ thống » tiên vương. Quan niệm tiên vương của ông, thực tế là một quan niệm gột rửa đời với quan niệm tiên vương giữa thời Chiến quốc. Cái mà ông gọi là « bắt chước theo hậu vương », là chỉ việc bắt chước Văn vương, Chu công, đối với ba giai đoạn tiên vương trở về trước, ông đã mở một cuộc vận động tẩy rửa (ba giai đoạn là các học phái Không, Mặc; Lão, Trang; Tư, Mạnh). Ông nói:

« Những bậc thánh vương có hàng trăm người, ta bắt chước ai đây ? Nói rằng : cái văn lâu thì hết, cái lộc lâu thì chằm dứt, quan hữu ty giữ về phép sò, hết lễ thì lại mất chức. Cho nên nói : muốn xem dấu vết của bậc thánh vương, thì phải xem những cái rục rở rõ ràng, tức là ở hậu vương. Vị hậu vương kia, là vua của thiên hạ. Bỏ hậu vương mà theo đời thượng cổ, ví như bỏ vua của mình, mà thờ vua của người khác. Cho nên nói : muốn thấy cả nghìn năm, thì phải tính từ ngày nay; muốn biết hàng triệu, hàng vạn, thì phải xét từ một, hai; muốn biết đời thượng cổ, thì phải xét đến đạo nhà Chu, muốn biết đạo nhà Chu, thì phải xét ở việc người nhà Chu quý trọng người quân tử. » (Phi tướng)

Vì thế, cùng trong thiên sách đó ông đã ám chỉ những người can đở đã giả tạo sách vở Nghiêu, Thuân và đặt lời « trùng ngôn »¹ giả thác Hoàng đế. Ông nói, những người can đở bịa đặt, chính là để lừa dối chúng nhân, cho nên chúng nhân đã bị sự lừa dối « lưu truyền mãi nghìn đời ». Trái lại, bậc thánh nhân thì « lấy người để so người, lấy tình để so tình, lấy loại để so loại, lấy lời nói để so công lao, lấy đạo để xem biết sự cùng tận... Ở chỗ tà vạy mà không bị mê hoặc, nhìn những sự vật phức tạp mà không nhầm lẫn ». (Phi tướng) Ông nói :

« Những người can đở nói rằng: Cái tình xưa và nay có khác nhau, cái đạo trị và loạn cũng khác đường, mà chúng nhân nhầm lẫn. Chúng nhân kia, đột mà không nói ra được quê mùa mà không biết so sánh. Những việc trông thấy được, mà còn có thể lừa dối,

1. Trùng ngôn, là lời ấy, việc ấy không phải của người xưa, nhưng đặt ra rồi đem gán cho họ. (Xem thêm phần Trang tử trong quyển Tư tưởng Lão, Trang có nói về « trùng ngôn », « ngụ ngôn », « chi ngôn »). (N.D.)

huông chỉ những việc đã lưu truyền hàng nghìn đời? Những người cần đồ ấy, việc giữa chồn môn đình, mà họ còn có thể lừa dối, huông chỉ là những việc trước cả nghìn đời?» (*Phi tướng*, những lời nói trong tiết này là công kích Lão, Trang và Tư, Mạnh. Cái gọi là «đạo quá ba đời thì mất sạch», là câu nói chỉ vào Lão, Trang; «bắt chước hai hậu vương gọi là bắt nhẽ», là câu nói chỉ Tư, Mạnh.)

Căn cứ theo đây, cái mà Tuân tử gọi là «bắt chước tiên vương một cách sơ lược mà không biết rõ hệ thống» chữ «thông» có nghĩa là «so» như đã nói ở trên, hoặc như chữ «loại» của Tuân tử thường nói (như «nghe đoán theo loại»). Trái lại, «dựa theo cái cũ để tạo ra học thuyết», có nghĩa là nói đem những chuyện lạ ngàn xưa gán ghép cho mọi sự vật. «Những nhà nho ngu muội cò chấp không biết chỗ sai của nó, mới nhận mà truyền đi», cho nên lịch sử giả đã biến thành lịch sử thật.

Trong những trước tác của học phái Tư, Mạnh, thì những câu văn về ngũ hành chưa xuất hiện, mà những câu nói «dựa theo cái cũ để tạo ra học thuyết» lại rất nhiều. Những câu văn của sách *Luận ngữ* rút ra trong *Kinh thi*, *Kinh thư* thấy rất ít, còn trong sách *Trung dung* thì cơ hồ đầy đầy những câu trích dẫn ở *Kinh thi*, *Kinh thư*. Không tử đã nói rằng «sách vở không đủ», không biết thì để khuyết; nhưng trái lại, Mạnh tử thì có cả một đồ án về những chế độ ngày xưa.

Trong sách *Trung dung* có rất nhiều ví dụ về dựa theo cái cũ để tạo ra học thuyết. Không tử dạy *Kinh thi*, phần nhiều là trình bày có tính chất chung, ví như «*Kinh thi* có thể làm cho phân khởi, có thể làm cho biết xem xét, có thể làm cho đoàn kết, có thể làm cho biết cảm thù», ông chỉ lý tưởng hóa *Kinh thi*. Trái lại, có rất nhiều chỗ mà sách *Trung dung* đã dựa vào *Kinh thi* để tạo ra học thuyết, điều đó khác hẳn với Không tử.

Chương 12, sách *Trung dung* nói «đạo của người quân tử rộng rãi mà kín đáo», chỗ «dựa theo cái cũ» ấy chính là ở bài

Hạn lộc, thiên *Đại nhã*, *Kinh thi*, trong bài đó hình dung người quân tử quý tộc nhận phúc lộc của trời, đem cái gọi là « con diều thì bay bổng trên trời, con cá thì bơi lội dưới vực sâu » (câu tiếp theo là « người quân tử vui vẻ, sao chẳng xây dựng cho người ») để so sánh. Sự so sánh đó có nghĩa là kẻ thống trị (quân tử) xây dựng cho « người » (chữ « người », trong thời cổ đại là chỉ vào người quý tộc thị tộc), tự nhiên như con diều bay trên trời, như con cá bơi lội dưới vực. Nhưng, Tử Tư đòi hỏi với việc đó, lại « u ản mà không nói ra được », cho nên ông đã « tạo ra học thuyết », học thuyết ấy nói những gì, « nghĩa là nói đạo được biểu hiện ở trên trời cao, ở dưới vực sâu. Đạo của người quân tử, xây dựng giếng mỗi từ vợ chồng, chỗ cao nhất của cái đạo ấy, được biểu hiện rõ ràng trong trời đất ». Trong quyển *Trung dung chương cú*, Chu Hy đã chú thích rằng: « Lấy sự sáng nuôi dưỡng khắp vạn vật, soi tỏ khắp trên dưới, gọi đó là rộng rãi; nhưng cái lẽ tại sao nó như thế, thì không phải chúng ta có thể nghe hay thấy được, gọi đó là kín đáo », câu trước giống như « u ản » của thuyết ngũ hành, câu sau lại càng giống chữ « không nói ra được », nghĩa là không thể diễn tả được.

Trong Chương 16, sách *Trung dung* đã trích dẫn ở *Kinh thi* câu « thần minh đi đến, không thể lường được, lẽ đâu coi thường ». Câu ấy đã rút ra trong bài *Ức*, thiên *Đại nhã*. Trong quyển *Bàn về tư tưởng cổ đại Trung-quốc*, chúng tôi đã có trích dẫn ở bài *Ức* để chứng minh, nói rõ tư tưởng hoài nghi về thần trong thời đại Di, Lê¹. Đoạn cuối bài *Ức* có nói « trời gieo khó khăn, nói lên rằng nước ấy sẽ mất », rất oán trách đòi hỏi « trời cao ». Nhưng Tử Tư đã dựa theo cái cũ để tạo ra học thuyết nói: « Đức của quý thần rất cao! Xem mà không thấy, nghe mà không thấu, sinh ra vạn vật mà không để sót », « bởi vì đạo đức của quý thần rất tinh vi, mà cũng rất rõ rệt, rất thành mà không thể che lấp như thế đây ». Trong quyển

¹ Di vương, Lê vương là hai vua thứ 9, thứ 10 đời Chu. (N.D.)

Trung dung chương cú, Chu Hy có chú thích rằng: « Âm dương hợp tan, không có cái gì là không có sự thực, cho nên biểu hiện ra mà không thể che lấp được như thế. »

Trong *Chương 24*, sách *Trung dung* nói: « *Cái đạo chỉ thành, có thể biết trước được những việc về sau*. Vì, khi nước sắp hưng thịnh, tất có những điềm lành; khi nước sắp mất, tất có những điềm quái gở. Hoặc biểu hiện ở việc bói cỏ thi, hay bói rùa, hoặc biểu hiện ở việc máy động chân tay; những điều họa phúc sắp đến: nếu là những điều lành, tất có biết trước; nếu là những điều không lành, tất cũng có biết trước, cho nên *cái đạo chỉ thành cũng mau nhiệm như thần*. »

Nếu đem những lời nói đó so sánh với trù thứ tám là « thứ trung » (mọi điều chứng nghiệm), trù thứ bảy là « kê nghi » (xét những việc nghi ngờ), trù thứ chín là « ngũ phúc » (năm điều phúc) của chín trù trong thiên *Hồng phạm*, thì phương pháp « dựa theo cái cũ để tạo ra học thuyết » là rất rõ rệt.

Chương 29, sách *Trung dung* nói: « Đạo của người quân tử gốc ở nơi mình, chứng nghiệm ở nơi thứ dân. » Còn thiên *Hồng phạm* thì nói rằng: « Phạm đời với những kẻ thứ dân, thì phải nói cho kỳ hết, vừa dạy vừa làm, để cho họ được đi gần với ánh sáng của thiên tử. » Điều đó rất giống nhau.

Chương 30, sách *Trung dung* nói: « Trên theo thời tiết của trời, dưới theo tính chất của đất nước. » Còn thiên *Hồng phạm* thì nói: « Trù thứ tám là thứ trung (mọi điều chứng nghiệm), là mưa, là nắng, là ấm, là lạnh, là gió, là thời tiết. Năm cái ấy có đầy đủ và đều theo trật tự của nó, cây cỏ sẽ xum xuê. Chỉ một cái rất đầy đủ, cũng không tốt; nhưng thiếu hẳn một cái, cũng không tốt. » Ghép những cái ngũ hành, ngũ sự và ngũ trung lại, thì sách *Trung dung* và thiên *Hồng phạm* là gần giống nhau. Cái mà sách *Trung dung* gọi là « đạo thông suốt trong thiên hạ có năm (ngũ) », tức là cái quan niệm về chữ « ngũ ».

Câu « ngũ sự » của sách *Trung dung* dù không giống với câu « ngũ sự » của thiên *Hồng phạm*, mà ý nghĩa thực ra không khác:

Trung dung

- Thông minh sáng suốt, mới có thể đi đến khắp mọi nơi.
- Rộng rãi ôn hòa, mới có thể bao dung.
- Mạnh mẽ cứng cỏi, mới có thể kiên trì bền vững.
- Nghiêm trang ngay thẳng mới có thể làm cho người ta tôn kính.
- Chữ nghĩa rành rẽ, mới có thể phân biệt được phải trái.

Hồng phạm

- Năm là suy nghĩ, có suy nghĩ mới sáng suốt, đã sáng suốt là bậc thánh. (Thổ)
- Bôn là nghe, có nghe là thông, đã thông thì mới có mưu tính. (Kim)
- Hai là lời nói, đã nói là có người theo, có người theo là có tài. (Hỏa)
- Một là dung mao, dung mao là sự cung kính, cung kính là nghiêm trang. (Thủy)
- Ba là nhìn, nhìn phải thấy rõ, thấy rõ tức là sáng suốt. (Mộc)

Trong sự so sánh trên đây, chúng ta có thể thấy rõ phần về thuyết ngũ hành trong sách *Trung dung*, hai cái «ngũ sự» đó đều xuất phát từ học thuyết «năng tự» về tri thức luận của Không tử, đã được phát triển và thời phong theo chủ nghĩa duy tâm. Trong chín điều suy nghĩ của Không tử có những điều: mắt nhìn thì nghĩ cho rõ, tai nghe thì nghĩ cho thông, sắc mặt nghĩ cho ôn hòa, dung mao nghĩ cho nghiêm trang, lời nói nghĩ cho trung thực, việc làm nghĩ cho kính cẩn, v.v.; trong sách *Trung dung* và *Hồng phạm* đã đem sửa sáu điều suy nghĩ trên đây thành năm việc; thậm chí sách *Trung dung* còn nói năm việc đó có thể sánh với trời, thiên *Hồng phạm* cũng nói đó là «đạo thường có thứ tự» của trời cho.

Hơn nữa, trong thiên *Vạn Chương*, sách *Mạnh tử* có nhiều chỗ tạo ra thuyết nói về sự tích của Nghiêu, Thuần, Võ, Thang, khác hẳn với cách nói sách vở không đủ để chứng thực của Không tử. Trong thiên *Vạn Chương*, hạ càng có một số chỗ độ về nhà Chu ban trước lúc mà các nhà nho đời sau đã dựa, thực ra ở đây nó đã phơi bày những dấu vết về «kiến văn bác tập, dựa theo cái cũ để tạo ra học thuyết» của Mạnh

tử. Mạnh tử đã nói: « Những điều tinh tường trong phép định trước lược của nhà Chu, thì không được nghe, vì các vua chư hầu đời nay ghét việc phân định trước lược của nhà Chu có hại cho mình, nên đều vứt bỏ những sách vở cũ. Nhưng Kha này đã từng được nghe những điều đại lược. » Tuân tử đã cho điều đó tức là « không biết rõ hệ thống ». Trong thiên *Đặng Văn công, thượng*, Mạnh tử đã nói tương đối cụ thể chương trình chế độ tinh điển, nhưng ông cũng nói « đây là những điều đại lược », để cho người khác « thêm bớt thay đổi »; chúng ta có thể thấy rõ, sự « thêm bớt thay đổi » với « dựa theo cái cũ để tạo ra học thuyết », trong khi sách vở đều mất mát, có khác gì nhau đâu.

Mạnh tử hay nói chế độ « ngũ đẳng » và « ngũ phục ». Nhưng trong kim văn đời Chu đã chứng minh rằng đời Chu không có sự phân trước đó, đây là điều mà các học giả đã công nhận. Do đó chúng ta có thể thấy rõ quan niệm về chữ « ngũ » của Mạnh tử trong thuyết ngũ phục. Ngoài ra như « công đức của người quân tử đến năm đời thì hết, công đức của kẻ tiểu nhân, cũng năm đời thì hết » (*Ly Lân, hạ*); « năm trăm năm tất có vị vương giả mới lên » (*Công Tôn-sưu, hạ*); « cày mình là sang cả mà hỏi, cày mình là tài năng mà hỏi, cày mình là nhiều tuổi hơn mà hỏi, cày mình có công lao mà hỏi, cày mình có tình cõ cừu mà hỏi »¹ (*Tận tâm, thượng*), cũng đều có quan niệm về chữ « ngũ ». Cộng nhân, nghĩa, lễ, trí thêm chữ tín nữa, tức là năm (ngũ) cái thứ lớp tự nhiên về « đạo thường có thứ tự ».

Về tư tưởng ngũ hành của Tử Tư, Mạnh Kha, ông Quách Mạt-nhược đã nghiên cứu rất tường tận. Trong việc phê bình tám phái nhà nho, ông nói:

1. Em vua nước Đặng là Canh đến hỏi Mạnh tử về học, nhưng Mạnh tử từ chối không dạy. Công Bô tử hỏi tại sao không dạy? Mạnh tử mới nên ra năm điều cày mình để hỏi, và em vua nước Đặng đã phạm vào hai điều cày mình trong năm điều đó, cho nên Mạnh tử không dạy. (N.D.)

«Thuyết ngũ hành do Tử Tư, Mạnh Kha tạo ra, tuy không có sự biểu hiện rõ rệt trong những sách vở—*Trung dung* và *Mạnh tử*—của Tử Tư, Mạnh hiền còn để lại, nhưng cũng không phải là hoàn toàn không có dấu vết. Câu đầu tiên trong sách *Trung dung* nói «cái mà mệnh trời phú cho gọi là tính», và chú thích rằng: «Thần mộc là nhân, thần kim là nghĩa, thần hỏa là lễ, thần thủy là trí, thần thổ là tín», Chương Bính-lân nói «đây là di ngôn của Tử Tư» (Xem: *Thuyết ngũ hành của Tử Tư, Mạnh Kha* do Chương Bính-lân viết), đại khái là có thể tin được. Mạnh tử nói: «Lòng biết thương xót, người ta đều có; lòng biết xấu hổ, người ta đều có; lòng biết cung kính, người ta đều có; lòng biết phải trái, người ta đều có. Lòng biết thương xót là nhân, lòng biết xấu hổ là nghĩa, lòng biết cung kính là lễ, lòng biết phải trái là trí. Những điều nhân nghĩa, lễ, trí không phải do từ bên ngoài rèn luyện cho ta, mà ở trong con người của ta vốn có những điều đó» (*Cáo tử, thượng*). Và nói: «Không có lòng biết thương xót, không phải là người; không có lòng biết xấu hổ, không phải là người; không có lòng biết khiêm tốn, không phải là người; không có lòng biết phải trái, không phải là người; lòng biết thương xót, là đầu mối của điều nhân; lòng biết xấu hổ, là đầu mối của điều nghĩa; lòng biết khiêm tốn, là đầu mối của điều lễ; lòng biết phải trái, là đầu mối của điều trí. Con người có bốn đầu mối này cũng như có bốn tay chân» (*Công Tôn-sửu, thượng*). Và nói: «Chỗ sở đắc về thiên tính của người quân tử, là nhân, nghĩa, lễ, trí, bốn đức tính ấy gốc ở nơi tâm» (*Tận tâm, thượng*). Ông cho các điều nhân, nghĩa, lễ trí là những cái vốn có của nhân tính, nhưng lại thiếu mất một điều «tín», đúng như có bốn tay chân mà thiếu một cái tâm. Nhưng điều đó chưa hề thiếu trong hệ

thông học thuyết của Mạnh tử, điều «tín» tức là «thành». Ông nói: «Điều nhân với tình cha con, điều nghĩa với nghĩa vua tôi, điều lễ với lễ khách chủ, điều trí với sự nhận xét người hiền, bậc thánh nhân là hồn nhiên hợp với đạo trời, những điều ấy là do mệnh trời phú cho, nó là cái tính sẵn có, nhưng người quân tử chẳng bảo đó là mệnh.» (*Tận tâm, hạ*) Ở đây sự phối hợp những điều nhân, nghĩa, lễ, trí, chính là «đạo trời». «Đạo trời» là gì? Tức là «thành». «Thành là đạo của trời, và suy nghĩ sao cho thành là đạo của người. Nếu đã chí thành mà không làm cảm động được mọi người, thì chưa bao giờ có như thế, không thành, thì không khi nào làm cho người ta cảm động được» (*Ly Lâu, thượng*). Trong sách *Trung dung* thì nói rằng: «Thành là đạo của trời, giữ lấy lòng thành là đạo của người, người chí thành thì không phải làm gắng gượng mà tự nhiên đúng, không cần phải nghĩ ngợi mà tự nhiên biết, ung dung hợp với đạo, tức là bậc thánh nhân». (Chương 20) Bậc thánh nhân «ung dung hợp với đạo» đó cũng là nói rõ «bậc thánh nhân hồn nhiên hợp với đạo trời», là chỗ cùng tốt của sự làm người «vạn vật đều có đầy đủ ở trong ta, xét lại mình mà thành, có gì vui sướng hơn nữa». Hơn nữa, sự thành là «hợp với đạo», điều đó không phải đã phù hợp với «thần thổ là tín», mà thổ là ở chính giữa hay sao? Tử Tư, Mạnh Kha đều nhấn mạnh sự «hợp với đạo», thực tế, hai ông đã coi sự «thành» là cái bản thể của vạn vật, nguyên nhân của sự nhân mạnh đó không phải vì sự thành tín là một cái ngôi ở chính giữa trong thuyết ngũ hành sao? Cho nên, trong sách của Tử Tư, Mạnh Kha mặc dù không có chữ ngũ hành về kim, mộc, thủy, hỏa, thổ, nhưng đúng là trong đó có sự suy diễn theo hệ thống ngũ hành.» (*Thập phê phán thư, trang 133-134.*)

Theo đoạn văn đã trích dẫn trên đây, thì Mạnh tử rất thích dựa theo những sách cũ là *Kinh thi*, *Kinh thư*, thông qua sự tưởng tượng chủ quan của ông để tạo ra học thuyết. Lời nói càng duy tâm hơn nữa, còn có những câu như sau :

« Tin tất cả *Kinh thư*, thì không bằng không có *Kinh thư*, đối với thiên *Vũ-thành*, ta chỉ lấy có hai, ba mảnh¹ mà thôi. Người nhân thì trong thiên hạ không ai địch nổi, bậc chỉ nhân đi đánh kẻ vô cùng bất nhân, có lẽ nào lại chém giết đến nỗi máu chảy trôi cả chày giã gạo như trong thiên *Vũ-thành* đã chép ? » (*Tận tâm, hạ*)

« Bàn về *Kinh thi*, không nên lấy văn mà hại từ, không nên lấy từ mà hại ý. Nên lấy cái ý mà đoán tiếp cái chí, như thề mới gọi là hiểu được. » (*Vạn Chương, thượng*)

Theo những điều nói trên, chúng ta đã biết rõ, nho học của học phái Tư, Mạnh, là phóng đại nền nho học theo chủ nghĩa duy tâm, một mặt đã coi lý tưởng tiền vương của Khổng tử là « đúng lời nói của người quân tử ngày trước », mở rộng những truyền thuyết « trước cả nghìn đời », so sánh với ngũ hành trời đất; mặt khác học phái Tư, Mạnh đã đem tri thức luận của Khổng tử, so sánh rút ra và nâng lên thành siêu hình có tính chất thần bí, tức là đem cái « học » về phần « sở tư »² của Khổng tử, phát triển thành ra « thần », đã đem cái « tri » về phần « năng tư »³ của Khổng tử, phát triển thành ra « thành », do đó, nhân đạo và thần đạo hợp nhất, đúng với cái gọi là « lấy cái ý mà đoán tiếp cái chí ! »

1. Thời cổ đại trong giai đoạn chưa phát minh ra giấy, người ta đã dùng tre chẻ ra từng mảnh để viết, rồi xâu lại thành từng tập. (N.D.)

2-3. Xem phần bàn về « năng tư » và « sở tư » của Khổng tử trong quyển *Hiển học Khổng, Mục*. (Nhà xuất bản Sự thật, 1959, trang 64-65. (N.D.))

Tiết ba

TƯ TƯỞNG DUY TÂM VỀ TRUNG DUNG

Tuy quyền sách *Trung dung* không nhất định chỉ có một mình Tử Tư viết ra, nhưng có thể lấy những tư tưởng trong đó làm đại biểu cho học phái Tư, Mạnh.

Hai chữ « trung dung » xem trong sách *Luận ngữ* chỉ thấy có một chỗ : « Không tử nói : « Đức trung dung rất cao, đã từ lâu dân thiếu cái đức ấy. » » (*Ung Dã*) Thuyết đạo đức của Không tử, một mặt phục hồi yếu tố tâm lý của loài người theo quan điểm tôn giáo đời Tây Chu, tập trung tinh thần đạo đức vào những hình thức lễ nghi sách vở của đời Xuân thu trở đi ; mặt khác, coi tiêu chuẩn đạo đức là một nhân cách lý tưởng cao nhất mà người « quân tử » quý tộc đã chú ý và dựa vào. Câu « đức trung dung » trong sách *Luận ngữ*, nếu không phải lời nói của người sau thêm vào, thì câu ấy cũng không phải là mệnh đề chủ yếu của Không tử. Tinh thần phê phán của Không tử cuối đời Xuân thu, là từ trong hệ thống học thuyết của truyền thống đời Tây Chu còn được giữ lại, dựng lên nền nho học mới, sự tín ngưỡng chế độ nhà Chu còn được giữ lại đó, là cái mà các nhà nho học sau này đều có cả. Và hai khuynh hướng về lý luận đạo đức đó, lại phân hóa thành hai phái nho đời Chiến quốc, nắm lấy cái trước có sửa chữa thêm là học phái Tuân tử, nắm lấy cái sau và phóng đại thêm ra là học phái Tư, Mạnh.

«*Trung dung*» là một thuật ngữ đời Chiến quốc. Đời Chiến quốc là thời đại giai cấp hiển tộc xuất hiện và bọn quý tộc thị tộc chỉ còn lại chút hơi tàn. Có thay đổi, hay không thay đổi, về vấn đề ấy thực tế không có mảnh đất thừa cho thứ chính trị điều hòa xen vào giữa, gọi là chính trị «*người ân huệ*» của Quán Trọng, Tử Sản trong thời đại Xuân thu. Đạo «*nhân*» của Quán Trọng, Tử Sản về thực tế đã không thể nào thực hiện được, thì tư tưởng «*trung dung*» siêu hiện thực hầu như đã trở thành một thứ thuốc an thần được tưởng tượng ra trong cơn bão táp của thời đại. Cho nên sách *Trung dung* nói:

«*Đã gọi là đạo, thì không thể một giây phút nào rời bỏ được, nếu có thể rời bỏ được, thì không phải là đạo. Cho nên người quân tử thận trọng ở chỗ mình không thấy, đề dặt ở chỗ mình không nghe. Không có gì bộc lộ bằng chỗ kín đáo, không có gì rõ rệt bằng việc nhỏ nhất, cho nên người quân tử phải cẩn thận ở chỗ chỉ có một mình biết.*» (Chương 1)

Theo giai cấp thông trị, điều tốt nhất trong lúc đó là tùy theo địa vị của mình mà hành động. Cái gọi là «*hiện tại được giàu sang thì làm theo giàu sang, hiện tại mà nghèo hèn thì làm theo nghèo hèn*» (Chương 14), «*khi ở địa vị cao không kiêu căng, khi ở địa vị thấp không làm gì trái*» (Chương 27), vô hình trung đã mưu toan thủ tiêu đầu tranh giai cấp. Nhưng trong một thời đại không phải là đời của «*nước có đạo*», thì về thực tế xã hội *trung dung* không thể nào tồn tại được:

«*Đạo trung dung mà không thực hiện được, ta đã biết rồi, vì những người trí thì hiểu nó một cách thái quá, những người ngu dốt thì hiểu nó một cách bất cập. Đạo trung dung mà không sáng tỏ được, ta cũng đã biết rồi, vì những người hiểu thì làm một cách thái quá, những người không hiểu thì làm một cách bất cập.*» (*Trung dung*, Chương 4)

«*Việc thiên hạ quốc gia tuy khó, nhưng cũng có thể làm cho bình trị được, những tước lộc tuy sang,*

nhưng cũng có thể từ chối được, những gương dao tuy sắc, nhưng cũng có thể đâm lên được, còn như đạo trung dung thì không có mấy người theo nổi.» (Chương 9)

Ở cái thế giới biến hóa trung dung không hiện thực đó, lúc đầu Không tử đã phát huy một số tính thần tích cực, như việc cải lương, nhưng trong sách *Trung dung*, việc biến hóa đó, chỉ có tìm ở trong sự giải thoát nội tâm theo chủ nghĩa duy tâm:

«Kẻ đó phải ra sức suy xét những điều khúc mắc, những điều khúc mắc có thể có cái thành, đã thành, thì sẽ thể hiện ra ngoài; đã thể hiện ra ngoài, thì sẽ rõ rệt; đã rõ rệt, thì sẽ tỏa sáng khắp mọi nơi; đã tỏa sáng khắp mọi nơi thì sẽ động, đã động, thì sẽ biến; đã biến thì sẽ hóa. Chỉ có bậc chí thành trong thiên hạ mới có thể hóa.» (Chương 23)

Đối với xã hội có sự biến hóa, Không tử đã từng có những ý định tích cực cho rằng «có thể làm được», nhưng trong sách *Trung dung* chỉ biểu hiện cái tâm lý không thể giải quyết nổi sự mâu thuẫn:

«Người quân tử ăn ở giản dị để đợi mệnh trời, còn kẻ tiểu nhân thì làm những việc nguy hiểm để cầu may.» (Chương 14)

Theo đây, ở trong xã hội có mâu thuẫn giai cấp «kẻ ngu muốn tự cho là thông minh, kẻ hèn muốn được tự cảm quyền», sinh ra ở đời nay, lại làm trái cái đạo của đời xưa» (Chương 28), cái gọi là đạo trung dung, chỉ có mặt tiêu cực là «đợi mệnh», «nước không có đạo, thì im lặng để lấy chỗ dung thân» (Chương 27). Vì giải quyết mâu thuẫn giai cấp theo mặt chủ quan, nên đã xuất hiện cái tư tưởng siêu hình «người quân tử giữ theo đạo trung dung, kẻ tiểu nhân thì làm trái đạo trung dung»:

«Người quân tử giữ theo đạo trung dung, kẻ tiểu nhân thì làm trái đạo trung dung. Người quân tử sở dĩ giữ được đạo trung dung, vì họ biết tùy thời; kẻ

tiểu nhân sở dĩ làm trái đạo trung dung, vì họ không biết kiêng sợ gì cả.» (*Trung dung*, Chương 2)

Người quân tử quý tộc có thể «tùy thời» như thế nào? Câu trả lời cuối cùng là «trách ở mình,» xét trong mình không có việc gì xấu, lòng không hồ thẹn, cái mà người quân tử không theo kịp được, chỉ là cái mà người ta không thể nhìn thấy» (Chương 33), «biết được cái rõ rệt trong chỗ tinh vi» (cũng ở Chương 33). Nhưng những điều đó chẳng qua là một thứ thắng lợi về tinh thần của giai cấp quý tộc mà thôi.

Theo cách nói của sách *Trung dung*, chỗ tinh vi, kín đáo của sự thắng lợi về tinh thần là «sửa mình» mà không trách người. Nhưng cái rõ rệt nhất vẫn là ở chỗ có thể cùng hòa hợp với trời đất! Đó là quan điểm duy tâm về vũ trụ, một quan điểm nông nổi biết bao! Vì thế, cái đức «tùy thời» chỉ cần xây dựng trên cơ sở theo động cơ của tinh thần chủ quan, thì vẫn có thể thông suốt đến trời đất vạn vật:

«Mừng, giận, buồn, vui, khi chưa bộc lộ ra ngoài, gọi là trung bình; khi đã bộc lộ ra ngoài mà đúng mức, gọi là điều hòa. Trung bình là cái gốc lớn của thiên hạ, điều hòa là cái đạo thông suốt trong thiên hạ. Đi tới chỗ trung bình và điều hòa, thì trời đất thuận yên, vạn vật sinh trưởng.» (Chương 1)

Nhưng «đi tới chỗ trung bình và điều hòa», đối với hiện thực là không có khâu trung gian, chỉ là tinh thần dung hòa đối với tự nhiên mà thôi. Còn cái gọi là «đạo hợp với trong ngoài» hay là cái đạo kín đáo, trái với sự phát triển khách quan của thế giới hiện thực, thì như thế nào? Kết luận là rất đáng buồn, tức cái gọi là «tránh đời»:

«Người quân tử dựa vào đạo trung dung, tránh đời không ai biết mình mà chẳng hồi hận, chỉ có bậc thánh nhân mới được như thế.» (Chương 11)

Những điều nói trên, chính là chủ nghĩa duy tâm chủ quan của sách *Trung dung*. Việc mơ tưởng ngông cuồng theo chủ quan đó, rõ ràng là kẻ thừa trực tiếp thuyết nội tình của Tăng tử.

Không từ chỉ phục hồi cái tư tưởng nhân luân theo tư tưởng tôn giáo «trời với người hợp nhất» của đời Tây Chu, nhưng Tử Tư lại đem phát triển tư tưởng nhân luân thành tư tưởng tôn giáo rộng rãi. Đời Tây Chu lấy tiên vương sánh với trời, Tử Tư thì nhất định lấy Không từ sánh với trời:

«Cái mà mệnh trời phú cho gọi là tính, noi theo tính gọi là đạo, tu sửa đạo gọi là dạy.» (Sách đã dẫn, Chương 1)

Sự hợp nhất mệnh trời và nhân tính, tức là hợp nhất đạo trời và cái tính, đó là điều mà Không từ ít nói đến, cũng là điều mà Tử Công chưa được nghe, nhưng Tử Tư lại coi nó thành tôn giáo một cách dễ dàng. Sách *Trung dung* trích dẫn tư tưởng trời với người hợp nhất trong thiên *Chu tụng* nói:

«*Kinh thi* nói: «Duy cái mệnh của trời cao thăm không ngần», nghĩa là trời mà sờ dĩ là trời, là do ở đó. Lại nói: «Ồi, lẽ nào lại không rõ, cái đức thuần nhất của vua Văn vương», nghĩa là nói vua Văn vương sờ dĩ gọi là Văn, là do có đức thuần nhất cũng như trời mà thôi.» (Chương 26)

Theo đây, sách *Trung dung* đã dựa một cách mạnh dạn vào thuyết cũ sánh Văn vương với mệnh trời, của thiên *Chu tụng*, *Kinh thi*, để tạo ra một thuyết mới — thuyết tôn giáo «trời với người hợp nhất» về đức «thành». Hãy xem:

«Thành là đạo của trời, giữ lấy lòng thành là đạo của người.» (Sách đã dẫn, Chương 20)

«Lòng thành là tự mình làm cho thành, còn đạo là tự mình noi theo. Thành là sự chung thủy của vạn vật, nếu không thành, thì vạn vật cũng đều không có.» (Cái bản thể vượt ra ngoài tồn tại khách quan, và vật chất bị loại trừ ra cõi có thể «không có».) (Sách đã dẫn, Chương 25)

«Lòng thành, không phải tự trau dồi cho mình mà thôi, mà phải trau dồi cho mọi vật.» (Mặt chủ quan

của thành là tính thứ nhất, vật chất là tính thứ hai.)
(Sách đã dẫn, Chương 25)

« Chỉ thành, thì làm việc *không khi nào ngừng*, đã không khi nào ngừng, thì *bền lâu*, đã *bền lâu*, thì được chứng nghiệm, đã được *chứng nghiệm* thì *vĩnh viễn*, đã *vĩnh viễn*, thì *sâu rộng*, đã *sâu rộng* thì được sáng suốt (chỗ này giống như trật tự ngũ hành). Sâu rộng, là chỗ để chứa đựng vạn vật; sáng suốt là chỗ để bao trùm vạn vật; vĩnh cửu là chỗ để hình thành vạn vật. Sâu rộng là ví với đất, sáng suốt là ví với trời, sự vĩnh cửu là vô cùng. Như thế, chẳng biểu hiện ra mà rõ ràng, không hoạt động mà có sự biến hóa, không làm mà tự nhiên thành. » (Sách đã dẫn, Chương 26; Trời đất vạn vật đều dựa vào lòng thành chủ quan, mới thể hiện ra ngoài.)

Bản thể là vật tự tại thuộc về tiên thiên, vượt khỏi các phạm trù thời gian, không gian, vật chất và vận động. Đồng thời sự biến hóa về hình thức và nội dung của nó đều là siêu cảm giác. « Người quân tử lấy sự thành làm quý », tức là lấy tính chí thành phối hợp với tính trời, cái công thức duy tâm chủ nghĩa của nó là như thế này :

« Chỉ có những người chí thành trong thiên hạ, mới có thể biết hết được cái tính. Nếu có thể biết hết được cái tính, thì có thể biết hết được tính của con người; nếu biết hết được tính của con người, thì có thể biết hết được tính của vạn vật; nếu biết hết được tính của vạn vật, thì có thể giúp vào việc sinh hóa của trời đất; nếu có thể giúp vào việc sinh hóa của trời đất, thì có thể cùng trời đất tham dự mọi việc. » (Sách đã dẫn, Chương 22)

« Vì đại thay, đạo của thánh nhân, đầy tràn khắp nơi, nuôi dưỡng vạn vật, cao lớn bằng trời. » (Sách đã dẫn, Chương 27)

Vì thế, tư tưởng «trời với người hợp nhất» đó, đã tỏ thêm trên mặt thần tôn giáo đời Tây Chu một lớp «tu sửa đạo gọi là dạy»; một mặt nói, «đức của quý thần có thể nói là rất cao (Không tử chỉ nói «đức của nhà Chu có thể nói là rất cao»), xem mà không thấy, nghe mà không thấu, sinh ra vạn vật mà không đề sót» (Sách đã dẫn, Chương 16); mặt khác lại nói, «Trọng Ni noi theo đạo của vua Nghiêu, vua Thuân, theo khuôn phép của vua Văn, vua Vũ, trên theo thời tiết của trời, dưới theo tính chất của đất nước» (Sách đã dẫn, Chương 30). Cho nên, chỉ có bậc thánh nhân mới có thể biết hết được tính của con người và biết hết được tính của vạn vật, mới có thể «sánh với trời». Không tử thì có đủ tư cách của một người giáo chủ như thế.

Tư tưởng «trời với người hợp nhất» của những nhà nho đời Hán và tư tưởng tôn giáo của «nho giáo» đời sau, đều từ đó mà ra. Tư tưởng tôn giáo và hệ thống siêu hình đó sở dĩ cho «thành» là phạm trù cao nhất, là có sự quan hệ trực tiếp với những quan điểm duy tâm về tự xét mình và quan niệm đức hiếu nói chung của Tăng tử. Ở đây, chúng ta cần biết rằng, phân tích sự kế thừa về lý luận siêu hình của thứ tôn giáo đó, hay chỉ rõ nguồn gốc của nó từ đâu, chính là vấn đề tìm nguồn gốc lịch sử tư tưởng. Càng quan trọng hơn nữa là nghiên cứu vạch ra rằng chủ nghĩa duy tâm chủ quan của sách *Trung dung* và sự siêu hình tôn giáo hóa của nó, chính là cái tư tưởng hợp pháp của người quân tử quý tộc đời Chiến quốc. Ở trong một thời đại bão táp mà người quân tử vẫn có thể «chẳng biểu hiện ra mà rõ ràng, không hoạt động mà có sự biến hóa»; vẫn có thể tìm ra được sự vĩnh viễn không thay đổi của tinh thần, mong mỗi thần sẽ giáng xuống ở bên cạnh vị thiên tử, giúp thiên tử bàn việc lễ, đặt chế độ, xét những sách «ở đời xưa. Cho nên sách *Trung dung* lại nói:

«Chỉ có bậc chí thành (thần) trong thiên hạ, là có thể nắm được đường lối kinh luân thiên hạ, đứng nền cái gốc lớn trong thiên hạ, biết việc sinh hóa của

trời đất, mà không dựa vào đâu cả.» (Sách đã dẫn, Chương 32)

Vì chế độ tông pháp mà bọn quý tộc thị tộc nương tựa lúc bấy giờ đã bị phá hoại, cho nên giai cấp quý tộc tưởng tượng chỉ có bậc thần thánh mới có thể sáng tạo ra chính quyền :

« Nếu không phải là thiên tử, thì không nên bàn việc lễ, không nên đặt ra chế độ, không nên xét những sách vở đời xưa... Tuy có ngôi thiên tử mà không có đức, cũng không nên đặt ra lễ nhạc; tuy có đức mà không có ngôi thiên tử, thì cũng không nên đặt ra lễ nhạc. » (Sách đã dẫn, Chương 28)

TIMSACH.COM.VN

Tiết bốn

QUAN NIỆM XÃ HỘI, LÝ LUẬN GIAI CẤP VÀ THUYẾT TIỀN CỬ NGƯỜI HIỀN CỦA MẠNH TỬ

Sách *Mạnh tử*, không phải chính tay Mạnh tử viết ra, cho nên khó xác định được niên đại của tác phẩm ấy. Lương Khải-siêu đoán rằng do «nhóm Công Tôn-sửu, Vạn Chương biên soạn» (Xem : *Yếu tịch giải đề*), phần nhiều đều là những lời suy diễn, không có căn cứ trực tiếp chính thức. Sách *Mạnh thị phổ* cho rằng về năm sinh và mất của Mạnh tử có nhiều chỗ đáng nghi. Năm sinh của ông sớm nhất vào khoảng năm thứ 13, muộn nhất vào năm thứ 20 đời Chu An vương, còn năm mất của ông, càng không thể biết được. Tuổi thọ của ông rất cao, nhưng có thuyết nói ông thọ tám mươi tư tuổi thì chưa chắc là đúng.

Từ những lời nghị luận của Mạnh tử đã ứng đời trong thời đại Chiến quốc, ta có thể thấy rõ thời thế lúc bấy giờ và chủ trương của ông :

1. Xã hội lúc bấy giờ là xã hội tranh lợi — thời đại đó không chỉ những kẻ tiểu nhân làm những việc nguy hiểm để cầu may, không chịu làm theo phận nghèo hèn, mà cả người quân tử cũng tranh lợi với nhân dân. «Trên dưới đều tranh lợi lẫn nhau», điều đó nói rõ «cuộc tiền quân của đồng bạc» đã phá vỡ chế độ tông lễ, đơn vị quốc dân theo khu vực đã phá vỡ đơn vị thị tộc theo huyết thống. Hãy xem những câu dưới đây :

« Nhà vua nói làm thế nào có lợi cho nước ta, quan đại phu cũng nói làm thế nào có lợi cho nhà ta, kẻ sĩ, thứ dân cũng nói làm thế nào có lợi cho thân ta. Trên dưới đều tranh lợi lẫn nhau, thì nước nguy mất »
(*Lương Huệ vương, thượng*)

« Đâu lại có người quân tử mà có thể lấy của cải vơ vét được? » (*Công Tôn-sửu, hạ*)

« Đã làm giàu thì bắt nhân, đã làm điều nhân thì không thể giàu được. » (*Đổng Văn công, thượng*)

« Bây giờ, kẻ thờ vua thường khoe rằng, ta có thể vì vua mà mở mang được đất cát, làm đầy được kho tàng. Ngày nay gọi kẻ ấy là lương thần, nhưng đời xưa gọi kẻ ấy là bọn giặc. Vì chẳng hướng dẫn vua theo đường đạo nghĩa, chẳng chăm chú vào điều nhân, mà chỉ tìm cách làm giàu cho vua, đó là làm giàu cho vua Kiệt. » (*Cáo tử, hạ*)

Mạnh tử chống điều lợi, chống làm giàu, việc chống đó có nguyên tắc. Nguyên tắc của ông là gì? Ý của ông nói rằng, mỗi quan hệ giai cấp trong xã hội cầu lợi, cầu làm giàu lúc bây giờ, đã vượt ra ngoài phạm vi của « chế độ » cho phép. Và chế độ đó là gì? Về điểm này, ngoài những chỗ quan trọng mà bộ sách này đã có trình bày, ở đây xin dẫn lời nói của Mạnh tử để chứng minh :

Trong chế độ nhà Chu, nước, nhà, thân mình hoặc chư hầu, đại phu, kẻ sĩ và thứ nhân đã phân loại thành những giai cấp nhất định. Đã phân biệt rõ người quân tử ở trong « nước », còn kẻ tiểu nhân thì ở nơi thôn dã. Nước tức là tiếng gọi thành thị ở thời cổ đại, tiếng gọi này như Mạnh tử đã nói « ngày nay ở trung quốc (trong nước), bỏ đạo người, không có người quân tử nữa, nhưng làm sao mà bỏ được » (*Cáo tử, hạ*), « khắp cả nước đều cho Khuông Chương là bắt hiều » (*Ly Lâu, hạ*), « bây giờ có kẻ ăn cướp của người ở ngoài quốc môn (cửa nước) » (*Vạn Chương, hạ*), tất cả những chữ « nước » ấy là chữ của chế độ nhà Chu. Việc chia ra quốc, đã thời cổ đại, gọi là « phong

kiến», tính chất có khác với phong kiến thời trung cổ. Trong thời đại Mạnh tử, chế độ đó đã bị phá hoại, nhưng tàn tích của nó vẫn còn. Ông nói:

«Muôn vạch ra khu vực (chữ «vực» này tức là chữ «quốc», trong kim văn đời Chu, chữ «quốc», chữ «hoặc», chữ «vực» là cùng một chữ) cho dân ở, không căn cứ ở giới hạn bờ cõi, muốn giữ nước, không căn cứ ở núi khe hiểm trở.» (Công Tôn-sưu, hạ)

Về chế độ «thôn dã», Mạnh tử cũng có giải thích:

«Những người tôi ở trong nước, gọi là người tôi ở thành thị, những người ở trong thôn dã, gọi là người tôi ở thôn quê, hai hạng người ấy đều là kẻ thứ nhân. Những kẻ thứ nhân mà chưa đem lễ vật yết kiến để làm tôi, thì không dám đi yết kiến vua chư hầu, là giữ theo lễ... Những kẻ thứ nhân, vua cho gọi đi lao dịch, thì đi lao dịch...» (Vạn Chương, hạ)

Căn cứ vào câu «thiên hạ đều muốn cày trên đồng ruộng của vua» mà xét, thì người thôn dã chính là những người sản xuất. Người tôi ở thôn quê, kẻ thứ nhân, người thôn dã là giống với câu «người nô lệ ở bốn phương» của Mặc tử đã nói. Theo đây, thấy rằng nguyên tắc chế độ quốc dã của Mạnh tử, là việc chia ranh giới giữa giàu sang và nghèo hèn, bỏ cái ranh giới đó, mà cầu lợi, cầu giàu, «thì nước nguy mất». Cho nên ông nói:

«Việc nhân chính, trước hết phải sửa sang phân định giới hạn ruộng đất. Phân định giới hạn không đúng, thì chia ruộng đất không đều, thóc lúa bông lộc không công bình. Cho nên những người vua bạo ngược, những quan lại tham ô, nhất định là coi thường việc phân định giới hạn ruộng đất. Phân định giới hạn ruộng đất đã đúng rồi, thì việc chia ruộng đất, việc ban cấp bông lộc, có thể ngồi một chỗ mà định được. Nước Đàng, tuy đất cát nhỏ hẹp, chắc cũng có những người quân tử ra làm quan, cũng có những người thôn

quê lo cày cấy. Nếu không có người quân tử, lấy ai cai trị kẻ thôn quê, nếu không có người thôn quê, lấy ai nuôi người quân tử. Trong thôn quê xin dùng phép trợ¹, chín phần lấy thuê một phần, ở quốc đô, thì mười phần lấy thuê một, để cho tự nộp thuế... (tiếp theo là nói về phép tỉnh điền)...» (Đặng Văn công, *thượng*)

Thuyết tỉnh điền của Mạnh tử là vấn đề mà các học giả xưa nay đã tranh luận, nhưng đến nay vẫn chưa giải quyết được. Nhưng về thuyết phân định giới hạn ruộng đất lại không có ai chú ý đến: trong kim văn đời Chu, không thấy có dấu vết gì về chế độ tỉnh điền, nhưng việc phân định giới hạn ruộng đất thì có bằng cứ chắc chắn trong kim văn đời Chu. Lúc bấy giờ «chư hầu ghét việc phân định tước lộc của đời Chu có hại cho mình, nên đều vứt bỏ hết những sách vở cũ» (*Văn Chương, hạ*), thì Mạnh tử đã mưu toan dựa theo chế độ quốc dã của nhà Chu để phân loại quân tử và tiểu nhân, xác định giai cấp thông trị và bị thông trị.

Trong thời đại Chiến quốc, «coi thường việc phân định giới hạn ruộng đất» là một thực tế, chế độ quốc dã của nhà Chu đã bị phá vỡ. Sự phá vỡ đó sẽ dẫn đến chỗ tiêu diệt đơn vị thị tộc, dẫn đến việc «trên dưới đều tranh lợi lẫn nhau» của giai cấp quốc dân. Sở dĩ Mạnh tử phản đối vua bạo ngược, quan lại tham ô lúc bấy giờ, là vì bọn chúng đã phá hoại cái «chế độ» nhà Chu ấy. Như trong lúc Mạnh tử ở nước Tề, «một hôm, vua gọi Thời tử đến bảo rằng: «Ta muốn trong nước đem nhà (nhà là chỉ người nô lệ) cho thấy Mạnh tử, đem cho một vạn chung² thóc để nuôi học trò, để những quan đại phu và quốc

1. *Phép trợ* : Theo chế độ tỉnh điền, chia ruộng thành chín khu, khu ruộng công ở giữa, tám khu ruộng tư ở chung quanh. Mỗi người nông dân làm trong khoảnh ruộng chín khu ấy, đều phải cày giúp khu ruộng công để nộp thuế, gọi đó là phép trợ. (N.D.)

2. *Chung* : là đồ dùng để đo lường trong thời đó. Một chung là 6 hộc 4 đấu (mỗi hộc 10 đấu). (N.D.)

nhân (dân tự do) đều có chỗ tôn kính và bắt chước. Nhưng Mạnh tử nghe rồi nói rằng: «Nếu ta muốn giàu, tại sao ta từ chối cái lộc mười vạn chung, để nhận lấy lộc một vạn chung, thế là ta muốn giàu ư?» (Công Tôn-sửu, hạ)

2. Lúc bấy giờ việc mâu thuẫn giai cấp mưu cầu làm giàu đã xuất hiện — trong những chương trước chúng tôi đã chỉ rõ, giai cấp mới thời Chiến quốc là giai cấp quốc dân đã khu vực hóa, thuyết giai cấp của Mặc tử đã phản ánh yêu cầu của giai cấp đó. Những quốc nhân, ngay cả kẻ thứ nhân cũng đều không chịu làm theo phận nghèo hèn, trái lại người quân tử quý tộc cũng chạy theo trào lưu, tranh cướp lẫn nhau «những nhà có một nghìn cỗ xe tất nhiên sẽ giết vua trong nước có một vạn cỗ xe; những nhà có một trăm cỗ xe tất nhiên sẽ giết vua trong nước có một nghìn cỗ xe» (Lương Huệ vương, thượng), chúng cũng không làm theo địa vị đã được giàu sang.

«Người trên không có đạo lý để cân nhắc, người dưới không có quy tắc để giữ gìn, trong triều thì không tin tưởng vào đạo lý, các quan thì không tin tưởng vào chế độ, người quân tử thì bất nghĩa, kẻ tiểu nhân thì phạm pháp, nước còn được là may! Cho nên nói: thành quách không hoàn bị, binh khí không nhiều lắm, không phải là tai họa lớn cho một nước; không mở mang ruộng nương, không tích tụ của cải, cũng không phải là nguy hại lớn cho một nước. Người trên không có lễ giáo, người dưới không có học thức, dân nổi lên làm giặc, nước mất đến nơi!» (Ly Lâu, thượng)

Trong Nhà nước thành thị thời cổ đại, do việc tranh cướp của cải, người quân tử trong nước thì bất nghĩa, kẻ tiểu nhân ở thôn quê và thành thị thì phạm pháp, theo Mạnh tử đó là những việc nguy hiểm không có gì bằng. Cái gọi là «dân nổi lên làm giặc», chính là biểu hiện cuộc đấu tranh của giai cấp bị thống trị. Đối với những việc làm bất nghĩa để mưu cầu giàu sang, Mạnh tử nói:

«Thật lạ cho Tử Thúc, mình ra làm chính trị, đã không được vua tin dùng thì cũng nên thôi đi, lại còn đưa học trò ra làm quan khanh. Người ta ai chẳng muốn được giàu sang, mà riêng Tử Thúc, ở trong chỗ giàu sang lại có sự lũng đoạn riêng như thế.»
(*Công Tôn-sửu, hạ*)

Ý nghĩa của việc «lũng đoạn riêng», là chỉ vào việc chuyên về lợi của những đại phu quân tử, cũng có nghĩa là nói «đám công tử đều làm giàu». Giải thích đoạn văn trên đây, Mạnh tử đã nêu lên mối quan hệ về thương nghiệp: «Đời xưa làm ra chợ, là để đem cái vật mình có, đổi lấy vật mình không có, trong chợ có quan hữu ty để giải quyết mọi việc. Có một anh chàng hèn tìm cách lên một chỗ gò đất cao, trông bên tả bên hữu để vơ vét những món lợi trong chợ, mọi người đều cho làm như thế là hèn, cho nên mới đánh thuế kẻ ấy. Đời sau đánh thuế vào những người đi buôn, là bắt đầu từ anh chàng hèn đó.» (*Công Tôn-sửu, hạ*)

Những chư hầu, đại phu đều tranh lợi lộc, tranh làm giàu, là tự họ đã phạm những hành vi bất nghĩa. Cho nên Lỗ Mục công hỏi tại sao nước Trâu, nước Lỗ đánh nhau, quan chức chết 33 người, mà dân thì không có người nào chết cả? Mạnh tử nói: «Kho tàng của nhà vua đầy thóc, thừa tiền, mà các quan không báo cáo lên vua để cấp phát cho dân, đó là các quan coi thường người trên, mà tàn bạo ngược đãi kẻ dưới... Nay dân mới được dịp đem những việc của quan chức làm ra mà trả lại cho họ đây.» (*Lương Huệ vương, hạ*) Chồng lại giai cấp thống trị, là một cuộc điện nguy hiểm biết bao! Đối với điểm đó, Mạnh tử vẫn chủ trương phục cổ, ông nói: «Ngũ bá là những người có tội với tam vương¹, vua chư hầu đời nay có tội với ngũ bá, quan đại phu đời nay có tội với vua chư hầu.» (*Cáo tử, hạ*)

1. Ngũ bá: Tề Hoàn công, Tấn Văn công, Tần Mục công, Tống Trang công, Sở Trang công.

— Tam vương: Vua Vũ nhà Hạ, vua Thang nhà Thương, vua Vũ nhà Chu. (N. D.)

Mặt khác, việc hoạt động để mưu cầu giàu sang của quốc nhân (dân tự do), đã trở thành xu thế chung của xã hội. Câu chuyện người nước Tề có một người vợ cả, một người vợ lẽ và khoe giàu, khoe sang mà Mạnh tử đã kể ra, là một bằng chứng hùng hồn. Bây giờ xin dịch câu chuyện ấy ra văn bạch thoại như sau :

Trong nhà của một người dân tự do ở nước Tề, có một vợ cả và một vợ lẽ. Trong khi người chồng đi ra tay không, lại ăn uống no say rồi trở về, vợ cả hỏi chồng ăn uống với những ai, thì người chồng nói ăn uống toàn với những người bạn giàu sang chứ với ai nữa ! Vợ cả bảo người vợ lẽ rằng : chồng chúng ta đi ra ngoài, khi về đều no say, hỏi ăn uống với những ai, thì nói toàn là với những người giàu sang, nhưng từ lâu chưa thấy có một « người sang » nào đến nhà chúng ta, ta không tin, cần phải theo dõi xem đi đến những đâu. Sáng sớm hôm sau, lên theo xem những chỗ mà người chồng đã đi, thấy khắp trong thành không có một người nào cùng đứng lại nói chuyện với người chồng. Cuối cùng, thấy người chồng đi ra chỗ cúng mổ mà ngoài cửa Đông, xin những đồ cúng tế mà ăn, ăn một chỗ không đủ, lại tới xin một chỗ khác, và đã được no say bằng cách đó. Vợ cả trở về nhà nói với người vợ lẽ rằng : người chồng, là chỗ dựa một đời của chúng ta, mà nay kết quả là như thế đây ! Rồi cùng với người vợ lẽ vừa nguyên rủa, vừa than khóc. Trong khi ấy thì người chồng chưa biết gì cả, hớn hờ đi về vẫn khoe tràn với hai vợ. (Xem nguyên văn, thiên *Ly Lâu*, hạ)

Kể xong chuyện đó, Mạnh tử đã đứng trên lập trường quân tử quý tộc, phê bình những người đồ không biết mệnh mà cứ lo mưu cầu việc giàu sang và tìm cách để làm « người sang » :

« Xét theo người quân tử, thì những kẻ đi cầu cạnh giàu sang lợi lộc kia, mà vợ cả vợ lẽ của họ không xấu hổ và không khóc lóc với nhau, cũng rất ít có ! »

Lập trường giai cấp của Mạnh tử rất rõ rệt. Ông không chủ trương phá vỡ mối quan hệ nghèo giàu của chế độ giai cấp đã lỗi thời, ông nói : « Ké vì nghèo mà ra làm quan, thì nên từ chối địa vị cao mà lui về địa vị thấp, nên từ chối bổng lộc hậu, mà hưởng bổng lộc bạc... Địa vị thấp mà đòi hỏi cao, là có tội. » (Vạn Chương, hạ) Điều đó có nghĩa là những người nghèo hèn, thì vĩnh viễn không nên thay đổi địa vị nghèo hèn.

Mạnh tử rất quan tâm đến địa vị của giai cấp thống trị, ông đưa ra lý luận về cái sở dĩ thành quý tộc của người quý tộc, gọi là thuyết « quý hiển tự nhiên » :

« Có thứ phẩm tước của trời cho, có thứ phẩm tước của người cho : Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, vui làm điều thiện không mệt mỏi, đó là phẩm tước của trời cho ; chức công, khanh, đại phu, đó là phẩm tước của người cho. Người đời xưa tu dưỡng cái phẩm tước của trời cho, mà cái phẩm tước của người cho tự nhiên theo đến ; người ngày nay có tu dưỡng cái phẩm tước của trời cho, chỉ cốt cầu lấy phẩm tước của người cho, đã được cái phẩm tước của người cho rồi, lại bỏ ngay cái phẩm tước của trời cho, như thế thật là sai lầm, cuối cùng cái phẩm tước của người cho nhất định cũng sẽ mất mà thôi. » (Cáo tử, thượng)

Thuyết hợp nhất giữa phẩm tước của trời và phẩm tước của người của Mạnh tử, là suy luận ra từ tư tưởng trời với người hợp nhất. Cái gọi là phẩm tước của người ở đây, chính là chỉ vào bọn quý tộc thị tộc, đã nhận mệnh của trời, ông nói :

« Muốn được quý hiển, là ý muốn chung của con người, nhưng mọi người ai cũng đều có cái quý ở trong người của mình, tại không suy nghĩ để tìm đây thôi ! Cái quý hiển của người ta cho, không phải là cái quý hiển tự nhiên. Họ Triệu Mạnh cho người được quý hiển, thì họ Triệu Mạnh cũng có thể làm cho người ấy hèn đi ! » (Cáo tử, thượng)

« Quý » là thuộc về giai cấp thông trị, mà giai cấp thông trị là do trời sinh, không phải ai cũng có thể tùy tiện giành lấy được. Do đó, Mạnh tử đã dựa vào lý luận về tính nhân loại của ông, vạch ra một ranh giới tuyệt đối giữa giai cấp thông trị và giai cấp bị thông trị : « Trong thân thể con người có cái quý, cái tiện, có cái nhỏ cái lớn, không lấy cái nhỏ làm hại cái lớn, không lấy cái tiện làm hại cái quý, những kẻ bồi dưỡng theo cái nhỏ là hạng tiểu nhân, những kẻ bồi dưỡng theo cái lớn là bậc đại nhân. » (*Cáo tử, thượng*) Như thế nghĩa là, hình thể do trời sinh ra đã quyết định số phận giai cấp của con người. Nhưng vẫn chưa đủ, Mạnh tử lại đem chia cảm quan của lỗ tai con mắt và cảm quan của cái tâm thành hai đẳng cấp, kẻ tiểu nhân thì theo cảm quan lỗ tai con mắt, bậc đại nhân thì theo cảm quan của tâm. Ông nói :

« Tai mắt là những cảm quan giữ về việc nghe thấy, nó không có sự suy nghĩ, mà thường bị vật bên ngoài che lấp; thanh sắc của những vật bên ngoài tiếp xúc với vật tai mắt, thì vật tai mắt bị nó lôi cuốn đi theo. Tâm là cảm quan chủ về sự suy nghĩ, suy nghĩ thì hiểu được, không suy nghĩ thì không hiểu được. Tâm với tai mắt là trời phú cho ta. Trước khi chưa tiếp xúc với những vật bên ngoài, mà đứng trên chỗ lấy cái đại thể làm chủ, thì những cái tiểu thể mới không thể xâm lấn được, như thể là bậc đại nhân. » (*Cáo tử, thượng*)

Cái phạm trù « năng tư » đó, là phóng đại cái « chín điều suy nghĩ » của Khổng tử. Thực ra, trong tư tưởng Khổng tử, nhận thức cảm tính và nhận thức lý tính là sự phối hợp giữa trong và ngoài, ông chưa hề xóa nhòa cảm tính. Nhưng Mạnh tử thì tách rời một cách tuyệt đối nhận thức cảm tính với nhận thức lý tính, hơn nữa xuất phát từ mặt tính giai cấp, ông đã quy định nhận thức cảm tính là cái « tiểu thể » của tiểu nhân, là nguồn gốc của những điều ác, và quy định nhận thức lý tính là « cảm quan của cái tâm » riêng có của những bậc đại nhân,

là cái màu chột mà bạc đại nhân khác với loài cầm thú và thú dân. Cho nên ông lại nói :

« Con người sinh ra có khác với loài cầm thú bao nhiêu, sở dĩ khác với loài cầm thú là do con người vốn có bản tính tốt, thế mà kẻ *chữ dân* thì bỏ mất cái bản tính tốt ấy, còn người quân tử thì giữ được. »
(Ly Lâu, hạ)

Trong thời cổ đại Trung-quốc, chữ «nhân» (人: người) là một danh từ chỉ người quân tử. đời Đường tránh nói đến tên Lý Thê-dân, mới đem đổi những chữ «dân» (民) trong các sách vở xưa thành chữ «nhân». Đến đời Tống lại sửa đổi một lần nữa, cho nên chữ «nhân» trong những sách vở cổ đã mất chân tướng của nó. Nhưng sau khi đã nghiên cứu kỹ, vẫn còn có thể thấy được khái quát về đại thể của nó. Như Mạnh tử đã nói, « Những người bất nhân, bất trí, vô lễ, vô nghĩa, chỉ là những kẻ nô lệ cho người (人) mà thôi » (Công Tôn-sưu, thượng), « điều nhân, là cái phẩm tước cao quý của trời, là cái nhà yên ổn của mọi người (人) » (Công Tôn-sưu, thượng). Vì « chỉ có người quân tử là giữ điều nhân trong tâm, giữ điều lễ trong tâm » (Ly Lâu, hạ), cho nên, người (人) chỉ là một cái tên để chỉ riêng về người quân tử. Điều nhân là một định nghĩa về người quân tử sở dĩ giành được những phẩm tước cao quý, bất nhân là cái lý do bị nô dịch của giai cấp bị thống trị. Còn những điều đạo đức, nhân, nghĩa, lễ, trí là do mệnh trời quyết định, Mạnh tử nói :

« Điều nghĩa, là con đường, điều lễ là cái cửa, chỉ có người quân tử mới biết đi theo con đường ấy, ra vào cái cửa ấy. Kinh thi nói rằng : « Đường nhà Chu phẳng như đá mài, thẳng như mũi tên, người quân tử đi vào, kẻ tiểu nhân thì trông vào. » » (Vạn Chương, hạ)

Đối với việc thay đổi quan hệ giai cấp, Mạnh tử có thái độ chông lại, nhưng đối với bọn quý tộc cũ, thì ông có cảm tình nồng hậu. Ông cho rằng, việc « quý hiển tự nhiên » của giai cấp

thông trị không nên có sự phá hoại từ bên dưới, ngay việc tự phá hoại của người quân tử từ bên trên lại càng không nên, cho nên ông nói :

« Kẻ tự bạo, không thể cùng nói chuyện với họ được; kẻ tự khí, không thể cùng làm việc với họ được. Nói cần chê bai cả những điều lẽ nghĩa, gọi là kẻ tự bạo; nói rằng bản thân tôi không thể theo được những điều lẽ nghĩa, gọi là kẻ tự khí. » (Ly Lâu, thượng)

Cái gọi là « nhân thì được vinh, bất nhân thì bị nhục » (Công Tôn-sửu, thượng) của Mạnh tử đã nói, giống với câu « người quân tử thường yên theo điều vinh, kẻ tiểu nhân thường yên theo điều nhục » của Tuân tử nói. Nhưng « con người » trong thời đại Chiến quốc, không có sự quy định nghiêm khắc như « con người » đời Tây Chu, địa vị của quốc nhân (dân tự do) đã được ổn định, cho nên Mạnh tử không thể không chủ trương « làm chỗ những người hiền đức có địa vị, những người tài năng có chức tước » (Công Tôn-sửu, thượng), « không tin dùng những người có nhân, người hiền, thì trong nước như không có người. » (Tân tôn, hạ) Nhưng phương pháp cầu hiền của ông khác hẳn với Mặc tử, những điều kiện cầu hiền của ông là theo nguyên tắc của chế độ nhà Chu, nghĩa là không thể phá hoại cái chế độ thị tộc về cao thấp thân sơ. Ông nói :

« Vua chúa tiền cứ người hiền lên dùng, như là một việc bất đắc dĩ, sắp xếp làm cho người bậc thấp vượt người bậc cao, người sơ vượt người thân, có lẽ nào không cẩn thận được ! Những người chung quanh đều bảo rằng hiền, chưa vội tin; các quan đại phu đều bảo rằng hiền, cũng chưa nên tin; mọi người trong nước đều bảo rằng hiền rồi mới xét, khi thấy đúng là hiền, rồi mới dùng. » (Lương Huệ vương, hạ)

Trong khi bàn về thuyết yêu chuộng người hiền của Mặc tử, chúng tôi đã nhắc mạnh tư tưởng tiền cứ « tập hợp nhiều người

hiển» không tránh những người nghèo hèn, những người xa, nhân mạnh đến tính giai cấp quốc dân chống nền chuyên chính quý tộc của tư tưởng đó; nhưng thuyết tiên cử người hiền «bất đắc dĩ» của Mạnh tử đã coi «người bậc thấp vượt người bậc cao, người sơ vượt người thân» là đường lối sai lầm của «vị quốc quân tiên cử người hiền» và ông đã cảnh cáo mạnh rằng: «Có lẽ nào không cẩn thận được!» Đòi chiều hai ý nghĩa thực tiễn đòi lập giữa nho, Mặc trong thời Chiến quốc thì càng rõ ràng hơn nữa. Thật vậy, phương pháp tiên cử người hiền theo nguyên tắc chế độ nhà Chu của Mạnh tử, xét về hình thức văn tự, chưa bao giờ không phù hợp với thuyết tiên cử người hiền từ trên xuống dưới của Khổng tử; nhưng xét về thực chất của lịch sử, Khổng tử chú trọng tiên cử người hiền trong cuối đời Xuân thu là lúc giai cấp quốc dân chưa thành thực, tư tưởng cái lương đó vẫn không mất ý nghĩa mở đường và tiên bộ. Nhưng đến giữa thời Chiến quốc, địa vị của giai cấp quốc dân đã được ổn định, Mạnh tử vẫn đưa chế độ nhà Chu ra là một chế độ đã lỗi thời, mong đem những kẻ sĩ, người hiền tài, đặt lại một lần nữa trong xiềng xích của chế độ thị tộc về cao thấp thân sơ. tư tưởng đó đã trở thành bảo thủ phục cổ. Tư tưởng ấy tuyệt đối không phải là tư tưởng «tiên cử người hiền» trực tiếp từ Khổng tử, mà là dùng tư tưởng Tãng tử để cứu vãn nguy cơ của bọn quý tộc và để ra phương án khôi phục tàn tích chế độ thị tộc, Mạnh tử đã mở rộng thêm tư tưởng đó và làm cho nó có lý luận thêm.

Như trên đã nói, thuyết tiên cử người hiền theo nguyên tắc chế độ nhà Chu của Mạnh tử, càng kết hợp chặt chẽ hơn nữa với thuyết mệnh trời về «phẩm trật của trời cho», về sự «quý hiển tự nhiên» và lý luận giai cấp của ông về «tiểu thể», «đại thể». Cho nên cái bản chất phản động của ông về căn bản vẫn không đi ra ngoài lập trường quân tử quý tộc là «kẻ lao tâm thì trị người, kẻ lao lực thì bị người trị», «nếu không có người quân tử, lấy ai cai trị kẻ thôn quê, nếu không có người thôn quê, lấy ai nuôi người quân tử» (*Đặng Văn công, thượng*).

Trong thời cổ đại Hy-lạp, mệnh đề «con người là một động vật chính trị» mà A-ri-stôt (Aristote) đã nói, «người» là chỉ vào thị dân, «chính trị» đồng nghĩa với tiếng gọi Nhà nước thành thị; do đó, tính nhân loại của xã hội thời cổ đại không thể tách rời với thành thị. Trong thời cổ đại Trung-quốc cũng như thế, người quân tử là chỉ vào bọn quý tộc, như «người quân tử ở trong nước», tính nhân loại của nó cũng không thể tách rời với trong nước (tức là thành thị). Cái tông pháp «tông tử là thành»¹ của đời Tây Chu, đến đời Chiến quốc có sự thay đổi, quốc nhân (dân tự do) cũng được tham gia chính quyền. Cho nên điểm xuất phát về thuyết «tiên cử người hiền» của Mạnh tử, nếu nói là đã châm chước một cách tương đối những cái hiện thực mới, thì không bằng nói nó đã đau khổ với cái hiện thực mới mà lại mưu toan củng cố cái hiện thực cũ.

1. Quan điểm của chế độ gia trưởng cho người con trưởng và như cái thành trị. (N.D.)

Tiết năm

TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ CỦA MẠNH TỬ

Mạnh tử một mặt cảm thấy khó khăn phục chế độ nhà Chu, mặt khác đau khổ vì những mâu thuẫn mới xuất hiện, do đó đối với nền chính trị hiện thực lúc bấy giờ, ông đã đưa ra những lời phê bình theo lý tưởng của mình. Ví như ông nói: « Những bậc vương giả không nổi lên, chưa có thời nào lâu hơn thời này; nhân dân khốn khổ vì chính trị bạo ngược, chưa có thời nào thậm tệ hơn thời này. » (*Công Tôn-sửu, thượng*) Đã kích vào bọn quân tử quý tộc thất chính trị, ông gọi chúng là những kẻ « tự bạo, tự khí ». Nhìn thấy xã hội thay đổi, các chư hầu có thể vứt bỏ những sách cổ, ông nói: « Chư hầu ghét việc phân định tước lộc của nhà Chu có hại cho mình, nên đều vứt bỏ hết những sách vở cũ » (*Vạn Chương, hạ*), đó là triệu chứng của việc Tấn Thủy hoàng đốt *Kinh thi, Kinh thư* sau này. Nhìn thấy sự ngang ngược của bọn quý tộc mới không hoàn toàn điển hình, những nhà giàu « họ lớn » chi phối của cải của xã hội, ông nói: « Vua muốn thi hành việc chính trị trong thiên hạ cũng chẳng khó gì, chỉ cốt không đắc tội với các họ lớn, các họ lớn mà miễn phục, thì cả nước đều miễn phục. » (*Ly Lâu, thượng*) Nhìn thấy sự khủng hoảng sức lao động, ông nói: « Gặp năm mất mùa đói kém, dân của nhà vua, người già yếu thì chết lẫn dưới ngòi rãnh, người mạnh khỏe thì tan tác đi bốn phương hàng mấy nghìn người (mấy nghìn người trong một nước lúc bấy giờ là con số rất to). » (*Lương Huệ vương, hạ*) Nhìn thấy sự suy tàn và mục nát của bọn quý tộc cũ, ông nói: « Vì những thức

ngon béo không đủ thỏa thích cái miệng chẳng? Những đồ nhẹ
lắm không đủ cho cái thân chẳng? Hay là những đồ màu sắc
không đủ cho con mắt xem chẳng? Những tiếng ca nhạc không
đủ cho lỗ tai nghe chẳng? Những kẻ hầu thiếp không đủ để
sai khiến chẳng?» (*Lương Huệ vương, thượng*) Ông nhìn thấy
hình thái chế độ lệ nông (lấy đơn vị nhà cột chặt vào ruộng
đất, đó là bước quá độ của chế độ nông nô) cứu vãn được
sức lao động tái sản xuất, nhưng hình thái đó lại chưa phát
triển, ông nói: «Nếu người dân không có hằng sản, thì họ
không có hằng tâm. Nếu không có hằng tâm, thì phóng túng
làm bừa, không có việc gì chẳng dám làm. Đến lúc mắc
tội lỗi, lại theo đó mà làm tội, như thế là đánh lừa dân...
Nay đặt ra chế độ của cái cho dân, mà trông lên không đủ
để cung cấp cha mẹ, nhìn xuống không đủ để nuôi vợ
con, năm được mùa mà vẫn luôn luôn khổ sở, năm mất
mùa không tránh khỏi chết đói. Thế thì dân đang lo về nạn
chết không xong, còn lúc nào rảnh rang để nghiên cứu việc
lễ nghĩa nữa! (Lo về nạn chết không xong tức là sự không
hoàng sức lao động)» (*Lương Huệ vương, thượng*) Ông
nhìn thấy cuộc chiến tranh giữa bốn quý tộc thị tộc suy tàn,
chúng đang tranh thành cướp đất, giết người đầy đường, bốn
quý tộc thì cảm thấy «dân của quả nhân không tăng». Vì lý
tương của ông mâu thuẫn với sự phát triển của xã hội hiện
thực, cho nên về mặt khách quan ông đã phơi bày một bức
tranh khủng hoảng xã hội. Ông nói: «Nếu cứ theo cái đạo làm hại
dân đời nay, mà không thay đổi cái thói chạy theo việc làm
giàu, chạy theo sức mạnh, thì dù có đem thiên hạ mà cho,
cũng đến tranh cướp nhau, không thể yên được một ngày!»
(*Cáo tử, hạ*)

Phái Mạnh từ lúc bấy giờ rất có khí thế của một học phái
nổi tiếng, cái gọi là «xe sau mấy mươi chiếc, đi theo hàng mấy
trăm người», đi đến một nước nào ông cũng đều dám phê bình
vua chúa mà không cần dè dặt, thậm chí ông đã trách lỗi bốn
vua chúa 1 hồi «ngành sang bên tả bên hữu mà nói chuyện khác».

Địa vị của ông tướng có thể một phen làm nên sự nghiệp như Quán Trọng, Tử Sản, nhưng ông không thể làm và ông rất trách móc Khổng tử đã khen Quán Trọng, Tử Sản (người nhân, người ân huệ), thậm chí ông nói: « Môn đồ của Trọng Ni không nói đến việc vua Hoàn, vua Văn ». (*Lương Huệ vương, thượng*) Ở đây chúng ta có thể thấy rõ, đời Xuân thu có chính sách điều hòa của Quán Trọng, Tử Sản, và đời Chiến quốc có chính sách biến pháp của Ngô Khởi, Thương Ưởng, những chính sách đó chính là theo quy luật phát triển của lịch sử. Mạnh tử đã không thể làm theo những người trước, lại không thể làm theo những người sau, thế thì chủ trương chính trị của ông không thể không tìm lời ra trong lý tưởng chủ quan. Khổng tử chỉ hướng theo nhân cách của Nghiêu, Thuần, còn Mạnh tử thì giả định theo chế độ của Nghiêu, Thuần.

Về lý tưởng nhân chính của Mạnh tử, đoạn trên đã có nói, « việc nhân chính, trước hết phải sửa sang phân định giới hạn ruộng đất » (*Đặng Văn công, thượng*). Đó là luận điệu mưu toan khôi phục chế độ nhà Chu. Làm thế nào có thể khôi phục được cái chế độ xưa ấy? Mạnh tử nghĩ ra hai thứ chính trị: một thứ là nhân chính, một thứ là vương chính.

Thứ nhất, cái mà ông cho là nhân chính, là phải lấy sự dựa vào đạo đức chủ quan của kẻ thông trị làm cơ sở, tức cái gọi là « đem lòng bất nhẫn, suy ra làm chính sách bất nhẫn » (*Công Tôn-sửu, thượng*). Chỉ cần « người quân tử giữ điều nhân trong tâm, giữ điều lễ trong tâm » (*Ly Lâu, hạ*), thì việc chính trị sẽ tốt. Ông nói, có thể giữ những điều ấy trong tâm là Nghiêu, Thuần, không thể giữ những điều ấy trong tâm là Kiệt, Trụ. Vua Nghiêu, vua Thuần « dùng đức làm điều nhân » (*Công Tôn-sửu, thượng*) mà xây dựng nên nghiệp vương, « nhân dân trong lòng vui vẻ và thành thật phục tùng » (*Cùng chương trên*); Kiệt, Trụ hại nhân hại nghĩa, là không có tư cách làm thiên tử, cho nên ông nói: « Nghe giết một tên Trụ, chứ chưa nghe giết vua bao giờ. » (*Lương Huệ vương, hạ*) Căn cứ vào những điều kiện đó, ông nói, « lấy điều nhân

chính mà làm cho thiên hạ hưng thịnh, thì không ai chống lại
nói» (*Công Tôn-sứu, thượng*); và ông dẫn lời nói của Tăng
tử: «Nước Tần, nước Sở giàu có, thật là không thể bì được.
Nhưng họ dựa vào sự giàu có của họ, ta dựa vào điều nhân của
ta, họ dựa vào chức tước của họ, ta dựa vào điều nghĩa của ta.»
Nhưng lòng nhân là chủ quan, lòng nhân đó không có tiêu chuẩn
khách quan. Sự giải đáp của Mạnh tử có hai điểm:

1. Xét lại mình—ông lấy việc «bản» để ví dụ: «Người
làm điều nhân như kẻ tập bản, phải sửa mình cho ngay ngắn
rồi mới phóng tên, phóng mà chẳng trúng, thì không nên ganh
ghét kẻ hơn mình, chỉ xét lại mình mà thôi.» (*Công Tôn-sứu,
thượng*) Ông lại nói: «Yêu người, mà người chẳng thân, thì
nên xét lại điều nhân của mình đã thật là nhân chưa; trị
người mà người chẳng phục, nên xét lại điều trí của mình đã
thật là trí chưa; lấy lễ đáp với người, mà người chẳng đáp
lại, nên xét lại điều kính của mình đã thật là kính chưa. Nếu
làm việc gì mà có điều không được như ý mình muốn, thì nên
trách ở mình, bản thân mình đã chính trực, thì thiên hạ sẽ
quy phục.» (*Ly Lâu, thượng*) Nói như thế, tiêu chuẩn chính
trị vẫn là thứ luân lý chủ quan.

Ông lại nói một cách cụ thể rằng: «Được lòng dân, thì
được dân. Việc được lòng dân cũng có đạo lý, điều gì dân
muốn thì tập hợp lại cho họ, điều gì mà dân ghét, thì chớ có
đem điều ấy ra làm hại họ. Dân đi theo điều nhân, như nước
chảy xuống chỗ thấp, như thú chạy ra ngoài đồng rộng.» (*Ly
Lâu, thượng*) Điều đó, theo Khổng tử, như «vua Nghiêu, vua
Thuần còn khó làm được», thực tế là rất khó, nhưng Mạnh
tử lại cho điều đó là rất dễ. Về việc ông so sánh nhân dân
với cảm thú, thì càng thấy rõ luân lý chỉ là cái thuộc quyền
sở hữu của giai cấp thống trị.

Điều xét lại mình là ở ta, nhưng nhân dân không hiểu
được sẽ xét như thế nào? Khi trả lời vấn đề đó, Mạnh tử
đã dùng cảm tính, ông không thể không lấy hai thứ tính nhân
loại để luận chứng:

« Người quân tử sở dĩ khác với người, vì họ đã giữ toàn được cái tâm. Người quân tử giữ điều nhân trong tâm, giữ điều lễ trong tâm. Người nhân tất là yêu người, người có lễ tất là kính người. Kẻ yêu người, người thường yêu lại, kẻ kính người, người thường kính lại. (Nếu thực tế không như thế, thì thế nào?) Hoặc ở đây có người đem điều ngang ngược đòi xử với ta, thì người quân tử phải xét lại mình rằng: «Ta tất có điều bất nhân, tất có điều vô lễ, không thế thì sự ngang ngược ấy làm sao lại đến với ta?» Tự xét mình đã có nhân rồi, tự xét mình đã có lễ rồi, mà kẻ ngang ngược kia vẫn còn như thế, người quân tử phải tự xét mình rằng: «Ta nhất định chưa thành thật yêu người, kính người.» Tự xét mình đã thành thật rồi, mà kẻ ngang ngược kia vẫn còn như thế, thì người quân tử cho rằng: người ấy cũng là người càn đây thôi, như thế có khác gì loài cầm thú? Đòi với loài cầm thú thì còn so đo mà làm gì!» (Ly Lâu, hạ)

Như thế, đã có ranh giới phân biệt việc «giữ trong tâm» giữa giai cấp thống trị và bị thống trị. Đòi với sự «ngang ngược» của những kẻ chống lại, thì giai cấp thống trị trước hết là kinh qua mấy lần tự xét mình, như thế sẽ có thể khắc phục được những người chống lại mình, nếu cuối cùng vẫn không thể khắc phục được, thì sẽ dùng những biện pháp đối phó với loài cầm thú để đối phó những người chống lại.

2. Chính trị được lòng dân — Đó là một mệnh đề rạch ròi của Mạnh tử. Ông cho việc Nghiêu, Thuân được thiên hạ, là vì được lòng dân; Kiệt, Trụ mất thiên hạ, là vì mất lòng dân, cho nên ông nói: «Được thiên hạ cũng có đạo lý, được lòng dân thì được thiên hạ.» Lại nói: «Bạo ngược với dân lắm, thì thân bị giết, nước bị mất, bạo ngược ít thì thân bị nguy, nước

bị yếu, ngày sau nhân dân sẽ đặt tên U hay là Lệ¹.» (*Ly Lâu, thượng*) Thậm chí ông nói, nếu không được lòng dân, thì dân tất đem «những việc do mày làm ra, trả lại cho mày» (*Lương Huệ vương, hạ*). Mệnh đề đó rất mới mẻ, cái đại tiên đề của ông là:

«Đáng quý trọng nhất là dân, kẻ đó là xã tắc, còn vua là thường. Cho nên được lòng dân thôn dã, thì làm đến ngôi thiên tử, được lòng thiên tử, chẳng qua làm vua chư hầu, được lòng vua chư hầu, chẳng qua làm quan đại phu. Vua chư hầu làm nguy hại cho xã tắc, thì thay đổi ông vua ấy mà đặt ông vua khác,... nâng hạn nước lụt, thì dời đổi xã tắc này mà dựng lên xã tắc khác (tức là dời nước).» (*Tân tâm, hạ*)

Xuất phát từ «lòng nhân» để suy luận, Mạnh tử đi đến kết luận «có khác gì lỗi cảm thú»; nhưng xuất phát từ «được lòng dân» để suy luận, Mạnh tử lại có thể rút ra kết luận thay đổi xã tắc chư hầu. Điều đó rõ ràng là lô-gích trái ngược và làm thế nào để thông nhất? Không thấy Mạnh tử giải đáp. Hình như ông chú ý nhiều đến thiên tử, mà không chú ý đến chư hầu. Xét theo điểm sau, thì trong những điều kiện nhất định, tự tưởng Mạnh tử có nhân tố coi trọng nhân dân.

Thứ hai, ở đây đã đề cập đến vương² chính. Xã tắc của vua chư hầu có thể thay đổi. Nói theo quan điểm lịch sử của Mạnh tử, thì Nghiêu, Thuân, Kiệt, Trụ đều là vị thiên tử của một quốc gia thông nhất, đến lúc «thiên tử mà bất nhân, không giữ được bốn bề» (*Ly Lâu, thượng*), vị thiên tử ấy có thể thay đổi lập lại không? Lý tưởng «vương chính» của Mạnh tử đã giải đáp vấn đề đó rất thú vị.

1. U vương, Lệ vương: là tên riêng của hai vua cuối đời Chu. U, nghĩa là tối tăm; Lệ, nghĩa là bạo ngược, đều là tên xấu. Thời ấy, nếu một ông vua mất, nhân dân công nghị, vua nhân đức thì đặt tên tốt, vua thất đức thì đặt tên xấu. (N.D.)

Có một đoạn ông đã trả lời câu hỏi của Vạn Chương về lý lẽ truyền ngôi cho con, truyền ngôi cho người hiền của các vua Nghiêu, Thuần, Võ, bây giờ tóm tắt lại những lý tưởng đó như sau :

1. Mệnh trời đem thiên hạ trao cho bậc thánh nhân. Phương thức trao đó là do một vị thiên tử bên trên, đem một vị thiên tử ở dưới «tiền cử lên với trời, mà trời chịu nhận». (Vạn Chương, thượng)

2. Mệnh trời nhất trí với ý dân, trăm vị thần đều hưởng, trăm họ đều yên, trời chịu nhận cũng như là dân chịu nhận.

3. Mệnh trời tán thành người hiền, thì đem thiên hạ trao cho người hiền, mệnh trời tán thành truyền cho con, thì đem thiên hạ trao lại cho người con. Dân theo người hiền, thì người hiền làm thiên tử, dân theo người con, thì người con làm thiên tử. Do đó, việc nhường ngôi cho người hiền và truyền ngôi cho con đều giống như nhau.

4. Chỉ có đức như vua Thuần, vua Võ, và lại có vị thiên tử bên trên tiền cử, thì người ấy mới có thể có được thiên hạ; thật đức như vua Kiệt, vua Trụ, mới bị trời bỏ, khiến vua Thang, vua Vũ lên thay.

5. Có được thiên hạ «chẳng phải sức người có thể làm được, đều do trời làm ra» (Xem thêm nguyên văn thiên Vạn Chương, thượng).

Theo phương pháp suy lý, «đã được lòng dân thôn dã thì làm đền ngôi thiên tử», không được lòng dân thôn dã thì phải thoái vị. Nếu như thế, những người quân tử đời Chiến quốc hóa ra chẳng phải đều chịu để cho dân thôn dã «trả những việc ấy lại cho mày» đó sao? Quan niệm mệnh trời của Mạnh tử do đó nảy ra. Mệnh trời đã trở thành cái lý do cao nhất của vương chính. Trong thời đại Chiến quốc các nước đều còn tồn tại, vị thiên tử thống nhất của lý tưởng là một ông vua thánh theo kiểu «nước cộng hoà» của Pơ-la-tông (Platon), những người chấp chính hiện thực theo Mạnh tử nói, là những «tội nhân», tại sao không có mệnh trời để phê bỏ chúng? Ông nói «mệnh

trời» chỉ để nói với thiên tử, còn như chư hầu thì không có sự quan hệ trực tiếp với mệnh trời. Ông nói:

« Kê bắt nhân mà được một nước (thành thị) còn có khi có, nhưng kê bắt nhân mà được cả thiên hạ, thì chưa có bao giờ.» (*Tận tâm, hạ*)

Dùng lối lô-gích đó, ông mới có thể làm cho giữa nhân chính và vương đạo không mâu thuẫn nhau, mà nhân chính cũng lại là rất trùu tượng.

Hơn nữa, trong lý tưởng của Mạnh tử, nền kinh tế vương chính là chế độ tĩn điền.¹ Chỉ nói về nguyên tắc dân có hằng sản mà ông đã nói, hình như ông có ảo tưởng về công xã thị tộc. Câu «người cày phải cày giúp ruộng công, mà không đánh thuê ruộng tư, thì những người nông dân trong thiên hạ đều vui lòng, mà muốn cày trên đồng ruộng của mình» (*Công Tôn-sửu, thượng*), và câu «ra chính lệnh, thực hiện điều nhân... thiên hạ... người đi cày đều muốn cày trên đồng ruộng của vua» (*Lương Huệ vương, thượng*) của ông nói, về khách quan tức là một thứ chế độ trao ruộng. Lý tưởng của ông như sau: «Cho nên người vua anh minh đặt ra chế độ của cải cho dân, trông lên đủ để cung cấp cha mẹ, nhìn xuống đủ để nuôi vợ con, năm được mùa thì mình được ăn no, năm mất mùa cũng không đến nỗi chết đói, như thế rồi mới hướng dân dân đi làm điều thiện, thì dân sẽ dễ dàng đi theo con đường thiện.» (*Lương Huệ vương, thượng*) Về lý tưởng, Mạnh tử tự nhiên phải đem cái hình thái «hằng sản» ấy vẽ thành một bức tranh lý tưởng. Ví dụ:

« Khu đất ở năm mẫu, dạy bảo dân trồng dâu, thì những người năm mươi tuổi có thể có áo lụa để mặc.

1. *Chế độ tĩn điền*: là lấy một dặm vuông đất ruộng chia ra thành 9 khu như hình chữ tĩn (viết theo lối chữ hình tượng của Trung-quốc là 2 gạch ngang, 2 gạch dọc, thành hình chữ tĩn, khu ở giữa là công điền, do tám nhà hợp lại mà cày cấy cho nhà nước để thay việc nộp thuế, còn tám khu khác thì chia ra cho tám nhà cày riêng. (N.D.)

Những loại gia súc như lợn, chó, vịt, gà làm cho nó lúc nào cũng sinh đẻ, thì những người bảy mươi tuổi có thể có thịt để ăn. Khu ruộng một trăm mẫu, đứng để lâu mùa cây gặt của dân, thì trong nhà tám miệng ăn, có thể không đến nỗi đói. Thận trọng việc giáo dục trong nhà Tườn¹, nhà Tự¹, dạy cho dân rõ ý nghĩa hiền để, thì những người tóc bạc không đến nỗi phải vác đôi vát và ngoài đường sá. Người già được mặc áo lụa, ăn cơm thịt, người trẻ không đến nỗi đói rét, làm được những việc trên mà nước không hưng thịnh, chưa có như thế bao giờ. (Lương Huệ vương, thượng)

Trong thời kỳ sức lao động thời cổ đại phát sinh khủng hoảng, cái xu thế lịch sử khách quan là sự xuất hiện của chế độ nông nô, chứ không phải phục hồi chế độ công xã thị tộc đã quá thời. Cái công xã ảo tưởng theo chủ quan của Mạnh tử, về khách quan lại mirong tượng như hình thái chế độ nông nô.

1. Tườn¹, Tự¹; là tên những nhà để dạy học. (N.D.)

Tiết sáu

THUYẾT ĐẠO TRỜI, THUYẾT TÍNH THIÊN VÀ HỆ THỐNG SIÊU HÌNH CỦA MẠNH TỬ

Thuyết đạo trời của Mạnh tử về cái gọi là «thành là đạo của trời, và suy nghĩ sao cho thành là đạo của người» (*Ly Lâu, thượng*), không còn nghi ngờ gì nữa, nó đã nhất trí với thuyết trời của Tử Tư; cái gọi là «người quân tử theo cái lẽ đương nhiên mà làm để dời mệnh trời» (*Tân tâm, hạ*) là ăn khớp với câu «người quân tử ăn ở giản dị để dời mệnh trời» (*Trung dung*, Chương 14) của Tử Tư. Nhưng giữa hai ông cũng tương đối có khác nhau: Tử Tư coi trọng sự thống nhất nội tâm siêu hiện thực, khi có sự trái nhau giữa nội tâm và mệnh trời, ông chủ trương «tránh đời không ai biết mình mà chẳng hồi hận» (Chương 11); Mạnh tử thì coi trọng hiện thực hơn, ông chỉ đem mệnh trời gắn liền với vị thiên tự lý tưởng, từ bậc đó trở xuống thì có thể thay đổi dựng lên người khác, ông đã nâng cao địa vị của người «dân» lên một bước. Tuy trong lúc suy luận đến «người càn» ngang ngược, ông đã nói có khác gì loài cầm thú, nhưng trong lúc kẻ bắt nạt nắm quyền một nước hay là ông vua bạo ngược «tự bạo tự khí» không làm việc nhân chính, thì ông khẳng định rằng người «dân» có thể đem những việc do mây đã làm ra mà trả lại cho mây. Ông lại nói: «Vua coi những người tôi như con chó con ngựa, thì những người tôi coi vua như mọi người khác, vua coi những người tôi như cỏ rác, thì những người tôi coi vua như kẻ thù.» (*Ly Lâu, hạ*) Theo đây, thì thuyết mệnh trời của ông đã

rút hẹp phạm trù người quân tử. Theo chế độ kinh tế lý tưởng mà nói, một là, về khách quan Mạnh tử đã thừa nhận chế độ «hằng sản» của nền kinh tế tiểu sản xuất, do đó, ông đã mở rộng một cách tương đối phạm trù kẻ tiểu nhân. Hai là, tư tưởng trời với người hợp nhất của Tử Tư, đã nhân mạnh trời hợp với người, còn Mạnh tử thì nhân mạnh người hợp với trời; cho nên Tử Tư đã nói «cái mà người quân tử không thể theo kịp được, chỉ là cái mà người ta không thể nhìn thấy» (*Trung dung*, Chương 33); Mạnh tử thì nói «thánh nhân biết trước những điều mà cái tâm của ta cùng cho là phải đây thôi» (*Cáo tử*, thượng), «dù người có dung mạo xấu xí mà thường trai giới tắm gội, thì cũng có thể thờ cúng thượng đế được» (*Ly Lôu*, hạ). Ở đây, lô-gích của Mạnh tử có ưu điểm là dám suy luận. Chính vì có ưu điểm đó, mà giữa hệ thống và sự suy luận của ông đã nảy ra vết rạn nứt tương đối có phần bi kịch. Tại sao như thế? Chúng tôi cho rằng lòng chính nghĩa của Mạnh tử, một mặt gửi gắm vào bọn quân tử quý tộc, mặt khác lại thường thông cảm với sự đói rét của nhân dân (những ví dụ đó rất nhiều), do đó, lý luận của ông đã biểu hiện sự mâu thuẫn giữa hai cái «phẩm tước của trời» và «quý trọng dân». Điều đó, có sự khác nhau so với việc thống nhất tâm linh thuần túy bên trong của Tử Tư. Biết được điểm đó, thì có thể biết rõ được lý luận về trời và lý luận về tính của ông tại sao tách rời sự suy luận của ông.

Thứ nhất, trong thuyết trời của Mạnh tử giảm bớt được phần chi phối của trời. Ví như Vạn Chương hỏi: Vua Thuần có thiên hạ, «bảo là trời cho đây, thế thì trời ra lệnh cho rõ ràng chăng?» Mạnh tử trả lời rằng: «Không, trời không nói, trời lấy đức hạnh và việc làm của vua Thuần để biểu thị cái ý «cho» đây thôi.» (*Vạn Chương*, thượng) Trong sự suy luận về đức hạnh và việc làm, ông lấy lý lẽ «dân trong thiên hạ phục tùng», «trăm họ được yên» (Cùng chương trên) để giải thích, «trời» đã trở thành một đạo lý khách quan. Ông dùng cái lý do khách quan đó, cũng như Tử Tư đã dùng chữ «thành» để giải thích, nhưng

nói về mặt «suy nghĩ cho thành», thì ông đã mở rộng tính nghĩa lý trong nhân tính, đã làm giảm bớt tính tôn giáo về trời.

«Cổ hết sức được cái tâm, thì biết được cái tính; đã biết được cái tính, thì biết được trời. Giữ giữ cái tâm, bồi dưỡng cái tính, đó là để thờ trời; đối với việc thọ yếu không còn nghĩ ngò gì nữa, chỉ lo tu thân, chờ đến khi chết để xác lập lấy cái mệnh của trời phú cho.» (*Tận tâm, thượng*)

Nhưng chủ nghĩa duy tâm của Mạnh tử vẫn không tách rời Tử Tư, mà càng hệ thống hóa tư tưởng của Tử Tư. Mạnh tử cho rằng «cái mà trời phú cho ta» (*Cáo tử, thượng*), do trong người của ta đã có đầy đủ rồi, ta liền hòa lẫn làm một thể với thân.

«Người quân tử đi qua nơi nào cũng đều cảm hóa được mọi người, cái tâm định làm việc gì cũng rất thần diệu, trên dưới đều cùng hòa hợp với trời đất.» (*Tận tâm, thượng*)

«Tích lũy điều thiện cho đầy đủ gọi là mỹ, có điều thiện đầy đủ rồi mà phát huy ra nữa gọi là đại, đã đại rồi và cảm hóa người ta gọi là thánh, thánh mà không ai có thể lường biết được gọi là thần.» (*Tận tâm, hạ*)

Thứ hai, tính hợp với trời, cái tính có thể có «đầy đủ trong vạn vật», vì thuyết tính thiện của Mạnh tử đã lý luận hóa sự «thành». Trong tiết trước như chúng ta đã biết, Mạnh tử đã tách rời nhận thức cảm tính với nhận thức lý tính: cái trước là bồi dưỡng cái tiểu thể cái sau là bồi dưỡng cái đại thể. Thuyết tính thiện của ông là xuất phát từ «cái tâm là một cảm quan chủ về sự suy nghĩ» (*Cáo tử, thượng*) thuộc về cái đại thể.

Cái gọi là «suy nghĩ thì hiểu được», căn cứ của nó là ở «lý» và «nghĩa» của cái «trong tâm của người ta cùng cho là phải» (*Cáo tử, thượng*). Đó là một quan điểm duy tâm tiên nghiệm. Vì sao «người quân tử giữ cái lý ở trong tâm, giữ điều nghĩa ở trong tâm», thì có thể giữ được cái tính thiện đó?

Bồn điều nhân, nghĩa, lễ, trí, ông cho rằng có thể giữ được, và cũng có thể không giữ được. Giữ được bốn điều đó là con

người, không giữ được bốn điều đó là loài cầm thú. Nếu con người mở rộng được bốn điều ấy, thì có thể biết hết được cái tính.

Do đó, ông chủ trương trong nhân tính có lương tri lương năng: « Con người việc gì chẳng cần học tập mà tự làm được, đó là lương năng, điều gì không cần suy nghĩ mà tự biết được, đó là lương tri. » (*Tận tâm, thượng*) Thương yêu người thân, kính trọng người lớn, đó tức là lương tri lương năng biểu hiện trên nhân nghĩa. Muốn làm « bậc đại nhân » thì « chớ làm mất cái lương tri lương năng từ buổi sơ sinh » (*Ly Lâu, hạ*), và cũng vì vậy sau có rất nhiều người tự bỏ mất, tự làm hư hỏng cái tâm ấy, cho nên ông nói: « Điều cần thiết cho việc học vẫn không có gì khác, chỉ cốt tìm lại cái tâm đã bị mất. » (*Cáo tử, thượng*) Lão tử nói, « người học tập mỗi ngày đều có tiến bộ, người làm việc đạo mỗi ngày giảm bớt đi một ít », ngay việc học tập, Mạnh tử cũng cho rằng cần « mỗi ngày giảm bớt đi một ít » nữa.

Thuyết tính thiện của Mạnh tử, là phóng đại cái « năng tư »¹ và tính thần đạo đức của Không tử. Sự phóng đại duy tâm đó, càng xa thuyết nhân tính của Không tử.

Thuyết tính thiện của Mạnh tử có quan hệ chặt chẽ với thuyết đạo trời của ông. Do cái nhân tính trực tiếp hợp nhất với trời, cho nên không những thế giới khách quan mất cơ sở tồn tại, mà « vạn vật » tồn tại cũng « đều có đầy đủ ở trong ta ». Về sau Tuân tử chủ trương « phân rõ trời với người » và chỉ trích « bỏ người mà chỉ nghĩ đến trời, là sai sự thật của vạn vật », chính là để chống lại tư tưởng của Mạnh tử.

Thuyết tính thiện của Mạnh tử cho « người quân tử mới giữ được, còn kẻ thứ dân thì bỏ mất cái bản tính tốt ấy đi »

1. *Năng tư*: nghĩa là suy nghĩ, một phương pháp tư tưởng của Không tử. (Xem thêm bản dịch quyền *Hiền học Không*, Mạc cùng một tác giả Nhà xuất bản Sự thật, 1959, trang 64-65 có phân tích và giải thích danh từ « năng tư » và « sở tư » của Không tử). (N.D.)

(*Ly Lâu, hạ*), là tư tưởng chống thuyết yêu chuộng người hiền và thuyết thương yêu tất cả mọi người của Mặc tử. Mạnh tử đã phê bình Mặc tử là « không có vua », ý câu nói đó tuy giản đơn, nhưng rõ ràng là có thái độ chống đối nghiêm khắc với thuyết giai cấp của Mặc tử. Ông nói: « Nếu không tiêu diệt đạo của họ Dương, họ Mặc, thì không thể làm sáng tỏ được đạo của Khổng tử, chỉ vì tà thuyết của họ Dương, họ Mặc làm mê hoặc dân, lấp mắt cả nhân nghĩa. Nếu nhân nghĩa bị lấp mắt, tức là xua đàn thú dữ để ăn thịt người, mà loài người cũng sẽ ăn thịt lẫn nhau. » (*Đổng Văn công, hạ*) Căn cứ của lời nói đó, vẫn xuất phát từ thuyết tính thiện vì tư tưởng nhân nghĩa của Mạnh tử là « chưa thấy người có nhân mà bỏ người thân (thân tộc) của mình bao giờ, chưa thấy người có nghĩa mà lại để trễ việc của vua bao giờ » (*Lương Huệ vương, thượng*). Lý luận giai cấp của Mặc tử, không lấy thân tộc làm tiêu chuẩn, không cho mệnh trời quyết định việc giàu sang, cho nên Mạnh tử cho là « loài người sẽ ăn thịt lẫn nhau ». Xét về thuyết tính thiện của Mạnh tử, thấy phần nhiều là ở thiên *Cáo tử*, thiên này ngoài việc dùng thể tài biện luận để trình bày thuyết tính thiện, những quy luật tuyệt đối về giai cấp giàu sang nghèo hèn mà ông đã nói, đều có liên hệ chặt chẽ với thuyết tính thiện. Nếu chúng ta nghiên cứu kỹ điểm đó, sẽ có thể tìm thấy lập luận của thuyết tính thiện chính là để công kích thuyết « quan không sang luôn, dân không hèn mãi » của Mặc tử. Trong chỗ này còn có thể tìm thấy được hệ thống xuyên qua giữa thuyết tính thiện và thuyết tiền cử người hiền của Mạnh tử.

Ngoài ra, như trên đã nói, thuyết tính thiện của Mạnh tử rõ ràng là thuyết duy tâm siêu hình. Phương pháp siêu hình đó, là do việc « xét lại mình mà thành » (*Tận tâm, thượng*) để tìm ra hệ thống về trời với người hợp nhất. Một mặt, phương pháp siêu hình đó có nguồn gốc trực tiếp với việc « mỗi ngày lấy ba việc tự kiểm điểm mình » của Tăng tử, và việc « thành là sự chung thủy của vạn vật » (*Trung dung*) của Tử Tư; mặt khác, không còn nghi ngờ gì nữa là chịu ảnh hưởng tư tưởng

của Tổng Kiên, Doãn Văn. Về việc kẻ thù giữa Mạnh tử với Tăng tử, Tử Tư, trong đoạn trước chúng tôi đã nói rõ; còn sự quan hệ giữa Mạnh tử với Tổng Kiên, Doãn Văn, chúng tôi xin trình bày tóm tắt dưới đây:

Một là, thuyết tính thiện của Mạnh tử, cho « cảm quan của tai mắt không có sự suy nghĩ » là nguồn gốc của việc làm điều ác, cho « cảm quan của cái tâm là sự suy nghĩ » là căn cứ tiên thiên của việc gìn giữ điều nghĩa, bồi dưỡng cái tâm, và ông đưa ra cách giữ gìn bồi dưỡng là « bồi dưỡng cái tâm không gì bằng ít dục vọng » (*Tận tâm, hạ*). Những tư tưởng đó rõ ràng là chịu ảnh hưởng của Tổng Kiên, Doãn Văn. Ví dụ:

Thiên *Tâm thuật, thượng* nói: « Tâm ở trong thân thể, cũng như ngôi của vua. Chín khiêu đều có chức vị, phân theo cảm quan của nó. Tai mắt, chủ việc thấy nghe. Cái tâm mà không dự vào việc thấy nghe, thì lỗ tai con mắt mới giữ được cảm quan của nó. Nếu cái tâm có dục vọng, thì dù có vật đi qua, mắt cũng không trông thấy, dù có tiếng dội đến, tai cũng không nghe được... Tâm thuật, tức là không làm gì mà chế ngự được năng khiếu. » Cái « tâm » và « tai mắt » có sự phân biệt giữa « vua » và « quan », đó là cái gốc về sự « lớn nhỏ sang hèn » của Mạnh tử. Thuật trị tâm của Tổng Kiên, Doãn Văn, chống việc « chứa đầy dục vọng » và chủ trương « không có dục vọng, thần sẽ vào ở, quét dọn không sạch sẽ, thần đi ở chỗ khác » (*Tâm thuật, thượng*), do đó đi đến kết luận: « Không lấy vật làm loạn cảm quan, không lấy cảm quan làm loạn cái tâm » (*Nội nghiệp*). Cái gọi là lấy vật làm loạn cảm quan, lấy cảm quan làm loạn cái tâm, ý nghĩa đó giống với ý nghĩa câu nói của Mạnh tử: « Tai mắt là cảm quan giữ về việc nghe thấy, nó không có sự suy nghĩ, mà thường bị vật bên ngoài che lấp, vật thanh sắc ở bên ngoài tiếp xúc với vật tai mắt, thì vật tai mắt bị nó lôi cuốn theo. » (*Cáo tử, thượng*) Mà kết quả của việc trị tâm là « giữ toàn được cái tâm ở bên trong, giữ toàn được cái hình ở bên ngoài, không gặp thiên tai, không bị người hại, gọi đó là thánh nhân » (*Nội nghiệp*). Nói theo một cách khác, điều đó có nghĩa là

« người theo về đại thể¹ là bậc đại nhân », « đứng trên chỗ lấy cái đại thể làm chủ, thì những cái tiểu thể mới không thể xâm lấn được, như thể là bậc đại nhân. » (*Cáo tứ, thượng*)

Hai là, việc « bồi dưỡng cái tâm » của Mạnh tử, có khi ông lại gọi là « khéo bồi dưỡng cái khí hạo nhiên của ta ». Thể nào gọi là « khí hạo nhiên », ông nói : « *Khó nói lắm !* Khí hạo nhiên rất lớn, rất mạnh, cứ bồi dưỡng mà không để cái khí hạo nhiên đó bị giảm sút, nó sẽ bao trùm khắp trong trời đất. Cái khí hạo nhiên ấy phối hợp với nghĩa và đạo ; nếu không có cái khí đó, thì thân thể con người sẽ bị trống rỗng. Muốn bồi dưỡng cái khí hạo nhiên, thì trước hết phải tập trung làm điều nghĩa, tự nhiên sẽ sinh ra cái khí ấy ; không phải ngẫu nhiên làm một vài điều nghĩa mà đã được đâu ; nếu việc đã làm mà trong lòng còn có những điều không vui thích, thì đâm ra chán nản ». (*Công Tôn-sửu, thượng*). Những tư tưởng đó, cũng xuất phát từ Tống Kiên, Doãn Văn. Đoạn văn đó gần giống với hai đoạn văn của thiên *Nội nghiệp* dưới đây :

« Cho nên cái khí ấy, không thể lấy sức mạnh để ngăn, mà phải lấy đức để yên định ; không thể lấy tiếng để gọi, mà phải lấy âm (ý) để đoán. Kính cần giữ gìn không để bị mất, cái đó gọi là thành lập được đức. »

« Cái tính còn thì tự nhiên sinh, ở bên ngoài được yên vui, lấy sự chặt chẽ bên trong làm nguồn gốc, rất hạo nhiên hòa bình, lấy đó làm chỗ sâu rộng của cái khí. Khí sâu rộng không cạn, thì tứ chi trong thân thể con người mạnh mẽ ; chỗ nguồn gốc không kiệt, thì chín khiếu con người đều thông, cái khí ấy có thể đầy trong trời đất, trùm cả bốn bề. »

Cái mà Tống Kiên, Doãn Văn gọi là « lấy đức để yên định », không phải cái mà Mạnh tử gọi là « cứ bồi dưỡng mà không để cái khí hạo nhiên đó bị giảm sút », và « trước hết phải tập trung làm điều nghĩa, tự nhiên sẽ sinh ra cái khí ấy » đó sao ? Cái mà

1. Đại thể : là cái thể lớn, chỉ vào cái tâm. (N.D.)

Mạnh tử gọi là «con người có bốn đầu mỗi ấy (nhân, nghĩa, lễ, trí), cũng như thân thể có bốn tay chân;... nếu người có bốn đầu mỗi ấy ở trong mình, biết suy rộng ra cho thật đầy đủ, thì cái thể nó như lửa mới bùng cháy, như dòng suối mới tuôn ra. Nếu có được đầy đủ bốn mỗi ấy, thì đủ giữ gìn được bốn bề» (*Công Tôn-sửu, thượng*), v.v., không phải đúng là câu văn «khí sâu rộng không cạn, thì tứ chi trong thân thể con người mạnh mẽ, chỗ nguồn gốc không kiệt, thì chín khiếu con người đều thông, cái khí ấy có thể đầy trong trời đất, trùm cả bốn bề» của Tống Kiên, Doãn Văn đã nói, mà chỉ đổi câu đổi chữ đó sao? Đặc biệt cái gọi là «khí hao nhiên» của Mạnh tử, danh từ này không phải là đã thoát thai ở câu «rất hao nhiên hòa bình, lấy đó làm chỗ sâu rộng của cái khí» đó sao? Còn chỗ cùng tột của sự bồi dưỡng khí, thì Mạnh tử đã nói: «Vạn vật đều có đầy đủ ở trong ta.» Lại nói: «Người quân tử đã đi qua nơi nào cũng đều cảm hóa được mọi người, cái tâm định làm việc gì cũng rất thần diệu, trên dưới đều cùng hòa hợp với trời đất.» (Cùng ở chương *Tận tâm, thượng*). Còn thiên *Nội nghiệp* thì nói: «Chỉ khí được thì thiên hạ phục, tâm ý định thì thiên hạ theo chuyên về khí mà đến chỗ thần diệu, thì vạn vật đều tồn tại đầy đủ.» Ngoài ra cũng còn những tư tưởng tương tự, cần được nghiên cứu kỹ thêm, ở đây chỉ nghiên cứu sơ lược. (Do câu «phối hợp với nghĩa và đạo» đã trích dẫn ở trên, Quách Mạt-nhược cho rằng Mạnh tử đã nói nghĩa lại nói đạo, mà không bỏ rơi chữ đạo, chứng tỏ Mạnh tử đã dẫm theo vết chân Tống Kiên, thật rất đúng, xem: *Thanh đồng thời đại, Tống Kiên, Doãn Văn đi trước khảo.*)

Tóm lại, Mạnh tử đã theo thấy là Tăng tử và Tử Tư, lại chịu ảnh hưởng của Tống Kiên, Doãn Văn. Ông đã đem kiến giải «bản tính con người gần giống nhau» của Không tử, giải thích lệch đi thành thuyết tính thiện, do đó ông đã đem lại cho những quy tắc đạo đức về nhân, nghĩa, lễ, trí, v.v., một căn cứ tiên thiên, hoàn thành một hệ thống siêu hình của chủ nghĩa tiên nghiệm.

Tiết bảy

LÔ-GÍCH «KHÔNG THEO LOẠI» CỦA HỌC PHÁI TƯ, MẠNH

Trên đây chúng tôi đã nói tư tưởng của Tử Tư, Mạnh tử, đều là tư tưởng chống lại học phái Mặc tử, mà đồng thời lại không tránh khỏi tiếp thu ảnh hưởng của Mặc tử. Nhưng về tư tưởng lô-gích, thì Tử Tư, Mạnh tử hoàn toàn lấy phương pháp nội tình luận tự xét mình của Tăng tử làm chỗ dựa. Xuất phát từ chỗ «lấy mình để hình dung vạn vật» của Tăng tử, hai ông đã đi đến một phương pháp so sánh theo chủ nghĩa chủ quan. Phương pháp đó, tuy có vẻ giống như phương pháp «loại tử» (càng đặc biệt rõ rệt ở Mạnh tử), nhưng thực ra thì hoàn toàn là một thứ suy luận lung tung «không có cơ», «lăn lộn về loại». Tuân tử đã nói, tư tưởng của Tử Tư, Mạnh tử «trái ngược mà không theo loại», câu nói «không theo loại» ấy, đủ khái quát đặc trưng tư tưởng lô-gích của học phái Tư, Mạnh.

Trước hết hãy nói đến Tử Tư.

Về tư tưởng lô-gích, Tử Tư là người kế thừa phương pháp nội tình luận của Tăng tử, ông đã tiến thêm một bước nữa hoàn thành một thứ suy lý so sánh theo duy ngã luận. Thứ duy ngã luận nói đây, đã có ảnh hưởng đến những nhà duy tâm chủ nghĩa sau này; cái mệnh đề vũ đoán rằng «lòng ta tức là vũ trụ, vũ trụ tức là lòng ta» của học phái Lục, Vương đời sau, rất đủ để diễn đạt cái bản chất duy tâm chủ nghĩa của thuyết ấy. Tư tưởng đó xuất hiện trong lô-gích, đã nảy mầm từ Tăng tử, và hình thành ở Tử Tư. Ví dụ:

« Chỉ có những bậc chí thành trong thiên hạ, mới có thể biết hết được cái tính. Nếu biết hết được cái tính, thì có thể biết hết được tính của con người; nếu biết hết được tính của con người, thì có thể biết hết được tính của vạn vật; nếu biết hết được tính của vạn vật, thì có thể giúp vào việc sinh hóa của trời đất; nếu có thể giúp vào việc sinh hóa của trời đất, thì có thể cùng trời đất tham dự mọi việc. » (*Trung dung*, Chương 22)

Nói về khái niệm loại, thì bản thân mình, người khác, vạn vật, vũ trụ, hoàn toàn không cùng một loại. Đã không cùng một loại, mà có thể đem suy luận so sánh, là một hình thái điển hình về «trái ngược mà không theo loại». Trong sự so sánh lung tung đó, cái hình thái ý thức về nội tâm, đã trở thành cây thước đo vạn vật, đã trở thành cái bản thể của vũ trụ. Cho nên sách *Trung dung* nói:

« Thành là sự chung thủy của vạn vật, nếu không thành, thì vạn vật cũng đều không có. Cho nên người quân tử lấy sự thành làm quý. » (Chương 25)

Ở đây, những kinh nghiệm bên trong của nội tâm, đã không những là căn cứ của sự suy ta ra người, không những là quy tắc hành động về luân lý, mà còn tiền đề chỗ hình thành quy tắc hoặc nguyên lý phát triển vận động của sự vật khách quan, cả đến vũ trụ vạn vật. Ở đây, sự tồn tại và vận động của thế giới khách quan — cái gọi là tính của vạn vật, sự chung thủy của vạn vật và sự sinh hóa của trời đất — đều mất tính tồn tại độc lập của nó, mà trở thành một thứ tinh thần hoặc một hình thái ý thức — sản vật hay kết quả sự tự thân ngoại hóa của cái gọi là «thành». Ở đây, không còn có sự quan hệ thống nhất đòi lập giữa ý thức chủ quan với tồn tại khách quan, cái có ở đây, chỉ là cái gọi là «thuyết trời với người hợp nhất»; mệnh đề căn bản cao nhất của thuyết trời với người hợp nhất đó là cái mà Lục Tựơng-sơn gọi là «vũ trụ tức là lòng ta». Như thế, lấy nội tâm của mình làm trung tâm, xem tất cả sự vật

trong vũ trụ đều như lòng ta, đó là bản chất của lô-gích so sánh theo duy ngã luận. Rõ ràng, đó là lấy quan niệm vũ trụ thần bí làm căn cứ. Theo đó mà suy luận, nếu không đi đến chỗ nhận xét thần với người giống nhau để làm sống lại cái quan niệm thần thoại tôn giáo, thì chưa hết suy luận. Hơn nữa trong thực tế, hầu như Tử Tư cũng đã đi đến chỗ đó. Ví như ông nói :

« Không từ nói: Đức của quý thần rất cao! Xem mà không thấy, nghe mà không thấu, sinh ra vạn vật mà không để sót. Làm cho mọi người trong thiên hạ đều trai giới, quần áo chỉnh tề để cúng tế; tưởng như quý thần ở trên, như ở bên tả bên hữu. *Kinh thi* nói rằng: «Thần mình đi đến, không thể lường được, lẽ đâu coi thường?» Rất tinh vi mà cũng rất rõ rệt, thành mà không thể che giấu như thẻ đầy!» (*Trung dung*, Chương 16)

« Cho nên trời sinh ra vạn vật tất nhân cái tài năng của nó mà giúp thêm vào. Đã trồng thì bồi dưỡng thêm, đã ngà thì làm cho sụp đổ đi.» (*Trung dung*, Chương 17)

« Thờ người chết cũng như thờ người sống, thờ người mất cũng như thờ người còn, thật là chí hiếu. Cái lễ tế giao¹, tế xã², là lễ thờ cúng thượng đế; cái lễ ở nhà tông miếu, là lễ thờ cúng tổ tiên. Biết rõ lễ tế giao, tế xã, biết rõ nghĩa tế đế³, tế thường⁴,

1. *Tế giao*, là đặt lễ tế trời trên một gò đất tròn phía Nam kinh đô, cũng gọi là tế Nam giao.

2. *Tế xã*, là đặt lễ tế thần hậu thổ trên một cái hồ vuông phía Bắc kinh đô, gọi là tế xã.

3. *Tế đế*, là thiên tử đứng làm chủ tế, tế người sinh ra ông thái tổ và cúng thờ với ông thái tổ ở nhà thái miếu.

4. *Tế thường*, là lễ tế về mùa thu, một trong bốn lễ tế mùa: tế Xuân tì, tế Hạ thực, tế Thu thường, tế Đông chưng, mỗi lễ tế đều theo một ý nghĩa riêng của nó. (N.D.)

thì trị nước dễ như xem ở bàn tay?» (Trung dung, Chương 19)

«Cái đạo chí thành, có thể biết trước được những việc về sau. Vì, khi nước sắp hưng thịnh, tất có những điềm lành; khi nước sắp mất, tất có những điềm quái gở. Hoặc biểu hiện ở việc bói cỏ thi, hay bói rùa, hoặc biểu hiện ở việc máy động chân tay; những điều họa phúc sắp đến, nếu là những điều lành, tất có biết trước; nếu là những điều không lành, tất cũng có biết trước, cho nên cái đạo chí thành cũng mẫu nhiệm như thần.» (Trung dung, Chương 24)

Tất cả những điều ấy, đều có thể chứng minh Tử Tử từ lô-gích so sánh theo duy ngã luận, đã đi đến tư tưởng hữu thần luận rõ rệt. Điều làm cho người ta kinh ngạc nhất là Tử Tử do đó càng thần thánh hóa Không tử, coi Không tử là một vị thông thiên giáo chủ. Ví dụ:

«Trọng Ni noi theo đạo của vua Nghiêu, vua Thuân, theo khuôn phép của vua Văn, vua Vũ, trên theo thời tiết của trời, dưới theo tính chất của đất nước; ví như trời đất không nơi nào là không che chở, không chỗ nào là không bao bọc; ví như bốn mùa xoay vần kế tiếp nhau, như mặt trời mặt trăng thay nhau soi sáng mãi mãi. Vạn vật đều có sự sinh dưỡng mà không hại lẫn nhau, các đạo lý lưu hành mà không trái nhau, trời đất có những cái đức nhỏ phân minh như nước sông vẫn chảy, có những cái đức lớn đôn hậu và sinh hóa vô cùng, sở dĩ trời đất mà lớn lao là vì thế. Chỉ có bậc chí thánh trong thiên hạ, mới có sự thông minh sáng suốt, có thể đi đến khắp mọi nơi; rộng rãi ôn hòa, có thể bao dung; mạnh mẽ cứng cỏi, có thể kiên trì bền vững; nghiêm trang ngay thẳng, có thể làm cho người ta tôn kính; chữ nghĩa rành rẽ, có thể phân biệt được phải trái. Có tất cả những điều đó rồi, ví như vực sâu thăm thẳm, như suối chảy cuộn cuộn lúc nào

cũng như thế, khi thể hiện ra ngoài, thì rộng rãi như trời cao, thăm thăm như vực sâu, khi biểu hiện ra thì dân ai chẳng tôn kính, khi nói thì dân chẳng ai không tin, khi làm thì dân chẳng ai không vui lòng. Tất cả nhân dân đều tôn kính, đều tin nhiệm và đều vui lòng thì tiếng tăm lừng lẫy khắp trong nước, có ảnh hưởng đến các nước man di, bất cứ những nơi nào có thuyền xe đến được, sức người đi hầu được, bất cứ những nơi nào có trời che đất chở, có mặt trời mặt trăng soi sáng, có sương mù rơi xuống, nếu đã là người có huyết khí, thì không ai là không tôn kính thân yêu, cho nên nói thánh nhân là bậc sánh với trời. Chỉ có bậc chí thành trong thiên hạ, là có thể nắm được đường lối kinh luân thiên hạ, dựng nên cái gốc lớn trong thiên hạ, biết việc sinh hóa của trời đất, mà không dựa vào đâu cả? Thành khẩn như điều nhân, thăm thăm như vực sâu, lồng lộng như trời cao, nếu không phải là bậc thông minh thánh trí, đạt được cái đức của trời, thì có ai đã biết được. (Trung dung, Chương 30, 31, 32)

Theo Quách Mạt-nhược, thì Tử Tư đã được học phái Mặc tử mở đường mới có việc mưu toan dựng lên tôn giáo (Xem: *Tiên Tán thiên đạo quan chi tiền triển*, trang 65-66), thực tế có thể là như thế. Nhưng theo chúng tôi, điều đó cũng không phải là việc ngẫu nhiên, từ lô-gích so sánh theo duy ngã luận, đến vũ trụ quan trời với người hợp nhất theo chủ nghĩa thần bí, lại đi đến tư tưởng tôn giáo theo thuyết thần với người giống nhau, trong những cái đó, có mối liên hệ lô-gích rất chặt chẽ.

Như trên đã nói, phương pháp so sánh của Tử Tư rõ ràng là khác với Không tử: phương pháp của Không tử là từ đặc xưng suy ra toàn xưng, còn phương pháp của Tử Tư là so sánh theo duy ngã luận, hơn nữa là đã đi đến ranh giới hữu thần luận của chủ nghĩa thần bí. Ở đây, chúng ta không thể không đề ý đến mối liên hệ giữa Tăng tử với Tử Tư. Trước hết, là họ đều sử dụng phương pháp so sánh để giải thích sự

vật; kẻ đó, tư tưởng trời với người hợp nhất, tư tưởng duy ngã luận, tư tưởng về thuyết thần với người giống nhau của Tử Tư, nói tóm lại, là tư tưởng về thuyết quan niệm, tuy không phải đều vốn có ở Tăng tử, nhưng ở Tăng tử cũng đã có mầm mống của tư tưởng ấy. Nhưng, từ hình thái mầm mống đó đến chỗ hoàn thành còn có nhiều chỗ khác nhau, nhất là thuyết quan niệm và thuyết hữu thần ở Tăng tử không được rõ rệt lắm, mà ở Tử Tư thì rất rõ rệt và nhất trí từ đầu đến cuối, thậm chí đã biến thành tôn giáo, cho nên một mặt khác, chúng ta cần phải đặc biệt nắm lấy những điểm khác nhau giữa Tử Tư và Tăng tử. Những điểm khác nhau đó, đã phản ánh trong lô-gích, tức là từ sự nội tính chủ quan chuyển hóa thành so sánh theo duy ngã luận.

Tư tưởng lô-gích của Tử Tư, được Mạnh tử kế thừa và phát triển, cho nên trong bảy thiên sách *Mạnh tử* cũng đầy những phương pháp lô-gích so sánh.

Chúng ta đã biết rõ, Mạnh tử là một nhà triết học nổi tiếng vì « thích biện luận ». Nhưng phương pháp biện luận của ông, cái vũ khí để đánh đổ lý luận đối phương của ông là gì? Đó chính là thứ lô-gích so sánh không theo loại do Tăng tử mở đầu, Tử Tư đã kế thừa và phát triển. Hơn nữa là Mạnh tử đã vận dụng phương pháp so sánh một cách rộng rãi, ông đã lấy phương pháp đó làm cái chìa khóa để giải quyết mọi vấn đề. Nếu chúng ta muốn biết một cách cụ thể mức độ phổ biến của Mạnh tử đã vận dụng phương pháp so sánh, thì xin xem qua bản thông kê dưới đây:

TÊN CÁC THIÊN	PHƯƠNG PHÁP VẬN DỤNG	ĐIỂM GIỐNG NHAU	SỐ THỨ TỰ
<i>Lương Huệ vương, thượng</i>	— Vua thích việc chiến tranh, xin đem việc chiến tranh để ví dụ: Thua bỏ áo giáp, kéo binh khí mà chạy. Nếu biết người chạy 50 bước không thể cười người chạy 100 bước, thì không mong dân mình nhiều hơn dân nước láng giềng.	— Cùng thua chạy cũng không thương dân, và cùng cười những người khác.	1

TÊN CÁC THIÊN	PHƯƠNG PHÁP VẬN DỤNG	ĐIỂM GIỐNG NHAU	SỐ THỨ TỰ
nt	— Để cho chó, lợn ăn đồ ăn của người mà không biết để kiểm soát, ngoài đường có xác người chết đói mà không biết để cấp phát, nói rằng : « Không phải tại ta đói, tại năm mất mùa đấy », thế thì có khác gì đám người ta cho chết lại bảo rằng « không phải tại ta đói, tại lưỡi dao sắc đấy » ?	— Đây trách nhiệm.	2
nt	— Trời đổ mưa ào ào thì lúa bốc tốt lên ngay; không thích giết người thì dân theo về như nước chảy xuống chỗ thấp.	— Không ai ngăn được.	3
nt	— Từ chỗ Tể Tuyền vương đem con dê thay con trâu để giết làm lễ bói chuông, suy ra có thể thì bành việc nhân chính.	— Có lòng bất nhẫn.	4
nt	— Sức có thể nhấc nổi 100 cân mà không nhấc nổi một cái lông, mắt sáng có thể trông rõ ngọn lông tơ mùa thu, mà không thấy cả một chiếc xe củi; có ăn huệ đến những loài cầm thú, mà không có công đức với trăm họ.	— Không làm, chứ không phải không thể làm được.	5
nt	— Nhà vua không làm cho thiên hạ hưng thịnh, không phải thuộc về loại cấp nổi Thái-sơn vượt qua bể Bắc, ấy là thuộc về loại người lớn bề cảnh cây dấy.	— Là không làm, chứ không phải không thể làm được.	6
nt	— Muốn khởi binh gây thù oán để làm cho nước hưng thịnh, cũng như leo cây tìm cá.	— Không thể làm được.	7

TÊN CÁC THIÊN	PHƯƠNG PHÁP VẬN DỤNG	ĐIỂM GIỐNG NHAU	SỐ THỨ TỰ
<i>Lương Huệ vương, hạ</i>	— Cùng vui với trăm họ, tức là có thể làm cho nước hưng thịnh được.	— Muốn xây dựng cho mình thì phải xây dựng cho người, tức là điều nhân.	8
nt	— Thích của cải, thích sắc đẹp mà cùng chung với trăm họ, thì làm cho thiên hạ hưng thịnh có khó gì?	— Suy ta ra người.	9
nt	— Nhận trông nom vợ con cho bạn, mà để vợ con bạn đói rét; cũng như quan sĩ sư mà không quản đốc được các quan sĩ và vua không thông trị được bốn phương trong nước.	— Việc cần phải phụ trách	10
nt	— Người cai trị quốc gia bảo bầy bỏ cái sở học của nhà người mà theo ý của ta, như thế há chẳng phải là khác với việc bảo người thợ làm ngọc cứ giữ việc mài giũa ngọc đó sao?	— Không tin nhiệm người hiền tài.	11
<i>Công Tôn-siêu, thượng</i>	— Lấy sự treo ngược người lên để vi với chính trị bạo ngược.	— Khổ.	12
nt	— Lấy việc người nước Tống nâng giúp cho cây lúa lớn lên, để vi Cáo tử chưa từng biết điều nghĩa.	— Vô ích mà có hại.	13
nt	— Ghét những điều nhục mà cứ làm việc bất nhân, thì cũng như ghét vật mà cứ ở chỗ thấp.	— Tự chuốc lấy.	14
nt	— Lấy người bắn cung để vi người nhân.	— Sửa mình ngay ngăn rồi mới phóng tên, phóng mà không trúng, không trách kẻ hơn mình.	15

TÊN CÁC THIÊN	PHƯƠNG PHÁP VẬN DỤNG	ĐIỂM GIỐNG NHAU	SỐ thứ tự
Công Tôn-sử, hạ	— Vua và quan đại phu mất chính trị, cũng như người chân nhận trần đề của người ta mà thu không được chỗ đất chân và cổ.	— Nên trao trả công việc cho người mà đi.	16
nt	— Lấy việc mặt trời, mặt trăng ăn xám ví với lời của người quân tử.	— Đều trông thấy, đều ngựa xem.	17
Đặng Văn công, thượng	— Lấy việc gió lướt trên cỏ đề ví đức của người quân tử.		18
nt	— Dùng đạo nhà Hạ để biến đổi phong tục man di, cũng như con chim bay ra từ chốn hang tối, đổi lên ở chỗ cây cao.		19
Đặng Văn công, hạ	— Lấy cái đạo của dân bà để ví Công Tôn-diễn, Trương Nghi.	— A dua, bợ đỡ, đánh cắp quyền thế.	20
nt	— Kẻ sĩ mất ngôi cũng như chư hầu mất nước.		21
nt	— Việc làm quan của kẻ sĩ cũng như việc làm ruộng của nông dân.		22
nt	— Kẻ làm quan mà không noi theo đạo đức, cũng như con gái khoét lỗ hồng mà dâm, trèo qua tường mà theo nhau.	— Người trong nước đều khinh, người quân tử cũng ghét.	23
nt	— Lấy trận mưa đúng lúc ví với vương chính.	— Dân đều ưa thích.	24

TÊN CÁC THIÊN	PHƯƠNG PHÁP VẬN DỤNG	ĐIỂM GIỐNG NHAU	SỐ THỨ TỰ
nt	— Quan đại phu nước Sở muốn cho con mình học tiếng nước Tề và bảo một người nước Tề dạy cho, trong khi đó mọi người chung quanh đều nói ồn lên bằng tiếng nước Sở, cũng như vua muốn làm điều lành, mà ở bên cạnh vua chỉ có một mình Tiết Cư-châu.	— Không đúng như ý muốn.	25
nt	— Lấy việc bắt con gà nhà láng giềng để ví việc đánh thuế chợ.	— Cũng là phi nghĩa.	26
nt	— Lấy con gina để ví sự liêm khiết của Trần Trọng tử.		27
Lý Lâu, thượng	— Nhân chính đối với việc bình trị thiên hạ, cũng như khuôn tròn thước vuông, đối với đồ tròn đồ vuông. Sáu luật nhạc đối với ngũ âm.	— Mực thước.	28
nt	— Lấy việc muốn làm cho cao phải nhân chỗ gò đồng, muốn làm cho thấp phải nhân chỗ sông chằm, để ví dụ muốn làm chính trị phải noi theo đạo của tiên vương.	— Làm việc ít, thành công nhiều.	29
nt	— Lấy thước vuông thước tròn và đồ vuông đồ tròn để ví thánh nhân và đạo làm người.		30
nt	— Ghét việc chết mà thích làm những điều bất nhân, cũng như ghét say mà cố uống rượu.	— Việc không thể được.	31
nt	— Xét lại mình, nếu bản thân mình đoan chính, thì thiên hạ sẽ quy phục mình.		32

TÊN CÁC THIÊN	PHƯƠNG PHÁP VẬN DỤNG	ĐIỂM GIỐNG NHAU	SỐ thứ tự
<i>Ly Lâu, thượng</i>	— Cái gốc của thiên hạ là ở nước, cái gốc của nước là ở nhà, cái gốc của nhà là ở thân mình.		33
nt	— Các họ lớn đã mến phục, thì cả nước đều mến phục, cả nước đều mến phục, thì cả thiên hạ đều mến phục.		34
nt	— Nước nhỏ bắt chước nước lớn, mà lại lấy sự nhận mệnh đó làm xấu hỗ, thì cũng như học trò lấy sự thụ mệnh với thầy làm xấu hổ vậy.	— Đoạn tuyệt mọi vật.	35
nt	— Lấy bài ca sông Thương-lang để ví sự tự khinh nhón, tự bỏ mình, tự khoe khoang của một người, một nhà, một nước là cái gốc để cho người ta khinh nhón, người ta khoe khoang, người ta bỏ mình.		36
nt	— Dân theo về với người nhân cũng như nước chảy xuống chỗ thấp, thú chạy ra ngoài đồng rộng.	— Chỗ muốn.	37
nt	— Đuổi cá xuống chỗ vực sâu, đó là loài rái; đuổi chim vào chỗ rừng rậm, đó là loài chim cất; đuổi dân theo vua Thang vua Vũ, đó là vua Kiệt, vua Trụ.	— Chỗ sợ.	38
nt	— Lấy cái bệnh bảy năm phải đi tìm lá ngải ba năm, để ví dụ nay vua muốn hưng thịnh phải kịp thời thì hành điều nhân.		39
nt	— Thiên hạ chết chìm dùng đạo để cứu, chỉ dân chết chìm dùng tay để cứu.		40

TÊN CÁC THIÊN	PHƯƠNG PHÁP VẬN DỤNG	BIỆM GIỐNG NHAU	SỐ THỨ TỰ
<i>Ly Lâu, hạ</i>	— Lấy việc Trọng Ni xem sông thường ca ngợi nước, đề ví dụ nước có nguồn.		41
nt	— Lấy việc vua Võ khởi ngôi cho nước chảy đề ví bậc đại trí.	— Làm việc chỗ vô sự.	42
nt	— Lấy việc người nước Tề có vợ cả, vợ lẽ đề ví những người đi tìm giàu sang danh lợi.		43
<i>Vạn Chương, hạ</i>	— Lấy người sáng tác âm nhạc hợp các âm nhỏ thành một âm lớn đề ví dụ việc hợp lại thành bậc đại thành của Không tử.		44
nt	— Điều trị ví như là bắn khỏe, bậc thành ví như người có sức mạnh, bắn cung cách ngoài một trăm thước, bắn tới đích là do sức mạnh, mà bắn trúng đích không phải là do sức mạnh của người bắn cung.		45
<i>Cáo tử, thượng</i>	— Dùng cây gỗ kỹ gỗ liễn, và cái chén cái cốc, khác nhau với con người và điều nhân điều nghĩa.		46
nt	— Tính của con người là thiện, cũng như nước chảy xuống chỗ thấp; không có người nào là bất thiện, cũng như không có thứ nước nào mà không chảy xuống chỗ thấp.		47
nt	— Con người có thể làm những điều bất thiện, cũng như đập nước cho bắn lên, nó có thể nhảy vọt qua khỏi tràn; ngăn cho nó đi ngược, nó có thể chảy tràn qua núi.	— Là cái thế, không phải do tính của nó.	48

TÊN CÁC THIÊN	PHƯƠNG PHÁP VẬN DỤNG	ĐIỂM GIỐNG NHAU	SỐ THỨ TỰ
Cáo lữ, thượng	— Dùng câu nói sắc trắng của cái lông trắng, cũng như sắc trắng của tuyết trắng, sắc trắng của tuyết trắng cũng như sắc trắng của ngọc trắng để nói tính con chó không phải tính của con trâu, tính con trâu, không phải tính của con người. ¹		49
nt	— Nói sắc con ngựa trắng, con người trắng, có khác với nói con ngựa lớn tuổi và con người lớn tuổi.		50
nt	— Do miệng đối với mũi, có thức ngon cùng thích ăn, tai đối với tiếng, có tiếng hay cùng thích nghe, mắt đối với sắc, có màu đẹp cũng thích nhìn, mà suy ra cái tâm có sự cũng ưa thích những điều nghĩa lý.		51
nt	— Con người nếu để cho mất lương tâm, thì cũng như bùa riu đã chất trọi cây cối.		52
nt	— Người ta có con gà con chó đi mất thì biết tìm về; có cái tâm lại để cho mất mà không biết tìm.	— Không biết loại.	53
nt	— Ngón tay của mình bị cong, không giống như ngón tay của người khác, thì biết xấu; cái tâm của mình xấu không được như người, thì mình lại không biết xấu.	— Không biết loại.	54

1. Xem trang 96 trong sách này, và xem thêm chú thích cuối trang
ấy. (N D.)

TÊN CÁC THIÊN	PHƯƠNG PHÁP VẬN DỤNG	ĐIỂM GIỐNG NHAU	SỐ THỨ TỰ
<i>Cáo tử, thượng</i>	— Cây đồng, cây tử bằng một ôm, bằng một nắm tay, người ta nếu muốn cho nó sống, đều biết cách vun trồng nó; đến bản thân mình lại không biết cách bồi dưỡng.		55
nt	— Điều nhân thắng điều bất nhân cũng như nước thắng lửa.		56
<i>Cáo tử, hạ</i>	— Không so ở dưới gốc, mà chỉ so bằng ở trên ngọn, thì mảnh gỗ vuông một tấc, cũng có thể nâng nó lên cao hơn tòa lầu cao.		57
<i>Tận tâm, thượng</i>	— Lấy việc nước chảy chưa đầy hồ thì chưa chảy đi nơi khác, để ví dụ người quân tử không học cho thành người có văn chương, thì chưa đạt.		58
nt	— Lấy cái miệng, cái bụng vì bị sự đói khát làm hại, nên ăn uống không kịp lựa chọn để ví dụ lòng người vì sự nghèo túng làm hại, nên đối với sự giàu sang cũng không kịp lựa chọn.		59
nt	— Lấy việc người thợ cưa dạy nghề thợ mộc, không vì anh thợ học nghề đó vụng mà thay đổi, vứt bỏ đường dây này mực, ông Hậu Nghệ dạy người bắn cung, không vì anh học trò bắn vụng mà thay đổi mức giương dây cung, để ví với đạo trung, là đứng chính giữa, kẻ nào có thể học được thì theo.		60

TÊN CÁC THIÊN	PHƯƠNG PHÁP VẬN DỤNG	ĐIỂM GIỐNG NHAU	SỐ THỨ TỰ
<i>Tận tâm, hạ</i>	-- Ghét loại cỏ giống như lúa, là sợ nó lẫn lộn với lúa, ghét những kẻ nịnh bót giống như người có nghĩa, là sợ nó làm loạn những điều nghĩa, ghét kẻ lợi khẩu nói như thật, là sợ nó làm loạn điều tin, ghét tiếng nói nước Trịnh giống như điệu nhạc, là sợ nó làm loạn âm nhạc, ghét màu tía giống như màu đỏ, là sợ nó làm loạn màu đỏ, ghét kẻ khúm núm giả đạo đức, là sợ nó làm loạn đạo đức.	-- Giống như phải mà không phải.	61

Theo chúng tôi đã thống kê, toàn bộ sách *Mạnh tử* có hai trăm sáu mươi một bài, cộng lại ba vạn, bốn nghìn, sáu trăm, tám mươi lăm chữ thì sự vận dụng phương pháp so sánh để trình bày văn đề, đã hơn sáu mươi một lần; ngoài ra, như việc lấy đời xưa để ví với đời nay, mượn hình ảnh Văn vương, Thang, Vũ, v.v., để vạch đường mở lối lúc bấy giờ, vẫn chưa kể vào trong đó. Vì thế, chúng tôi nói lô-gích so sánh là một phương pháp đã được Mạnh tử sử dụng rất phổ biến.

Nhưng cách trình bày của Mạnh tử còn nặng về cục bộ, hình thức, do đó, phải trái thường không rõ. Ở đây chúng tôi muốn đi sâu, nghiên cứu một cách toàn diện hơn.

Thứ nhất, như chúng tôi đã nói, trong lịch sử lô-gích Trung-quốc, người đầu tiên đề ra khái niệm «loại» một cách rõ ràng là Mặc tử. Mạnh tử tuy nói là mình trái hẳn Dương, Mặc, nhưng cũng học dùng khái niệm loại do học phái Mặc tử đã tìm ra, và lấy đó làm chỗ dựa để so sánh. Như ông đã nói:

«Như việc cắt núi Thái-sơn vượt qua bể Bắc, mà bảo với người rằng: «Ta không thể làm được», việc đó thực là không thể làm được; như việc người lớn bẻ cành cây, mà bảo với người rằng: «Ta không

thể làm được», việc đó là không chịu làm, chứ không phải là không thể làm được. Cho nên nhà vua không làm cho thiên hạ hưng thịnh, không phải thuộc về loại cấp núi Thái-sơn vượt qua bể Bắc; vua không làm cho thiên hạ hưng thịnh, là thuộc về loại người lén bể cảnh cây đầy.» (Lương Huệ vương, thượng)

«Con kỳ lân đối với những loài thú chạy, con phượng hoàng đối với những loài chim bay, núi Thái-sơn đối với gò đồng, sông bể đối với rãnh nước bên đường, cũng cùng một loại; bậc thánh nhân đối với nhân dân, cũng cùng một loại. Sinh ra cùng một loại, nhưng vượt lên trên đồng loại, từ có loài người đến nay, chưa có người nào hơn Không tử được» (Công Tôn-sửu, thượng)

«Người cho rằng nếu có bậc vương giả nổi lên, sẽ đem những vua chư hầu đời nay mà giết cả chẳng? Hay còn phải giáo dục mà họ không sửa chữa rồi sau mới giết? Nếu nói rằng lấy những vật không phải của mình, tức là kẻ trộm cướp, là suy loại cho hết ý nghĩa đây thôi.» (Vạn Chương, hạ)

«Cho nên kẻ vật cùng loại, tính nó đều giống nhau cả, tại sao riêng có tính con người mà lại nghĩ ngờ là không giống nhau? Thanh nhân với ta là cùng loại đây. Do đó, Long tử nói rằng: «Tuy không biết chân mà đóng giầy, nhưng ta chắc rằng chiếc giầy ấy thông đến nỗi là cái sọt.» Long tử nói thế có nghĩa là giầy giống nhau, là bởi bàn chân của mọi người trong thiên hạ đều giống nhau, miệng đối với mũi, có món ngon cùng thích ăn, Dịch Nha đã biết trước được những món mà miệng ta thích ăn. Nếu nói cái miệng đối với mũi cũng như cái tính đối với con người có khác nhau, như con chó con ngựa không cùng loại với ta, thì tại sao thiên hạ đều thích cái món ăn của Dịch Nha? Ngay như các món ăn, thiên hạ đều tin ở Dịch Nha nấu

ngon, ấy là cái miệng của thiên hạ giống nhau. Lỗ tai cũng thế, như tiếng âm nhạc, thiên hạ đều thích nghe tiếng đàn của Sư Khoáng, ấy là tai của thiên hạ đều giống nhau. Con mắt cũng vậy, như nhìn Tử Đồ, thiên hạ không ai không cho đó là một con người đẹp, nhưng kẻ không biết Tử Đồ là đẹp, là kẻ không có con mắt.» (Cáo tử, thượng)

Tất cả những câu đó, có thể chứng minh rằng về khái niệm «loại» lấy theo việc đề so sánh của Mạnh tử là học theo Mặc tử. Do việc dùng khái niệm «loại» không đúng, Mạnh tử mới phóng đại cái phương pháp «suy» trong «suy ta ra người» của Không tử.

Thứ hai, học phái Mặc tử đã chủ trương «khác loại thì không so sánh», Mạnh tử đã học vận dụng toàn bộ cái chân lý giản đơn đó một cách cứng đờ, và cũng thường dùng cái chân lý giản đơn đó làm vũ khí để công kích những kẻ đối phương biện luận với mình. Ví dụ:

«Mạnh tử nói với Trì Oa rằng: «Ông từ chối không làm quan đất Linh-khâu mà xin làm quan sĩ sư, hình như có lý lắm; vì chức quan ấy gần vua, có thể can được vua. Đền nay đã được mây tháng rồi, chưa có điều gì nên nói ư?» Trì Oa can vua mà vua không dùng, liền trả chức mà đi. Người nước Tề nói: «Chỗ thấy Mạnh tử vì ông Trì Oa mà nói thế, thì phải rồi, còn chỗ thấy Mạnh tử vì mình, thì chúng ta chưa biết được.» Công Đồ tử đem những lời nói đó báo cáo lại. Mạnh tử nói: «Ta được nghe, người có chức phận làm quan, mà chẳng được làm nhiệm vụ của mình, thì bỏ đi; người có trách nhiệm nói, mà nói chẳng đật lời, thì cũng bỏ đi. Còn ta thì không có chức phận làm quan, không có trách nhiệm phải nói, thì sự tiến thoái của ta không phải là rất ung dung rộng rãi sao?» (Công Tôn-sửu, hạ)

Điều đó có nghĩa là, có chức phận làm quan với không có chức phận làm quan, có trách nhiệm nói và không có trách

nhiệm nói đều không cùng loại, do đó sự tiến hay thoái, đi hay ở tức là cũng có đường lối riêng; nhưng người nước Tề lại nhất luật so sánh, theo Mạnh tử, tức là « không biết loại ». Và như:

« Thâm Đồng hỏi riêng Mạnh tử: « Nước Yên, có nên đánh không? » Mạnh tử nói: « Nên đánh... Người nước Tề đi đánh nước Yên. Có kẻ hỏi rằng: « Thấy đã khuyên người nước Tề đi đánh nước Yên, có không? » Mạnh tử nói: « Ta chưa từng khuyên họ bao giờ... Nếu người kia hỏi rằng: « Ai có thể đi đánh được? » Thì nên trả lời rằng: « Là sứ trời thì mới có thể đánh được. » Nay có kẻ giết người, có người hỏi rằng: « Có nên giết kẻ giết người đó không? » Thì phải trả lời rằng: « Nên giết »; nếu người kia hỏi rằng: « Ai có thể giết được? » Thì phải trả lời rằng: « Là quan sĩ sư mới có thể giết được. » Ngày nay lấy nước Yên này đánh nước Yên kia, ai lại khuyên làm gì?! » (Cổng Tôn-sửu, hạ)

Điều đó có nghĩa là việc khẳng định nước « có đạo » đánh nước « vô đạo » và việc khẳng định sự đánh nhau giữa những nước « vô đạo », không phải là cùng loại. Và như:

« Người nước Yên làm phản nước Tề. Vua Tề nói rằng: « Ta thẹn với thầy Mạnh lắm! » Trần Giả nói: « Vua chớ lo, vua tự nghĩ xem so mình với ông Chu công thì ai nhân và trí hơn? » Vua nói: « Ôi! Sao lại nói ví như thế được? » Trần Giả nói: « Ông Chu công sai Quản Thúc coi giữ người nước Ân, Quản Thúc dùng người Ân để làm phản. Nếu Chu công biết Quản Thúc thế nào cũng làm phản mà cứ sai đi, thế là bất nhân; lắm mà sai đi, thế là bất trí. Điều nhân, điều trí Chu công còn chưa gồm đủ được, huống chi là vua? » Trần Giả xin gặp Mạnh tử để nhờ giải đáp. Khi gặp Mạnh tử, Trần Giả hỏi: « Ông Chu công là người thế nào? » Mạnh tử đáp: « Là bậc thánh nhân đời xưa. » Trần Giả hỏi: « Chu công sai Quản Thúc coi

giữ người nước Ân, Quán Thúc dùng người nước Ân để làm phản, việc ấy có không? Mạnh tử nói: «Có thể». Trán Giả lại hỏi: «Ông Chu công biết Quán Thúc sẽ làm phản mà cũng cứ sai đi đây ư?» Mạnh tử nói: «Chu công không biết.» Trán Giả nói: «Thế thì bậc thánh nhân cũng có sai lầm ư?» Mạnh tử nói: «Chu công là em, Quán Thúc là anh, ông Chu công mà lầm cũng là lẽ thường. Vả lại, người quân tử đời xưa, có lỗi thì sửa ngay; còn người quân tử đời nay, có lỗi thì cứ thuận theo lỗi mà làm. Người quân tử đời xưa có lỗi như mặt trời mặt trăng ăn xam ai cũng đều trông thấy cả, đến khi sửa lỗi, mọi người cũng đều trông thấy; người quân tử đời nay, không những cứ thuận theo lỗi mà làm, lại còn tìm lời để tự bào chữa.» (Công Tôn-sưu, hạ)

Điều đó chỉ rõ rằng Trán Giả đã lấy những sự vật không cùng loại để suy luận so sánh, đi tới chỗ phán đoán hiện thực, thì rơi vào sai lầm «thuận theo lỗi» và «tô điểm những điều lỗi». Ngoài ra, những ví dụ giòng như thế ở trong sách *Mạnh tử* không thể kể xiết. Ở đây, chúng tôi còn muốn chọn lọc những sự thật có ý nghĩa triết học nhất, hoặc có ý nghĩa so sánh gần với hình thức lô-gích để giúp vào việc tìm hiểu những mặt chính. Những ví dụ thực tế về mặt đó, như một đoạn dưới đây, có thể dùng để trực tiếp nêu rõ khái niệm «loại» của Mạnh tử đã vững chắc như thế nào:

«Trán Tửng ra mắt Mạnh tử, thuật lại lời nói của Hứa Hành rằng: «... Theo đạo của Hứa tử, thì việc mua bán ở ngoài chợ có giá nhất định, trong nước không gian dối, dù sai đứa bé mười tuổi đi chợ, cũng không ai nói dối nó. Hàng vải dài ngắn bằng nhau thì giá như nhau; gai sợi tơ bông nặng nhẹ bằng nhau thì giá như nhau; năm thứ thóc nặng nhẹ bằng nhau thì giá như nhau; giấy dép lớn nhỏ bằng nhau thì giá như nhau.» Mạnh tử nói: «Các vật tốt xấu không đều nhau, là sự tự nhiên của mọi vật; hoặc hơn nhau gấp đôi, gấp năm

lần, hoặc gấp mười gấp trăm lần, hoặc gấp nghìn gấp vạn lần. Đã có sự khác nhau mà người lại so đều một giá, như thế là làm rối loạn cả thiên hạ. Như giấy lớn giấy nhỏ cùng một giá, thì ai chịu làm giấy lớn nữa; giấy tốt giấy xấu cùng một giá, thì ai chịu làm giấy tốt nữa. Nếu theo đạo của Hứa tử, thì mọi người đều cùng nhau làm đồ xấu để lừa dối lẫn nhau, đâu có thể trị an được quốc gia!» (Đặng Văn công, thượng)

Điều đó có nghĩa là nói rằng thế giới là do các «loại» cấu tạo ra, tất cả đều có sự khác nhau về chất; nếu xóa bỏ sự tồn tại về «loại», thì không thể nhận thức được thế giới cụ thể, và sự tồn tại của các «loại», không thể chỉ quan sát về mặt «lượng», chủ yếu là nắm lấy cái then chốt về «chất». Theo Mạnh tử, sự sai lầm của Hứa Hành chính là ở chỗ đó.

Thứ ba, Mạnh tử không những đã vận dụng khái niệm «loại», mà còn lấy sự tồn tại của «loại» làm căn cứ, ông đã phát huy phương pháp «suy» — lô-gích so sánh về chủ nghĩa đức trị. Ví dụ ông nói:

«Kính những người già của mình, và suy ra để kính những người già của người; yêu trẻ con của mình, suy ra để yêu cả trẻ con của người; làm được như thế thì việc cai trị thiên hạ dễ như trở bàn tay. *Kinh thi* có nói: «Đời xưa đứng đầu với vợ trước, rồi đến anh em, sau đó thông trị đến quốc gia», nghĩa là nói đem cái lòng nhân ái mà suy ra đến mọi người đây thôi. Cho nên biết lấy ân huệ mà suy ra thì có thể giữ được bốn bề, không biết lấy ân huệ mà suy ra thì không giữ được vợ con, người đời xưa sở dĩ hơn người không có gì khác, chỉ khéo lấy ân huệ của mình mà suy ra đây thôi.» (Lương Huệ vương, thượng)

Điều đó rõ ràng là Mạnh tử đã phát triển thêm về mặt chính trị cái nguyên lý về luân lý «suy ta ra người». Đó cũng tức là ông đã phát triển thêm một bước cái quan niệm về điều «nhân» và «thành». Nhưng Mạnh tử trái lại không phải là dựa theo

những tư tưởng có sẵn của Tăng tử và Tử Tư để phát triển điều «nhân» và «thành», mà dựa vào phương pháp của mình, đem những quan niệm luân lý về điều «nhân» và «thành», v.v., giải thích thành phạm trù tiên nghiệm; rồi lấy đó làm căn cứ để suy lý so sánh. Cho nên ông nói:

«Người ta ai cũng có lòng bất nhân. Tiên vương vì có lòng bất nhân, nên có chính sách bất nhân. Đem lòng bất nhân, suy ra làm chính sách bất nhân, thì cai trị thiên hạ dễ như trở bàn tay. Sở dĩ nói mọi người đều có tâm lòng bất nhân ấy, là vì ngay bây giờ người ta chợt trông thấy một đứa trẻ con sắp ngã xuống giếng, ai cũng đều có lòng xót xa hối hộp, không phải vì người ấy định kết giao với cha mẹ của đứa trẻ, không phải vì người ấy muốn được làng xóm bạn bè khen ngợi, không phải vì sợ bị tiếng chê cười là bất nhân mà như thế đâu. Do đó thấy rằng, không có lòng biết thương xót, không phải là người; không có lòng biết xấu hổ, không phải là người; không có lòng biết khiêm tốn, không phải là người; không có lòng biết phải trái, không phải là người. Lòng biết thương xót, là đầu mối của điều nhân; lòng biết xấu hổ, là đầu mối của điều nghĩa; lòng biết khiêm tốn, là đầu mối của điều lễ; lòng biết phải trái, là đầu mối của điều trí. Con người có bốn đầu mối ấy, cũng như thân thể có bốn tay chân. Có bốn đầu mối ấy mà tự cho mình không thể làm gì được, thế là tự làm hại mình; nói rằng vua không thể làm gì được, thế là hại vua đây. Nếu người có bốn đầu mối ấy ở trong mình, biết suy ra cho thật đầy đủ, thì cái thế nó như lửa mới bùng cháy, như dòng suối mới tuôn ra. Nếu có được đầy đủ bốn mối ấy, thì đủ giữ gìn được bốn bề, nếu không có đầy đủ được bốn mối ấy, thì không đủ để thờ phụng được cha mẹ.» (Công Tôn-sửu, thượng)

«Lòng biết thương xót, là nhân; lòng biết xân hô, là nghĩa; lòng biết cung kính, là lễ; lòng biết phải trái, là trí. Những điều nhân, nghĩa, lễ, trí không do từ bên ngoài rèn luyện cho ta, mà ở trong con người của ta vốn có những điều đó. là do người ta không chịu suy nghĩ mà tìm ra đây thôi. Cho nên nói rằng: tìm nó thì được, bỏ nó thì mất » (Cáo tử, thượng)

Những câu nói thuộc về loại đó, trong sách Mạnh tử có rất nhiều, để bớt sự dài dòng, xin không trích dẫn hết. Ở đây, chúng tôi chỉ cần chứng minh rằng trong luận lý học cũng như trong nhận thức luận trước hết phải khẳng định là có quan niệm tiên nghiệm, và người đã dùng quan niệm tiên nghiệm kết hợp với phương pháp lô-gích so sánh, tức là Mạnh tử, người của học phái nhà nho.

Thứ tư, chính do trong nhận thức luận và trong luận lý học, Mạnh tử là người theo chủ nghĩa tiên nghiệm, cho nên phương pháp lô-gích so sánh của học phái Khổng tử, đến giai đoạn Mạnh tử đã trở thành phương pháp của thuyết duy lý chông kinh nghiệm. Ví dụ ông nói:

« Công Đồ tử hỏi rằng: «Cũng đều là con người, thế mà có kẻ là bậc đại nhân, có kẻ là tiểu nhân, là có sao?» Mạnh tử nói: «Người theo về đại thể là bậc đại nhân, theo về tiểu thể là tiểu nhân.» Công Đồ tử lại hỏi: «Cũng đều là con người, có kẻ theo về đại thể, có kẻ lại theo về tiểu thể, là có sao?» Mạnh tử nói: «Tai mắt là những chức quan giữ về việc nghe thấy nó không có sự suy nghĩ, mà thường bị vật bên ngoài che lấp; thanh sắc của những vật bên ngoài tiếp xúc với vật tai mắt, thì vật tai mắt bị nó lôi cuốn theo. Tâm là chức quan chủ về sự suy nghĩ, suy nghĩ thì hiểu được, không suy nghĩ thì không hiểu được. Tâm với tai mắt là trời phú cho ta. Trước khi chưa tiếp xúc với vật bên ngoài, đứng trên chỗ lấy cái đại thể làm chủ, thì những cái tiểu thể mới không thể xâm lấn được, như thể là bậc đại nhân.» (Cáo tử, thượng)

Như thế, Mạnh tử đã bài xích cảm tính mà nhân mạnh lý tính một cách phiến diện, đó là thứ lý luận duy lý không còn nghi ngờ gì nữa. Nhưng, sự nhận thức theo thuyết duy lý tiên nghiệm đó, đã quy định cái tính chất không chính xác trong lô-gích so sánh của Mạnh tử. Nghĩa là, Mạnh tử tuy hết sức cố giữ lấy khái niệm «loại», nhưng chủ nghĩa tiên nghiệm đã làm cho ông không tự giác rơi vào chỗ «không biết loại», đã làm cho ông trong khi suy luận so sánh đem những sự vật «không thứ lớp, không phải loại» cho là «cùng loại». Ở đây, để cho gọn hơn, xin nêu ra một số ví dụ thực tế như sau:

«Cáo tử nói: «Tinh người, cũng như cây gỗ ký gỗ liễu; điều nghĩa, cũng như cái chén cái cốc; đem tinh người, uốn nắn làm điều nhân nghĩa, cũng như đem cây gỗ ký gỗ liễu uốn nắn làm cái chén cái cốc». Mạnh tử nói: «Người có thể thuận theo cái tính cây gỗ ký gỗ liễu để uốn nắn làm cái chén cái cốc, hay là sẽ đem đẽo cây gỗ ký gỗ liễu, rồi mới làm được cái chén cái cốc? Nếu phải đẽo cây gỗ ký gỗ liễu mới làm được cái chén cái cốc, thì cũng phải đem mổ xẻ cả con người ra mới làm được điều nhân nghĩa à? Tất cả mọi người trong thiên hạ mà cho rằng làm điều nhân nghĩa là tai họa, tất là do lời nói của người đó!»
(Cáo tử, thượng)

«Cáo tử nói: «Tinh người, cũng như dòng nước chảy quanh, khơi bên đông thì chảy về bên đông, khơi bên tây thì chảy về bên tây. Tinh người không phân biệt thiện và bất thiện, cũng như nước không phân biệt bên đông, bên tây gì cả.» Mạnh tử nói: «Nước, đành là không phân biệt đông tây gì cả, nhưng lại không có sự phân biệt chỗ cao thấp đây ư? Tính của con người là thiện, cũng như nước chảy xuống chỗ thấp, tính của con người, không có người nào là bất thiện, cũng như không có thứ nước nào không chảy xuống chỗ thấp. Nay đối với dòng nước, đập

cho bắn lên, nó có thể nhảy vọt qua khỏi trán, ngăn cho nó đi ngược, nó có thể chảy tràn qua mũi. Nào phải tính của nước như thế đâu? Vì cái thể bị đập, bị ngăn trên mới như vậy. Người ta có thể làm những điều bất thiện, tức là cái tính của họ cũng như nước bị người ta đập hay bị người ta ngăn đi.» (Cáo tử, thượng)

«Cáo tử nói: «Sinh ra tự nhiên gọi là tính». Mạnh tử nói: «Nếu sinh ra tự nhiên gọi là tính, cũng như các loại gì trắng đều gọi là trắng cả đây ư?» Cáo tử đáp: «Phải.» Mạnh tử nói: «Thề thì sắc trắng của cái lông trắng cũng như sắc trắng của tuyết trắng, và sắc trắng của tuyết trắng cũng như sắc trắng của viên ngọc trắng đây ư?» Cáo tử đáp: «Phải.» Mạnh tử nói: «Thề thì cái tính của loài chó cũng như tính của loài trâu, tính của loài trâu cũng như tính của loài người ư?»¹ (Cáo tử, thượng)

«Miệng đối với mùi, có món ngon cũng thích ăn; tai đối với tiếng, có tiếng hay cũng thích nghe; mắt đối với sắc, có màu đẹp cũng thích nhìn; đến cái tâm, lại không có một cái gì để cùng cho là phải ư? Điều mà cái tâm cùng cho là phải là cái gì? Đó là lý, là nghĩa; vậy bậc thánh nhân là người đạt trước được những điều mà cái tâm của người ta cùng cho là phải. Cho nên cái tâm của ta thích lý, nghĩa, cũng như cái miệng của ta thích các món cá thịt ngon.» (Cáo tử, thượng)

«Bây giờ có ngón tay vô danh cong mà không ngay ra được, cái tật ấy không phải là đau đớn và làm thiệt hại đến công việc, nhưng nếu có người nào có thể chữa cho ngón tay ngay ra được, thì cũng không ngại đường sá sang nước Tấn, nước Sở xa xôi cũng cõ đi chữa cho kỳ được, vì ngón tay của mình cong không

1. Câu này của Mạnh tử vận lại Cáo tử, để nói rằng tính của loài chó, loài trâu, loài người là khác nhau. (N.D.)

như ngón tay của người. Ngón tay mình cong, không được như ngón tay của người, thì biết ghét nó; cái tâm của mình xấu không được như cái tâm của người, thì không biết ghét nó, ấy là không biết loại nào khinh, loại nào trọng.» (Cáo tử, thượng)

Như thế, Mạnh tử đã đem những cái về tính người là «thiện», và tính nước «chảy xuống chỗ thấp», «cái tâm của ta» thích «lý, nghĩa» và «miệng ta» thích «cá thịt», về «ngón tay» không như người và «cái tâm» không được như của người, v.v., những sự vật «không thứ lớp, không theo loại» mà coi là «cùng loại», điều đó dĩ nhiên là kết quả của việc khẳng định cái luân lý và thuyết duy lý tiên nghiệm của Mạnh tử. Còn việc ông đem so sánh việc «thuận» theo tính cây gỗ kỳ gỗ liễu để uốn nắn làm cái chén cái cốc và việc «mổ xẻ» con người ra mới làm được điều nhân nghĩa, từ sự giống nhau về «sắc trắng» của những cái lông trắng, tuyết trắng, ngọc trắng để suy luận ra cái «tinh» của những con chó, con trâu, con người ắt cũng phải giống nhau, thì thực tế là do sự lẫn lộn về khái niệm «loại», làm cho ông xuôi miệng nói bừa. Từ trong sự nói bừa đó của Mạnh tử, trái lại đã thấy rằng cái mệnh đề «sinh ra tự nhiên gọi là tinh» của Cáo tử là một mệnh đề rục rở trong thời cổ đại.

Nhưng, phân tích một cách thật sâu nguồn gốc của sự lẫn lộn trong khái niệm «loại» của Mạnh tử, là ở tri thức luận theo chủ nghĩa tiên nghiệm của ông. Vì sự phát hiện chính xác của «loại» là lấy việc nắm vững cái «chất» của sự vật làm tiền đề, mà muốn nắm cái «chất» cho thật chính xác, thì công việc sơ bộ nhất là thông qua nhiều lần quan sát tư liệu cảm tính và so sánh, thực nghiệm một cách rộng rãi mà có hệ thống. Nhưng, Mạnh tử đã khẳng định sự tồn tại của quan niệm tiên nghiệm, đã bài xích những nhận thức cảm tính, mà nhấn mạnh một cách phiến diện nhận thức lý tính; ông đã phán đoán rằng cái gọi là nhận thức là sự tìm lại cái vốn đã sẵn có của ta, tất nhiên ông không thể không vứt bỏ những sự vật khách quan; nói một cách chặt chẽ hơn, tức là ông không thể không xóa

nhòa tính bản năng, ngay cả tính tất yếu của sự vật khách quan. Như thế, Mạnh tử đã rơi vào sự lẫn lộn về khái niệm loại, đã rơi vào chỗ «trái ngược mà không theo loại», đó chính là kết quả tất nhiên không thể tránh khỏi của chủ nghĩa tiên nghiệm.

Tiếp theo, điều chúng tôi cần nói rõ tức là Mạnh tử đã dựa vào lô-gích so sánh theo thuyết tiên nghiệm, nên cũng đi đến kết luận giống với Tử Tư. Nghĩa là Mạnh tử cũng giống Tử Tư ở chỗ đã lấy quan niệm tiên nghiệm của mình làm căn cứ, và đã đi đến thuyết trời với người hợp nhất của chủ nghĩa thần bí. Ví dụ, ông nói:

«Ta biết xét những lời nói của thiên hạ, ta khéo bồi dưỡng cái khí hạo nhiên của ta... Cái khí hạo nhiên đó rất lớn, rất mạnh, cứ bồi dưỡng mà không để cái khí hạo nhiên đó bị giám sát nó sẽ bao trùm khắp trong trời đất. Cái khí hạo nhiên ấy, nó phối hợp với nghĩa và đạo: nếu không có cái khí đó, thì thân thể con người sẽ bị trống rỗng.» (*Công Tôn-sửu, thượng*)

«Cho nên thành là đạo của trời, và suy nghĩ sao cho thành là đạo của người. Nếu đã chí thành mà không làm cảm động được mọi người, chưa bao giờ có như thế; không thành, thì không khí nào làm cho người ta cảm động được.» (*Ly Lâu, thượng*, Chu Hy chú thích rằng: «Bài này thuật lại lời Không tử trong sách *Trung dung*,... tức là những lời mà Tử Tư đã nghe ở Tăng Tử, mà Mạnh tử đã tiếp thu được ở Tử Tư.» Trong sự chú thích đó có thể thấy được nguồn gốc tư tưởng của các nhà nho đời Tống.)

«Vạn vật đều có đầy đủ ở trong ta, xét lại mình mà thành, thì không có điều gì vui hơn nữa; nếu chưa được thành, thì nên cố gắng theo đạo thứ mà làm, muốn tìm đến điều nhân, không còn đường nào gần hơn nữa.» (*Tận tâm, thượng*)

«Người quân tử đã đi qua nơi nào cũng đều cảm hóa được mọi người, cái tâm định làm việc gì cũng rất thần

điều, trên dưới đều cùng hòa hợp với trời đất, có phải như cách bồ cứu nhỏ nhất đâu?» (*Tận tâm, thượng*)

Đồng thời, thuyết trời với người hợp nhất của Mạnh tử cũng giống với Tử Tư, đã đi tới cái quan niệm đạo trời của thần thoại tôn giáo theo thuyết thần và người giống nhau. Như ông đã nói:

«Dù người có dung mạo xấu xí mà thường trai giới tâm gọi, thì cũng có thể thờ cúng thượng đế được.» (*Ly Lâu, hạ*)

«Trời sắp trao trách nhiệm lớn cho người nào, thì tất trước đó làm cho tâm trí người ấy bị khổ sở, gân cốt người ấy bị lao nhọc, thể xác người ấy bị đói khát, mình trần thân trụi, làm việc gì cũng trái ngược với ý mình muốn; để cho cái tâm của họ được kích động, cái tính của họ được kiên nhẫn, để tăng cường những điều kiện mà họ chưa có, chưa làm được.» (*Cáo tử, hạ*)

«Cổ hết sức được cái tâm, thì biết được cái tính; đã biết được cái tính, thì biết được trời. Giữ giữ cái tâm, bồi dưỡng cái tính, đó là để thờ trời; đối với việc thọ yếu mới không còn nghi ngờ gì nữa, chỉ lo tu thân đợi đến khi chết, để xác lập lấy cái mệnh của trời phú cho.» (*Tận tâm, thượng*)

Theo đây, chúng ta có thể thấy rõ chỗ giống nhau của Mạnh tử và Tử Tư. Nhưng nêu lên quan niệm tiên nghiệm (là lý, là nghĩa), thì ở Tử Tư chưa có quan niệm đó, mà đem kết hợp lô-gích so sánh với chủ nghĩa tiên nghiệm, chính là một đặc điểm trong giai đoạn Mạnh tử. Ngoài ra, việc nhận mạnh khái niệm «loại», ứng dụng phổ biến phương pháp so sánh, cũng là một hiện tượng riêng có trong giai đoạn Mạnh tử.

Người dịch:

LÊ VŨ LANG

Hiệu đính:

DOÃN KẾ THIÊN

Mục lục

Chú dẫn của Nhà xuất bản	2
Tiết 1 — SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRƯỜNG KHÔNG TỬ CHI PHẢI TĂNG TỬ ĐẾN HỌC PHẢI TỬ, MẠNH	3
Tiết 2 — HỌC PHẢI TỬ, MẠNH ĐÃ PHÓNG ĐẠI CHỦ NGHĨA DUY TÂM CỦA NHO HỌC	20
Tiết 3 — TƯ TƯỞNG DUY TÂM VỀ TRUNG ĐUNG	35
Tiết 4 — QUAN NIỆM XÃ HỘI, LÝ LUẬN GIAI CẤP VÀ THUYẾT TIẾN CỬ NGƯỜI HIỀN CỦA MẠNH TỬ	43
Tiết 5 — TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ CỦA MẠNH TỬ	56
Tiết 6 — THUYẾT ĐẠO TRỜI, THUYẾT TÍNH THIỆN VÀ HỆ THỐNG SIÊU HÌNH CỦA MẠNH TỬ	65
Tiết 7 — LÔ-GÍCH “KHÔNG THEO LOẠI” CỦA HỌC PHẢI MẠNH TỬ	73

In 4066 cuốn, tại nhà in Tê-rê-xa, 44, Lê-thái-Tổ — Hà-nội
Khổ 13 × 19 — Xong ngày 20-11-60 — Số xuất bản 139
Số in 02/60 — Gửi lưu chiều tháng 11-1960.

ĐÌNH CHÍNH
CUỐN HỌC THUYẾT TỬ TU, MẠNH TỬ

Trang	Đong	BẤ IN	XIN ĐỌC LÀ
21	7	và một bé thông về bé thông sau	vào một bé thông, về bé thông sau
29	9	họa phúc sắp đến, nên là	họa phúc sắp đến, nên là
57	28	Yên được một ngày !	Yên được một ngày !
95	22	lời nói của người đó	lời nói của người đó.

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT
2/4, Quang Trung Hà Nội — Giấy in: 20/58

ĐÃ XUẤT BẢN

Cùng tác giả:

HÀU NGOẠI LƯU — TRIỆU KỶ BÂN
ĐỒ QUỐC TƯỜNG

— **BÀN VỀ TƯ TƯỞNG**
CỔ ĐẠI TRUNG - QUỐC

— **HIỂN HỌC KHÔNG MẶC**

— **TƯ TƯỞNG LÃO TRẠNG**

Giá: 06.00